

PHẬT HỌC PHỔ THÔNG



HT.Thiện Hoa
Khóa Thứ 10 và 11

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

DỊCH NGHĨA VÀ LỢC GIẢI

Giảng lần thứ nhất tại Phật Học Đường Nam Việt
Ngày 12 tháng 9 năm Tân Sửu (11 10 61)

---o0o---

Nguồn

www.thuvienhoasen.org

Chuyển sang ebook 16-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

BÀI THỨ NHỨT

CHƯƠNG THỨ NHỨT : PHẦN NHƠN DUYÊN

CHƯƠNG THỨ HAI : PHẦN ĐỊNH DANH NGHĨA

BÀI THỨ HAI

BÀI THỨ BA

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH

BÀI THỨ TƯ

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "GIÁC"

BÀI THỨ NĂM

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BẤT GIÁC"

BÀI THỨ SÁU

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BẤT GIÁC" (Tiếp Theo)

BÀI THỨ BẢY

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ Ý NGHĨA "BẤT GIÁC" (tiếp theo)

BÀI THỨ TÁM

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BẤT GIÁC" (tiếp theo)

BÀI THỨ CHÍN

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BẤT GIÁC" (tiếp theo)

BÀI THỨ MƯỜI

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BÁT GIÁC" (tiếp theo)
BÀI THỨ MƯỜI MỘT

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BÁT GIÁC" (tiếp theo)
BÀI THỨ MƯỜI HAI

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH
BÀI THỨ MƯỜI BA

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH
BÀI THỨ MƯỜI BỐN

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH
BÀI THỨ MƯỜI LĂM

CHƯƠNG THỨ TƯ : PHẦN TÍN TÂM, TU HÀNH
BÀI THỨ MƯỜI SÁU

CHƯƠNG THỨ TƯ : PHẦN TÍN TÂM TU HÀNH

CHƯƠNG THỨ NĂM : LỢI ÍCH VÀ KHUYẾN TU

---o0o---

BÀI THỨ NHỨT

CHƯƠNG THỨ NHỨT : PHẦN NHƠN DUYÊN

NGUYÊN NHÂN TẠO LUẬN NÀY

Trong khoảng 600 năm, sau khi Phật nhập diệt, tại Ấn độ, phần thì phái Tiểu thừa nổi lên tranh chấp, không tin lý Đại thừa, phần thì ngoại đạo lập các tà thuyết phá hoại chánh pháp; tình trạng Phật giáo rất đen tối.

Ngài Mã Minh Bồ Tát, trông thấy tình trạng ấy rất đau lòng, nên tạo ra luận này, để xô tà đỡ chánh: trừ những nghi ngờ của Tiểu thừa, phá các tà thuyết của ngoại đạo, làm cho người phát khởi lòng tin Đại thừa.

GIẢI THÍCH TÊN LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

_ Luận. Luận là luận bàn lẽ tà chánh, quyết đoán điều nghi ngờ và lựa chọn những việc phải quấy.

_ Đại thừa. Chữ "Đại" là lớn, chữ "Thừa" là cõi. Đọc chữ "Thặng" nghĩa là cái xe. Theo đây phải đọc là "Thặng" mới đúng, song vì theo thói quen nên đọc là "Thừa".

Đại thừa có 5 nghĩa:

1. Vì đối với Tiểu nên gọi là Đại.
2. Quả Phật rộng lớn, thừa này sẽ đi đến quả Phật, nên gọi là Đại Thừa.
3. Chư Phật là bậc Đại hơn, song chẳng rời thừa này, nên gọi là Đại Thừa.
4. Các Bồ Tát là bậc Đại sĩ, đều y theo thừa này mà tu tập, nên gọi là Đại Thừa.
5. Vì thừa này rất rộng lớn, cứu độ chúng sanh đông nhiều nên gọi là Đại Thừa.

---o0o---

LUẬN NÀY LẤY GÌ LÀM ĐẠI THỪA?

Luận này lấy tâm chúng sanh làm Đại thừa. Bởi tâm chúng sanh: Thể nó lớn, Tướng nó to, Dụng nó đại, bao trùm tất cả các pháp thế gian, và xuất thế gian, nên gọi là Đại Thừa.

Trọng tâm của luận này là nói: Thể, Tướng và Dụng của tâm chúng sanh. Vì tâm này là "Tổng tướng" (Tướng chung) của tất cả thánh phàm, mê ngộ, hơn quả ...cho nên trong luận này cũng gọi là "Đại Tổng tướng pháp môn thể".

Tâm này có nghĩa "vận tải": Các Đức Phật đều nương tâm này mà chứng Bồ Đề, Niết bàn. Bồ Tát nương tâm này mà rộng tu muôn hạnh: trên cầu quả Phật, dưới hoá độ chúng sanh. Chúng sanh cũng do tâm này mà trôi lặn trong dòng sanh tử luân hồi. Vì thế nên gọi tâm này là Đại thừa.

Do ngộ lý này, nên cổ hơn có làm bài kệ:

Dịch âm:

Tam điểm như tinh tượng

Hoành câu tợ nguyệt tà

Phi mao tùng thử đắc

Tổ Phật giả do tha.

Dịch nghĩa

Ba chấm như ngôi sao

Uốn cong tợ trăng tà

Chúng sanh từ đâu có

Chư Phật cũng do đây.

Khởi tín. Luận này làm cho người phát khởi lòng tin Đại thừa, nên gọi là "Đại thừa khởi tín". Đáng lẽ phải nói: "Khởi Đại thừa tín"; nghĩa là khởi lòng tin Đại thừa; song vì chúng sanh sau khi thấu rõ Đại thừa rồi, mới phát khởi lòng khởi tín, nên gọi "Đại thừa khởi tín".

NỘI DUNG CỦA LUẬN NÀY

Ngài Mã Minh Bồ Tát căn cứ theo kinh Lăng Già, kinh Tư Ích và các kinh Đại thừa mà tạo ra luận này. Nội dung của luận này là Phát minh lý Duy tâm hay Duy thức đem về nhứt tâm, vạch rõ nguồn gốc mê ngộ, chỉ bày đường tắt tu hành, tóm các nghĩa lý sâu rộng của Phật nói, làm cho người phát khởi lòng tin Đại thừa.

NGÀI MÃ MINH BỒ TÁT

LÝ LỊCH VÀ TÊN

Ngài Mã Minh Bồ Tát, người xứ Ba la nại, phía tây Thiên Trúc (Ấn Độ). Ngài là Tổ thứ 12 ở Thiên Trúc, nối ngôi của Tổ thứ 11 là Phú Na Dạ Xa Tôn giả.

Vì có 3 nguyên nhân, nên gọi Ngài là Mã Minh:

1. Khi Ngài vừa sanh ra, thì các con ngựa trong xứ ấy đều buồn mà kêu to lên.
2. Ngài đờn rất hay, mỗi khi Ngài đờn thì những con ngựa được nghe tiếng đờn đều buồn mà kêu lên.
3. Khi thuyết pháp, các con ngựa nghe đến tiếng Ngài, đều rơi nước mắt kêu to lên và không ăn. Mặt dù người ta thử bỏ đói chúng vài ba ngày, rồi đến

lúc Ngài thuyết pháp mới bỏ cỏ cho ăn, nhưng chúng cũng không ăn. Bởi thế nên gọi là Mã Minh (ngựa kêu).

NGUYÊN NHƠN NGÀI NGỘ ĐẠO

Khi gặp Tổ Phú Na Dạ Xa Tôn giả,

Ngài hỏi: Làm sao biết Phật?

Tổ đáp: Không biết là biết Phật.

Ngài hỏi: Không biết làm sao biết là Phật?

Tổ đáp: Không biết làm sao biết không phải là Phật.

Ngài nói: Nghĩa của Tổ là nghĩa cưa.

Tổ nói: Nghĩa của ông là nghĩa cây.

Tổ hỏi tiếp: Thế nào, ông nói nghĩa của tôi là nghĩa cưa?

Ngài đáp: Vì Tổ nói qua nói lại như cưa vậy.

Ngài hỏi tiếp: Thế nào Tổ nói nghĩa của tôi là nghĩa cây.

Tổ đáp: Vì cây bị cưa vậy. Thế nghĩa của ông bị tôi phá rồi. Ngài nghe rồi liền ngộ đạo.

Trong kinh Ma ha ma da, Phật có huyền ký (ghi trước) rằng: "Sau khi Như Lai diệt độ 600 năm, các ngoại đạo tà thuyết thịnh hành, huỷ diệt Phật pháp. Lúc bấy giờ có vị Bồ Tát ra đời tên là Mã Minh, nói pháp rất hay, phá trừ tà thuyết, hàng phục ngoại đạo".

Bởi thế nên biết Ngài Mã Minh, cũng là một vị Bồ Tát tái lai. Chúng ta nên học luận này, phải lấy làm hy hữu, gia tâm nghiên cứu, chớ nên xem thường.

NGÀI CHƠN ĐẾ

Luận này có hai nhà dịch: Ngài Chơn đế và Ngài Thật xoa Nan đà. Bản dịch này là của Ngài Chơn đế. Nguyên tiếng Phạn gọi là "Ba La Mạc Đà"; Tàu dịch là "Chơn đế". Ngài ở nước Ưu thiên ni, phía Tây Ấn Độ.

Ngài qua Tàu nhằm đời vua Nguyên Đế nhà Lương, niên hiệu Thừa Thánh, năm thứ ba (Mậu thìn). Ngài ở chùa Kiến Hưng, đất Hoàng Châu, dịch bộ Luận này.

---o0o---

LỜI CẦU NGUYỆN

CHÁNH VĂN

Kính lạy Phật, Pháp và Tăng, vì muốn cho chúng sanh bỏ chấp tà, trừ các nghi ngờ, khởi lòng tin Đại thừa, để cho giống Phật chẳng mất, nên con tạo ra luận Đại thừa Khởi tín này.

LƯỢC GIẢI

Các vị Bồ Tát khi làm việc gì, trước nhứt là đề tâm qui kính Tam bảo; cũng như con hướng về cha, trò hướng về thầy, dân chúng hướng về vị lãnh tụ của nước; và nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho việc làm của mình hợp với chánh pháp và kết quả viên mãn.

Đoạn này là Ngài Mã Minh Bồ Tát trước khi tạo luận, nói bài kệ quy kính Tam bảo và nguyện cầu Tam bảo gia hộ.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ NHỨT - PHẦN NHƠN DUYÊN

CHÁNH VĂN

Vì tám nhân duyên sau đây nên tạo ra luận này:

1. Vì muốn cho chúng sanh xa lìa các khổ, đặng vui rốt ráo nên tạo luận này, không phải vì danh lợi ở thế gian, hay cầu người cung kính.
2. Vì muốn cho chúng sanh hiểu biết chơn chánh, khởi sự làm lạc, nên tạo luận này để giải thích nghĩa căn bản của Như Lai.
3. Muốn cho những chúng sanh căn lành đã thuần thực (mãn Thập tín), lòng tin chẳng thoái lui và có thể lãnh thọ pháp Đại thừa, nên tạo luận này.

4. Muốn cho những chúng sanh căn lành mỏng ít (chưa mãn Thập tín) tu tập tín tâm.

5. Vì bảo hộ đạo tâm của những chúng sanh ác nghiệp sâu dày, nên chỉ bày phương tiện, để chúng tiêu trừ nghiệp chướng xa lìa các phiền não si, mạn ...và ra khỏi lưới tà.

6. Vì muốn đối trị tâm niệm sai lầm của phàm phu và Nhị thừa, nên chỉ bày cho họ tu tập Chỉ Quán.

7. Vì những chúng sanh căn tánh kém cỏi, nên chỉ **bày** phương tiện chuyên tâm niệm Phật, sanh về cõi Phật, để cho tín tâm quyết định không thoái chuyển.

8. Chỉ bày lợi ích để khuyên người tu hành.

Tóm lại, vì tám nhân duyên trên, nên tạo ra luận này.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Luận này chia ra làm 5 phần, đây là phần thứ nhất, Ngài Mã Minh Bồ Tát vì tám nhân duyên sau đây nên tạo ra luận này:

Nhơn duyên thứ nhất: Chư Phật và Bồ Tát khi làm việc gì, đều do lòng từ bi, muốn cho chúng sanh khỏi khổ được vui. Tất cả chúng sanh vì mê bản tâm của mình mà thọ các khổ sanh tử, không được vui Niết bàn. Trong luận này, Ngài Mã Minh Bồ Tát chỉ rõ bản tâm, để cho chúng sanh tự tin mình có bản tâm thanh tịnh (pháp Đại thừa) là cái khả năng để thành Phật. Khi chúng sanh đã ngộ được bản tâm của mình rồi, thì sẽ hết khổ sanh tử, được vui Niết bàn. Vì thế nên tạo ra luận này.

Nhơn duyên thứ hai: Các đức Như Lai đều y nơi "nhứt tâm" tu hành mà được thành đạo chứng quả. Luận này nói về "nhứt tâm" là nghĩa căn bản của Như Lai, để cho chúng sanh hiểu biết đường lối tu hành một cách chơn chánh, khỏi bị lạc vào tà kiến (chấp tà).

Nhơn duyên thứ ba: Luận chủ muốn cho hàng Thập tín Bồ Tát đối với pháp Đại thừa, lòng tin chắc chắn, không bị thoái lui, để tiến đến bậc Thập trụ.

Nhơn duyên thứ tư: Vì những vị Bồ Tát chưa viên mãn Thập tín, muốn cho họ tu tập tín tâm được viên mãn.

Nhơn duyên thứ năm: Vì những chúng sanh nghiệp chướng nặng nề, bị lưới tà làm chướng ngại, nên tạo ra luận này để chỉ bày phương tiện tu hành, như tụng kinh, sám hối ...hầu diệt trừ các nghiệp chướng.

Nhơn duyên thứ sáu: Vì đối trị tâm lầm lỗi của phàm phu và Nhị thừa, nên Luận chủ tạo luận này, dạy tu "Chi" để trừ bệnh "Vọng tưởng tán loạn" của phàm phu; và dạy tu "Quán" để đối trị bệnh "Trầm không thú tịch" (tham luyến cảnh thiên không Niết bàn) của Nhị thừa.

(Quán nhơn duyên sanh, thấy các pháp chẳng không: Thánh, Phàm đủ cả. Bởi có phàm phu nên phải tu đức đại bi để cứu đời; vì có Thánh, nên phải phát trí huệ, để cầu quả Phật).

Nhơn duyên thứ bảy: Vì những người lo sợ đời này tu hành nếu không chứng quả, thì trở lại đời sau bị nghịch duyên làm thối chuyển đạo tâm, hoặc không nhớ lại kiếp trước để tu hành, nên tạo luận này dạy phương tiện niệm Phật, để họ cầu sanh về cõi Phật, thường được nghe Phật thuyết pháp và Bồ Tát khuyên tu, làm cho hành giả tín tâm chẳng thối chuyển.

Nhơn duyên thứ tám: Vì những chúng sanh giải đãi, nên Luận chủ nói sự lợi ích tu hành, để khuyên người tiến tu.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Pháp Đại thừa, trong các kinh đã nói nhiều, cần gì phải lập trở lại?

Đáp: _ Khi Phật còn trụ thế, vì ba nghiệp của Ngài đều thù thắng, nên một tiếng của Phật nói ra (nhứt âm diễn xướng) tùy theo căn cơ của mỗi loài đều được hiểu cả, không cần phải tạo luận. Song sau khi Phật diệt độ, các chúng sanh trình độ không đồng đều, nhơn duyên lãnh thọ giáo pháp cũng như sự lãnh hội của mỗi người có khác nhau: có chúng sanh chỉ tự lực học hỏi rất nhiều kinh điển mới hiểu ngộ; có chúng sanh cũng dùng tự lực học ít mà hiểu ngộ nhiều; có chúng sanh không thể tự lực mà phải nhờ xem các bộ đại luận, mới hiểu ngộ; có chúng sanh vì thấy các bộ đại luận rất phiền phức, nên muốn tóm lại văn ít mà thâm nhiều nghĩa. Vì thế nên Luận chủ tạo ra

luận này, để tóm tắt giáo pháp quảng đại thậm thâm và nghĩa lý vô biên của Đức Như Lai.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này, Luận chủ lập lời vấn đáp, để giải đáp nghi vấn của độc giả.

Đại ý lời hỏi: Pháp Đại thừa, trong các kinh luận đã nói nhiều, nay cần gì phải tạo luận nói lập trở lại?

Đại ý lời đáp: Khi Phật còn tại thế do phước huệ song toàn, ba nghiệp (thân, khẩu, ý) thù thắng; và trình độ của chúng sanh thụ giáo cũng được ưu hạng, nên một lời của Phật nói ra (viên âm), tất cả các loài tùy theo trình độ của mình, đều hiểu được cả. Bởi thế nên không cần phải tạo luận. Song sau khi Phật nhập diệt, người thay thế Phật truyền giáo không được như Ngài, phần thì chúng sanh trình độ không đồng, như duyên ngộ đạo của mỗi người có khác: Có người nhờ xem kinh mà ngộ đạo, có người nhờ xem luận mà ngộ đạo, có người ưa nghiên cứu những bộ đại luận, có người chỉ muốn học những quyển luận, văn ít mà bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Vì muốn tóm tắt các nghĩa lý sâu rộng vô biên của Phật, nên Ngài Mã Minh Bồ Tát tạo ra luận này.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ HAI : PHÂN ĐỊNH DANH NGHĨA

CHÁNH VĂN

Chương này có hai phần:

A. PHÁP ĐẠI THỪA (Thê Đại thừa) tức là tâm chúng sanh. Tâm này tóm thâu hết thấy các pháp thế gian, xuất thế gian và nói lên được nghĩa Đại thừa.

Tại sao vậy? _ Vì tâm này có hai tướng:

1. Tướng Chơn như tức là cái Thê của Đại thừa.
2. Tướng như duyên sanh diệt tức là Thê, Tướng, Dụng của Đại thừa.

B. NGHĨA ĐẠI THỪA: "Đại" là lớn, lớn cả 3 phương diện:

1. Thể lớn: Chơn như bình đẳng, bất tăng bất giảm. Bản thể của tất cả pháp.
2. Tướng lớn: Như Lai tạng chứa đầy vô lượng tánh công đức.
3. Dụng lớn: Vì nó sanh tất cả nhơn quả lành của thế gian và xuất thế gian.

"Thừa" là chiếc xe, tất cả chư Phật đều đi xe này (pháp Đại thừa); tất cả các vị Bồ Tát cũng đều đi xe này mà đến chỗ Phật.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về phân lập nghĩa, tức là xác định cái danh nghĩa Đại thừa. Phân lập nghĩa này chia làm hai: Pháp Đại thừa và Nghĩa Đại thừa.

I. Pháp đại thừa: là tâm chúng sanh.

Tâm này có hai tướng:

1. Tướng Chơn như tức là chỉ riêng về phần thể tánh chơn tâm thanh tịnh; dụ như "tánh trong sạch" của nước.
2. Tướng như duyên sanh diệt tức là chỉ chung cho Thể, Tướng và Dụng của chơn vọng hoà hợp; dụ như tánh "trong sạch" và "tướng như đục" lẫn lộn của nước.

II. Nghĩa đại thừa: Đại thừa nghĩa là gì?

"Đại" là lớn; "Thừa" (thặng) là chiếc xe: chiếc xe lớn.

Tâm chúng sanh, Thể, Tướng và Dụng đều lớn. Thể thì bao trùm tất cả pháp, Tướng thì chứa đựng hằng sa công đức, còn Dụng thì xuất sanh tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.

Khế kinh chép: "Vô bất tùng thử pháp giới lưu, mạc bất hoàn qui thử pháp giới, (không có một pháp nào chẳng từ tâm này mà lưu xuất, và cũng không có một pháp nào chẳng trở về tâm này).

Tâm này bao trùm tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Các Đức Phật đều nương tâm này mà được thành đạo. Các vị Bồ tát cũng nương tâm này để đến chỗ Phật. Chúng sanh cũng do tâm này mà luân hồi trong 6 đường. Tâm này cũng như chiếc xe lớn chở tất cả người và vật. Bởi thế nên gọi tâm này là pháp Đại thừa.

Tại sao không nói: "Tâm Phật" là pháp Đại thừa mà chỉ nói "Tâm chúng sanh", là pháp đại thừa? _ Vì có hai lý:

1. Nếu nói "Tâm Phật" thì chỉ tóm thâu được pháp thanh tịnh vô lậu mà thôi; còn nói "Tâm chúng sanh", lại tóm thâu được cả pháp hữu lậu, vô lậu, thế gian và xuất thế gian.
2. Nói Tâm chúng sanh là đứng về phần "nhơn" mà nói; vì chưa phải nhiễm hay tịnh, nên mới có thể tùy nhiễm duyên khởi ra nhiễm pháp, tùy tịnh duyên khởi ra tịnh pháp.

GIẢI DANH TỪ

Tướng chơn như: Chữ "Chơn" là chơn thật không hư dối; chữ "Nhu" là bình đẳng như như, không sanh diệt, nghĩa là tướng chơn thật bình đẳng như như không sanh diệt; tức là "Thật tướng" hay "Chơn tâm" hay "Viên giác" đây ;à cái "Thể của Đại thừa". Đoạn này gọi "Tướng chơn như" tức là ở đoạn văn sau gọi " Môn chơn như".

Tướng nhơn duyên sanh diệt: Vì nhơn duyên sanh diệt, nên đủ cả các tướng: nhiễm, tịnh, thánh, phàm v.v...Đoạn này gọi "Tướng nhơn duyên sanh diệt" tức là ở đoạn văn sau gọi "Môn sanh diệt".

Như Lai tạng, có 3 nghĩa:

1. Tánh Như Lai (tánh Phật) bị các phiền não phú tàng (che đậy), tức là chỉ cho chơn như còn bị triền phược; như vàng còn ở trong khoáng.
2. Tánh Như Lai bao trùm tất cả pháp (nghĩa năng tàng)
3. Tánh Như Lai là chỗ xuất sanh ra vô lượng công đức (nghĩa sở tàng).

Tánh công đức: Công đức saün có trong Như Lai tạng. Công đức này không phải do tu tập mà được; song phải nhờ sự tu tập làm trợ duyên nó mới hiện.

Chúng sanh vì thiếu sự tu tập làm trợ duyên, nên tánh công đức này không phát hiện.

Nhơn quả lành_ Tại sao luận này chỉ nói "nhơn quả lành" mà không nói đến "nhơn quả ác"?

_ Vì có ba nghĩa:

1. Nhơn quả ác là thứ nhiễm ô hư vọng; vì tâm này chỉ bao trùm vô lượng hằng sa công đức, nên không hiệp với thứ nhiễm ô hư vọng. Dụ như nước có cả chất trong và đục; song "chất đục" không hợp với tánh nước, mà "chất trong" mới hiệp với nước; vì khi lóng bỏ bùn rồi thì chỉ còn chất nước trong. Cũng thế, pháp nhiễm ô không hiệp với tâm này, mà duy có nhơn quả lành mới hiệp với tâm này.

2. Ngài Mã Minh chỉ nói về "Nhơn quả lành", là vì để chúng sanh thấy tâm mình sanh ra các nhơn quả lành, nên sanh tâm hâm mộ sự tu hành, mong cầu quả Phật.

3. Ngài Mã Minh Bồ Tát đã lên Thánh vị, nên trong A lại da thức của Ngài chỉ toàn nhơn quả lành. Vì Ngài chỉ thấy thuần thiện, nên Ngài chỉ nói "nhơn quả lành" mà không nói đến "nhơn quả ác".

Nhơn quả lành thế gian: Nhơn quả thuộc về hữu lậu thiện, còn quanh quẩn trong ba cõi thế gian là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Nhơn quả lành xuất thế gian: Nhơn quả thuộc về vô lậu thanh tịnh, ra ngoài tam giới.

---o0o---

BÀI THỨ HAI

1. Nói về Tâm Chơn như, có 2 nghĩa:

Thật không (như thật không)

Thật có (như thật bất không)

A. NÓI RÕ NGHĨA CHÁNH

CHÁNH VĂN

Cái tâm này (chúng sanh tâm) có hai phần: I. Tâm chơn như, II. Tâm sanh diệt. Hai tâm này không rời nhau và đều bao trùm tất cả pháp.

LƯỢC GIẢI

Chương này giải thích tâm chúng sanh là pháp Đại thừa. Pháp Đại thừa có hai phần: Chơn như và Sanh diệt. Chơn như là "thể" rộng lớn của tâm; Sanh diệt là "Tướng" và "Dụng" rộng lớn của tâm. Phải phân chia làm hai phương diện như vậy, mới rõ được Thể, Tướng và Dụng của tâm.

Nếu đứng về "Thể chơn như", thì suy nghĩ không trúng, luận bàn chẳng nhằm, lìa các văn tự, lý tất cả tướng; như thể làm sao có các pháp sai biệt được. Bởi thế nên phải nói đến Tướng và Dụng là "môn sanh diệt" mới rõ được hành tướng sai biệt của "Tâm chúng sinh".

Chơn như là "Thể", còn Sanh diệt là "Tướng" và "Dụng". Tướng và Dụng không rời Thể, Thể không rời Tướng và Dụng; cũng như nước không rời sóng, sóng không rời nước. Bởi Thể, Tướng và Dụng không rời nhau, nên mỗi một phần đều bao hàm được tất cả pháp.

Vì Thể và Dụng không rời nhau, nên đứng về phần Chơn như mà luận, thì tuy "thanh tịnh bất biến", mà vẫn tùy duyên sanh diệt; còn đứng về phần Sanh diệt mà xem, thì tuy "tùy duyên sai biệt" mà vẫn như bất biến.

I. TÂM CHƠN NHƯ

CHÁNH VĂN

Tâm Chơn như là cái tâm tánh bất sanh bất diệt. Thể và Tướng nó to lớn bao trùm tất cả các pháp (nhứt pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể).

Sở dĩ các pháp sai khác là do vọng niệm; nếu rời vọng niệm thì không còn các cảnh tướng sai khác. Bởi thế nên tất cả pháp từ hồi nào đến giờ, không thể dùng danh tự để kêu gọi, không thể dùng lời nói luận bàn, không thể dùng tâm suy nghĩ được, không có biến đổi và cũng không phá hoại vì nó rất rảo bình đẳng, chỉ có một "Tâm Chơn như" mà thôi.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tâm Chơn như này, tánh không sanh diệt và bao trùm tất cả nhơn quả, thánh phàm, y báo chánh báo ...Bởi thế nên nguyên văn chữ Hán gọi là "nhứt pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể".

Vì vọng niệm nên thấy có tất cả các pháp sai khác; cũng như vì mắt nhắm nên thấy có hoa đóm giữa hư không. Nếu như lìa vọng niệm rồi, thì không có tất cả cảnh giới sai khác sai khác, mà chỉ còn một "Tâm Chơn như"; cũng như mắt hết nhắm thì chỉ còn hư không một màu trong tịnh.

Bởi tất cả pháp là "Tâm Chơn như", nên không thể phá hoại, không thể dùng lời nói luận bàn, không thể dùng danh tự để kêu gọi và cũng không thể dùng tâm suy nghĩ được. Từ hồi nào đến giờ, nó rớt ráo bình đẳng, không có sai khác. Bởi thế nên trong Khế kinh chép:

"Thị pháp trụ pháp vị

Thế gian tướng thường trụ"

Nghĩa là: Pháp nào vẫn an trụ địa vị của pháp này; tướng thế gian là tướng thường trụ.

GIẢI DANH TỪ

Tâm Chơn như: Vì tâm này không hư hoại, nên gọi là "Chơn", không bị thời gian thay đổi, không gian chuyển dời, từ hồi nào đến giờ nó vẫn như thế, nên gọi là "Như". Tâm Chơn như cũng gọi là "Chơn tâm" hay "Viên giác".

Nhứt pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể: Câu này nghĩa lý rất sâu rộng, xin giải sơ lược: Tâm Chơn như là Thể chung của "Nhứt pháp giới". _Chữ "Nhứt" là chỉ cho sự bình đẳng bất nhị, thuộc về lời nói ngăn chấp, chớ không phải lời nói tiêu biểu. _Chữ "Giới" là chỉ cho "tâm Chơn như" này, nó là "nhơn" là "giống" là "bản năng" sanh ra tất cả các pháp, nên gọi là "nhứt pháp giới". Nhứt pháp giới là toàn tánh của vũ trụ. Ở nơi nhứt pháp giới này, có thể phân ra tổng tướng (thể) và biệt tướng (muôn pháp sai khác).

Tâm Chơn như là "Tổng tướng" (tướng chung) của tất cả pháp; vì thể tánh nó bình đẳng song cũng tóm thâu tất cả tướng, nên gọi là "Đại".

Chữ "Pháp" nghĩa là:"giữ gìn tự tánh và làm cho người hiểu biết". Chữ "môn" là nghĩa ra vào thông suốt. Tất cả chúng sanh có thể do pháp môn này tu hành, đến được mục đích cứu cánh; nếu rời "Đại tổng tướng pháp môn" này, thì không thể đạt đến quả vị Phật. Nói tóm lại:

Nhứt pháp giới là "Thê" của tâm Chơn như.

Đại tổng tướng là "Tướng" của tâm Chơn như.

Pháp môn là "Dụng" của tâm Chơn như.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Tất cả những lời nói, đều do vọng niệm phân biệt mà sanh, chỉ do giả danh chớ không thật thể . Cho đến danh từ Chơn như cũng không thực; chẳng qua là một danh từ tóng cùng của lời nói, dùng để trừ bỏ các danh từ khác (vọng) mà thôi (nhơn ngôn khiến ngôn). Song cái "Thê" của Chơn như không thể trừ bỏ và cũng không thể dựng lập. Phải biết: Tất cả các pháp cũng không thể trừ bỏ vì đều là "Chơn" vậy, và cũng không thể dựng lập, vì đều là "Nhu" vậy. Bởi tất cả các pháp đều là Chơn như, nên không thể nói bàn và suy nghĩ được.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tất cả những lời nói phô, đều do vọng niệm phân biệt; danh từ chỉ là hư giả, chớ không có thật thể. Cho đến cái danh từ Chơn như cũng là hư giả mà thôi. Danh từ Chơn như hay Phật là danh từ tóng cùng trong các danh từ tạm đặt ra như thế để trừ các danh từ vọng nhiễm của thế gian. Cũng như ông thầy giáo, tạm dùng tiền gõ bảng để trừ tiếng ồn của học sinh (dĩ ngôn diệt ngôn). Đến khi tiếng ồn của học sinh hết, thì tiếng gõ bảng của thầy giáo cũng không còn. Cũng như khi vọng mất, chúng sanh hết, thì Chơn như hay Phật cũng chẳng còn.

Song, chỉ bỏ cái danh từ (Chơn như) hư giả, chớ thể tánh chơn như thì không thể bỏ hay lấy. Cho đến các pháp cũng không thể bỏ và lấy được. Vì các pháp đều là "Chơn", nên không thể bỏ, và "Nhu" nên không thể lấy. Bởi

các pháp đều chơn như, nên không thể dùng lời nói luận bàn hay tâm suy nghĩ đền được.

Tóm lại, vì vọng niệm phân biệt, nên thấy có các pháp sai biệt. Nếu vọng niệm phân biệt hết, thì tất cả các pháp không còn những tướng sai biệt, mà đều là Chơn như. Bởi các pháp đều là chơn như, nên nói năng không trùng, suy nghĩ chẳng nhầm và cũng không thể lấy hay bỏ được.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Nếu "Chơn như", mà không thể dùng lời nói luận bàn hay tâm suy nghĩ, thì chúng sanh làm sao tùy thuận và ngộ nhận được?

Đáp: _ Nếu người nào biết tất cả pháp, tuy có nói bàn, mà không có "năng nói" và "sở nói"; tuy có suy nghĩ, mà không có "năng suy nghĩ" và sở "suy nghĩ", thì người ấy được tùy thuận Chơn như.

Còn người nào lìa các niệm (vọng niệm) thì người đó được nhập Chơn như.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Luận chủ lập lời vấn đáp, để giải thích sự nghi ngờ của độc giả.

Hỏi: _ Nếu Chơn như mà không thể dùng lời nói luận bàn và tâm suy nghĩ được thì, chúng sanh làm sao tùy thuận và ngộ nhập Chơn như?

Đáp: _ Nếu người nào biết tất cả pháp, tuy có nói năng suy nghĩ, mà không chấp nơi nói năng suy nghĩ, thì người đó được tùy thuận Chơn như. Tiến lên một tầng nữa, nếu người nào lìa các vọng niệm, thì người ấy nhập được Chơn như. Nghĩa là "Vọng" hết, thì "Chơn" hiện. Đoạn này đồng một ý nghĩa với bốn chữ "bất tùy phân biệt" trong Kinh Lăng Nghiêm.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Lại nữa, nếu căn cứ trên danh từ (ngôn thuyết) mà phân biệt, thì chữ Nhơn như có 2 nghĩa:

1. THẬT KHÔNG (như thật không), tức là chỉ nói đến cái thể tánh rốt ráo chơn thật của Chơn như. Nghĩa là: từ hồi nào đến giờ, Chơn như không có các tâm niệm hư vọng, không có tất cả các tướng sai biệt, nói chung là thật không có các pháp tạp nhiễm.

Phải biết: Chơn như phi tướng "có", phi tướng "không"; phi tướng "chẳng phải có", phi tướng "chẳng phải không"; phi tướng "cũng có và cũng không"; phi tướng "một", phi tướng "khác"; phi tướng "chẳng phải một, chẳng phải khác"; phi tướng "cũng một cũng khác".

Nói tóm lại, vì chơn như không có tất cả các vọng niệm phân biệt của chúng sanh, nên gọi rằng "thật không". Nếu khi vọng tâm phân biệt hết rồi thì cũng không còn cái gì gọi là "không" nữa.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đứng về phương diện lý tánh tuyệt đối, thì Chơn như không thể kêu gọi là gì được (ly danh tự tướng), không thể dùng lời nói luận bàn (ly ngôn thuyết tướng) và cũng không thể dùng tâm suy nghĩ được (ly tâm duyên tướng). Song, nếu căn cứ trên văn tự lời nói mà luận, thì Chơn như có hai nghĩa: 1. Thật không và 2. Thật có.

Đoạn này nói về nghĩa "thật không" (ly như thể tướng), tức là chỉ cho cái "thể Chơn như", từ hồi nào đến giờ, nó không có các vọng niệm, không có các nhiễm pháp và không có các tướng sai khác. Nó phi tất cả các tướng: Có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, cho đến phi tướng đồng, tướng dị và tướng không đồng không dị...

Nói tóm lại là nó không có tất cả vọng niệm phân biệt của chúng sanh, và khi rời các vọng niệm rồi, thì cái gọi là "không" đó cũng không còn.

---o0o---

CHÁNH VĂN

2. THẬT CÓ (như thật bất không)

tự thể Chơn như, thật có đủ công đức vô lậu (tức nhưt thể pháp). Bởi Chơn như không có các vọng, nên tức là Chơn tâm. Cái Chơn tâm này thường còn không biến đổi và đầy đủ các pháp thanh tịnh; nên nói "thật có"(bất không).

Nhưng cái cảnh giới "thật có" này, cũng không có hình tướng gì để nắm lấy được, vì nó lìa cá vọng niệm, nên chỉ có người tu chứng mới biết được mà thôi.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Trong đoạn này nói: Chơn như có hai nghĩa, tức là ý nói Chơn như có hai thứ. _ Đoạn trên nói về phương diện "thể tánh" của Chơn như, thì không có các vọng niệm, không có các pháp nhiễm ô, tức là "ly nhưt thể tướng", nên nói "thật không".

Đoạn này nói về phương diện "tướng dụng" của Chơn như, thì đầy đủ vô lượng hằng sa công đức, thể là "tức nhưt thể pháp", nên nói "thật có". Nhưng cảnh giới "thật có" này, không có hình tướng gì để chỉ bày ra được, vì đã lìa các vọng niệm phân biệt, nên chỉ có người chứng ngộ mới biết được thôi.

---o0o---

BÀI THỨ BA

CHƯƠNG THỨ BA : PHÂN GIẢI THÍCH

II. TÂM SANH DIỆT (Thứ A lại da)

CHÁNH VĂN

Do Như Lai tạng (chơn) mà có "Tâm sanh diệt"; nghĩa là Chơn (không sanh diệt) Vọng(sanh diệt) hoà hiệp, không phải "một" không phải "khác" gọi là thức A lại da (tâm sanh diệt). Thức này tóm thâu tất cả các pháp và xuất sanh tất cả các pháp. Thức này có hai nghĩa "Giác" và "Bất giác" (mê).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn trước nói chỉ có một tâm mà chia ra làm hai phương diện: Tâm Chơn như và Tâm sanh diệt.

Đoạn này nói do Như Lai tạng mà có "Tâm sanh diệt" tức là thức A lại da. Vì thức A lại da là do chơn vọng hoà hiệp, không phải một không phải khác, nên có hai nghĩa "Giác" và "Bất giác". Thức này có công năng giữ gìn tất cả các pháp và sanh ra các pháp.

Trên đây nói thức A lại da có 2 nghĩa, không nên hiểu lầm thức A lại da có hai thứ "Giác" và "Bất giác" khác nhau; mà nên hiểu rằng: thức này có hai trạng thái, tùy nhiễm duyên thì trạng thái "Bất giác" hiện, tùy tịnh duyên thì trạng thái "Giác" hiện. Cũng như sáng với tối, chỉ là hiện tượng của thái hư mà thôi.

Chúng ta cũng nên phân biệt ba danh từ: Chơn như, Như Lai tạng và thức A lại da là đồng hay khác, và liên quan với nhau như thế nào.

"Chơn như" là chỉ cho cái "Tổng thể" của tâm; "Như Lai tạng" là chỉ cho cái "Tổng tướng" của tâm, "thức A lại da" là chỉ cho cái "Thể, Tướng và Dụng" về nhiễm và tịnh hoà hiệp của tâm.

Chơn như, dụ như "tánh" ướt của nước; Như Lai tạng, dụ như "nước" (hình tướng của nước); A lại da, dụ như "sóng" (dụng của nước). Trong sóng gồm có cả tánh ướt và nước. Thế là thức A lại da (Tâm sanh diệt) gồm cả "Thể, Tướng và Dụng" về nhiễm và tịnh hoà hiệp của tâm.

Tại sao không nói "do Chơn như, có Tâm Sanh diệt" mà chỉ nói "do Như Lai tạng có Tâm Sanh diệt"? _ Vì Chơn như là "Thể" của như tâm; Như Lai tạng là "Tướng" của như tâm; Chơn như thì thanh tịnh không động, còn Như Lai tạng tuy rằng cũng chơn tịnh, nhưng còn bị phiền não che phủ, làm nhơn cho động, nên chỉ nói "do Như Lai tạng có tâm sanh diệt là thức A lại da" mà không nói "do Chơn như sanh ra thức A lại da" (Tâm Sanh diệt).

Tâm Sanh diệt này có hai phần:

1. Sanh diệt về phần lưu chuyển sanh tử,
2. Sanh diệt về phần hoàn tịnh (trở lại bản tánh Niết bàn).

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

Như Lai tạng, có hai nghĩa: 1. Như Lai tại triền, nghĩa là tánh Phật (Như Lai) còn bị chứa trong vòng phiền não nhiễm ô. 2. Như Lai xuất triền, nghĩa là tánh Phật (Như Lai) chứa đựng các pháp vô lậu thanh tịnh, đã ra khỏi phiền não nhiễm ô.

Song, trong kinh luận nói đến Như Lai tạng, là phần nhiều dùng cái nghĩa "Như Lai tại triền" (tánh Phật bị chứa trong phiền não).

Câu "Chơn vọng hoà hiệp, không phải một và không phải khác":

"Chơn" là bản thể, còn "Vọng" là hiện tượng; bản thể và hiện tượng không rời nhau, nên nói "hoà hiệp". Vì bản thể không phải là hiện tượng, nên nói "không phải một"; vì hiện tượng và bản thể không rời nhau, nên nói "không phải khác".

Trong đây nói chữ "Hoà hiệp", không phải thật có hai vật riêng nhau, như sữa với nước hoà hiệp lại, mà chính là bản thể với hiện tượng không rời nhau, nên tạm gọi là "hoà hiệp".

A lại da: Trong luận này, chữ "thức A lại da", chúng ta phải hiểu tức là "thức A đà na" mới khỏi ngại. Căn cứ theo luận Duy thức, khi đến quả A la hán hay Bát địa, thì thức A lại da không còn (A la hán vị xả); vì hai vị này đã trừ ngã chấp, nên thức này không còn là A lại da, mà chỉ gọi là thức A đà na (thức trì chủng).

Còn trong luận này, thì nói: Từ phàm phu cho đến quả Phật, đều có thức A lại da, vì nó duy trì cả thánh và phàm. Vì thế nên chữ "A lại da" ở luận Khởi tín này, tức là thức "A đà na" trong luận Duy thức vậy. Trong luận Duy thức chép: "Thức A đà na có công năng duy trì chủng tử của các pháp nhiễm tịnh, thánh phàm ..."

NÓI VỀ NGHĨA "GIÁC" có 5 tên

---o0o---

CHÁNH VĂN

"Giác" là chỉ cho bản thể chơn tâm lìa các vọng niệm, nó khắp giáp tất cả, rộng lớn như hư không; cũng gọi là "Pháp thân bình đẳng của Như Lai".

Pháp thân này, tất cả chúng sanh saün có, nên gọi là "Bản giác" (tánh Phật saün có).

Vì đối với "Thỉ giác" nên gọi là "Bản giác"; song Thỉ giác tức là Bản giác. Nghĩa là từ Bản giác mà có Bất giác (mê); do Bất giác nên có Thỉ giác (mới giác ngộ); giác ngộ chưa hoàn toàn thì gọi là Phần giác (giác ngộ từng phần); giác ngộ được hoàn toàn thì gọi là Cứu cánh giác.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về nghĩa "Giác" (sang suốt) tức là tánh Phật saün có ở chúng sanh. Tánh Phật này ở nơi chúng sanh thì gọi là "Như Lai tạng" (Như Lai bị phiền não che giấu); còn ở nơi Phật thì gọi là "Pháp thân thanh tịnh".

Tánh Phật tuy luân chuyển trong sáu đường, mà không bao giờ mất, vẫn vắng lặng thường còn và viên mãn. Chẳng qua chúng sanh vì bị mây vô minh che phủ, nên trắng Phật tánh này chẳng hiện được.

Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, vì không rời vọng niệm, nên tuy trọn ngày ở trong tánh Phật mà chẳng tự biết; nếu khi rời vọng niệm rồi, thì tánh Phật này sáng soi, rỗng suốt khắp giáp tất cả như thái hư. Lúc bấy giờ chỉ còn tánh Phật thuần chơn, gọi là "Pháp thân bình đẳng của Như Lai".

Vì căn cứ theo tánh Phật saün có của chúng sanh, nên gọi là "Bản giác". Bởi thế nên Khế kinh nói:

"Tất cả chúng sanh đã thành Phật từ lâu", và nói:

"Ta thành ngôi Chánh giác trong tâm của chúng sanh".

Song "Giác" có nhiều tên: Bản giác, Bất giác, Thỉ giác, Phần giác và Cứu cánh giác. Vì theo mỗi khía cạnh mà chia ra làm 5 tên, chớ không phải thật có 5 cái "Giác" khác nhau.

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

Pháp thân bình đẳng: Dùng pháp giới tánh làm thân, nên gọi là "Pháp thân". Vì Pháp thân này, ở tại phàm không bớt, ở nơi thánh không thêm, nên gọi là "Bình đẳng".

Bản giác: Saün có giác ngộ, tức là chỉ cho tánh Phật saün có của chúng sanh.

Bất giác: Không giác ngộ (mê). Chúng sanh tuy có saün tánh Phật, nhưng không tự giác ngộ.

Thỉ giác: Mới giác ngộ. Nhờ sự tu học, nên hành giả mới giác ngộ được tánh Phật.

Phần giác: Giác ngộ từng phần. Hành giả tu hành trải qua từng bậc, được sự giác ngộ từng phần.

Cứu cánh giác: Giác ngộ rốt ráo (tức là Phật).

THỂ GIÁC CÓ 4 LỚP, TỪ THÔ ĐẾN TẾ

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Nghĩa là thế nào?

Đáp: _ Có 4 lớp như sau:

a) Giác ngộ "niệm DIỆT"

chúng phàm phu (Tiêu thừa thì hữu học, Đại thừa thì Thập tín) giác ngộ vọng niệm trước đã khởi ác, nên ngăn dứt vọng niệm sau, không cho sanh khởi ác nữa (niệm diệt). Vì chúng phàm phu in như đã giác ngộ, nhưng thật ra chưa giác ngộ, nên gọi là "Bất giác".

b) Giác ngộ "niệm DỊ"(hoại).

Hàng sơ phát tâm Bồ Tát (Tam hiền) và Nhị thừa (vô học), dùng trí huệ quán sát, giác ngộ được "niệm Dị" (dị tướng vô minh) và không còn tướng "niệm Dị". Hai vị này vì đã xả được tướng phân biệt chấp trước về phần thô trọng, nên gọi là "Tương tợ giác"(tương tợ như đã giác ngộ).

c) Giác ngộ "niệm TRỤ".

Hàng Thập địa Bồ Tát (Bồ Tát đã chứng Pháp thân) giác ngộ được "niệm Trụ" (trụ tướng vô minh) và không còn tướng "niệm Trụ". Vị này vì đã lìa được tướng phân biệt về thô niệm, nên gọi là "Tuỳ phần giác" (Giác ngộ từng phần).

d) Giác ngộ "niệm SANH"

Hàng Đẳng giác Bồ Tát (Địa tận Bồ Tát) do các phương tiện tu hành đã đầy đủ, nhứt niệm hợp với chơn tâm, nên giác ngộ được tâm sơ khởi (sinh tướng vô minh) và không còn tướng sơ khởi. Vì vị này đã xa lìa vọng niệm vi tế (vi tế vô minh) ngộ nhập chơn tâm thường trụ, nên gọi là "Cứu cánh giác" (Giác ngộ rốt ráo).

Bởi thế nên trong kinh chép: "Nếu chúng sanh nào quán "vô niệm" (không vọng niệm) thì chúng sanh đó đã hướng về trí Phật".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Bồ Tát Mã Minh dùng bốn danh từ: Niệm sanh, Niệm trụ, Niệm diệt, Niệm diệt để nói lên vô minh có thô tế, sâu cạn và chỉ rõ người tu hành ở địa vị nào mới diệt được thứ vô minh nào.

Trong đoạn này nói "chúng phàm phu", thật ra không phải hoàn toàn là phàm phu, mà chính là chỉ cho: bên Đại thừa thì hàng Thập tín, còn Tiểu thừa thì ba quả trước, thuộc về hữu học. Vì các vị này chưa được dự vào hạng Hiền (Tam hiền) và Thánh (Thập thánh) nên bị gọi là Phàm phu.

Chúng phàm phu này giác ngộ được niệm diệt tức là phá trừ "Diệt tướng vô minh" (vô minh thô sơ bên ngoài). Nếu so với Lục thô, thì "Niệm diệt" này thuộc về hai món thô sau là: Khởi nghiệp tướng và Nghiệp hệ khổ tướng (sẽ giải ở bài thứ năm). Vì sự phá trừ vô minh này không thâm vào đâu, và đối với việc giác ngộ chơn tâm còn xa xôi lắm, nên gọi họ là "Bất giác" (chưa giác ngộ).

Hàng Nhị thừa và Bồ Tát ở vị Tam hiền (Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng) giác ngộ được "Niệm diệt", tức là phá trừ "Diệt tướng vô minh" (vô minh thô). Nếu so với Lục thô thì "Niệm diệt" này thuộc về hai món thô bực

trung là:Chấp thủ tướng và Kế danh tự tướng (sẽ giải ở bài thứ năm). Vì các vị này tương tự như giác ngộ được chơn tâm và chứng được pháp thân thanh tịnh, nhưng chưa phải thật ngộ và thật chứng, nên gọi họ là "Tương tự giác".

Hỏi: _ Thế nào là giác ngộ "Niệm dị" và không còn tướng "Niệm dị"?

Đáp: _ Bồ Tát sơ phát tâm dùng trí huệ quán sát Ngã (thân tâm) và Pháp (vũ trụ) đều do nhơn duyên sanh, nên đoạn trừ hai món vọng chấp phân biệt thật ngã và thật pháp về phần thô, đó là "Giác ngộ niệm dị".đến khi Bồ Tát không còn thấy có tướng Ngã, tướng Pháp, thế gọi là "không còn tướng niệm dị".

Hỏi: _ Sao gọi là "Phân biệt chấp trước về phần thô trọng"?

Đáp: _ Ngã chấp và Pháp chấp có chia ra làm hai phần: 1. Thô trọng, tức là phân biệt Ngã chấp và Pháp chấp, phần này dễ trừ. 2. Vi tế, tức là cu sanh Ngã chấp và Pháp chấp, phần này khó trừ.

Hàng Thập địa Bồ Tát vì đã chứng pháp thân thanh tịnh, nên cũng gọi là "Pháp thân Bồ Tát". Các vị Bồ Tát này giác ngộ được "Niệm trụ", tức là phá trừ "trụ tướng vô minh" (tế vô minh). Nếu so với Lục thô ở bài sau, thì thuộc về hai món thô đầu là: Trí tướng và Tương tục tướng.

Bồ Tát phá một phần vô minh thì chứng được một phần Pháp thân, gọi là lên Sơ địa; phá hai phần vô minh thì chứng hai phần Pháp thân, gọi là lên Nhị địa; cho đến phá mười phần vô minh, thì chứng được mười phần Pháp thân, gọi là lên Thập địa Bồ Tát. Vì Bồ Tát phá vô minh từng phần và giác ngộ từng phần, nên gọi là "tùy phần giác".

Các vị Bồ Tát này, vì tâm niệm còn trụ ở năng sở đối đãi, chưa dứt trừ được, nên gọi là "Trụ tướng vô minh". Đến khi Bồ Tát nhập Chơn như, quán, chỉ nhưt tâm chánh niệm Chơn như, không còn tướng năng sở đối đãi, nên gọi "Không còn tướng niệm trụ". Như thế là lia được tướng phân biệt về thô niệm (vô minh thô).

Sở dĩ gọi "Thô" là vì không tế nhị bằng "Sanh tướng vô minh" (vô minh rất vi tế); kỳ thật đây cũng là một thứ vô minh vi tế, rất khó trừ.

Tóm lại, từ phàm phu (Thập tín) cho đến địa vị Pháp thân Bồ Tát (Thập địa), về sự phá trừ vô minh của mỗi bậc có thô và tế khác nhau: 1. Chúng phàm phu đối với cảnh, chấp có và thấy vọng niệm diệt rồi, đè nén không cho sanh khởi. 2. Hàng Nhị thừa và Tam hiền Bồ Tát, thì quán ngã pháp đều không, nhưng còn cái "Niệm không". 3. Đến bậc Thập địa Bồ Tát, thì cái "Tâm niệm chấp không" cũng không còn; nghĩa là không còn cái "Năng Niệm".

Nói rằng bậc Đẳng giác Bồ Tát, giác ngộ được "niệm sanh" tức là nói vị Bồ Tát này phá trừ được "Sanh tướng vô minh" (vô minh rất vi tế). Nghĩa là các vị Bồ Tát tu hành, đến lúc chơn cùng hoặc tận, tột bậc Thập địa, chứng lên vị Đẳng giác, khi ấy Bồ Tát dùng trí Kim Cang đoạn trừ "sanh tướng vô minh" (giác ngộ được niệm sanh) xa lìa các vọng hoặc rất vi tế, và nhứt niệm hiệp với tâm thể Chơn như, nên không còn "tướng sơ khởi"; khi đó Bồ Tát chứng lên quả Diệu giác (Phật) gọi là "Cứu cánh giác".

Hỏi: _ Phải chăng trong một niệm, có sanh, trụ, dị, diệt; chúng phàm phu giác ngộ khi "Niệm diệt"; Nhị thừa giác ngộ khi "Niệm dị"; Thập địa Bồ Tát giác ngộ khi "Niệm trụ"; Đẳng giác Bồ Tát giác ngộ khi "Niệm sanh"?

Đáp: _ Hiểu như vậy không được đúng lắm; đây nói sanh, trụ, dị, diệt là chỉ cho vọng niệm có phần thô và tế. Chúng phàm phu chỉ giác ngộ vọng niệm về phần thô bên ngoài gọi là "Niệm diệt". Nhị thừa giác ngộ vọng niệm về phần tế hơn gọi là "Niệm dị". Thập địa Bồ Tát giác ngộ vọng niệm lại tế hơn nữa, gọi là "Niệm trụ". Đến bậc Đẳng giác Bồ Tát, giác ngộ vọng niệm lại rất vi tế, gọi là "Niệm sanh".

Thí như mặt nước bằng phẳng là dụ tâm thể thanh tịnh vô niệm. Mặt nước vừa dợn động, là dụ "Niệm sanh". Sóng nổi lăn tăn là dụ "Niệm trụ". Sóng nhấp nhô, dụ "Niệm dị". Sóng nổi ba đào là dụ "Niệm diệt".

Chúng tôi đem 4 niệm trong bài này, phối hiệp với tam tế lục thô ở bài sau, để quý vị dễ hiểu.

Niệm sanh

1. Vô minh nghiệp tướng

Niệm trụ

2. Năng kiến tướng Tam tế

3. Cảnh giới tướng

1. Trí tướng
2. Tương tục tướng

Niệm dị

3. Chấp thủ tướng
4. Kế danh tự tướng Lục thô

Niệm diệt

5. Khởi nghiệp tướng
6. Nghiệp hệ khổ tướng

Hỏi: _ Làm sao để được trí Phật?

Đáp: _ Trí Phật thanh tịnh không các vọng niệm, muốn được trí Phật, hành giả phải "vô niệm". Trong kinh Lăng già quyển hai có chép: "Nếu chúng sanh nào quán vô niệm, thì chúng sanh ấy sẽ hướng về trí Phật".

Ngài Đức Thanh giải rằng: "Vô niệm là con đường tắt để thành Phật..." và "...không những Bồ Tát tu hành đoạn trừ phiền não, đến vô niệm mà gọi là "Cứu cánh giác"; tức như chúng sanh nào, ngày đêm quán vô niệm, thì chúng sanh ấy mỗi niệm đã hướng về trí Phật".

Trong luận này nói hai chữ "vô niệm" đồng với bốn chữ "bất tùy phân biệt" trong kinh Lăng Nghiêm chữ "vô niệm" nghĩa là không khởi vọng niệm. Nếu vọng niệm không khởi, thì tâm được định, do tâm định nên mới phát sanh ra trí huệ thanh tịnh của Phật.

Chữ "Bất tùy phân biệt", nghĩa là không theo trần cảnh khởi phân biệt. Không khởi phân biệt thì vọng niệm chẳng sanh; vọng niệm chẳng sanh thì chơn tâm tự hiện ra.

Bởi thế nên luận này nói chữ "Vô niệm", Kinh Lăng Nghiêm nói "bất tùy phân biệt"; hai danh từ tuy khác, song đồng một ý nghĩa và đồng một con đường tắt, để đi đến quả Phật.

---o0o---

VỌNG NIỆM HẾT (VÔ NIỆM) THÌ CHƠN TÂM HIỆN

CHÁNH VĂN

Lại nữa, thật ra Tâm không có tướng sơ khởi, mà nói rằng "biết được tướng sơ khởi của tâm", đó tức là được "vô niệm". Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, vì chưa từng xa lìa vọng niệm tương tục (chưa được vô niệm), nên không được gọi là "Giác", mà chỉ gọi là "Vô thi vô minh".

Nếu người được vô niệm (ngộ chơn tâm) thì các tướng sanh, trụ, dị, diệt của tâm đều hết, chỉ còn một tâm thể vô niệm (chơn tâm). Bởi thế nên Thi giác không khác với Bản giác. Vì vọng niệm nên bốn tướng: Sanh, Trụ, Dị và Diệt đồng thời nương nhau mà có, và đều không tự lập; khi vọng niệm hết, thì bốn tướng không còn, chỉ một tánh giác (chơn tâm) xưa nay bình đẳng.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, do một niệm mê nên bốn tướng: sanh, trụ, dị, diệt như thời nương nhau khởi hiện, không có trước sau. Vì vọng niệm tương tục mãi, làm cho chúng sanh không ngộ được chơn tâm (vô niệm) của mình, nên gọi là "vô thi vô minh". Bởi thế nên có chia ra Bản giác và Thi giác.

Trái lại, bực Đẳng giác Bồ Tát, đã diệt hết vọng niệm, ngộ được chơn tâm thường trú của mình, nên bốn tướng không còn, mà chỉ còn một tánh sáng suốt bình đẳng không vọng niệm, gọi là "Cứu cánh giác". Bởi vậy nên "Thi giác" cũng tức là "Bản giác".

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

"Tướng sơ khởi" tức là chơn tâm, mà chơn tâm thì vô tướng và vô niệm. Người được vô niệm tức là ngộ chơn tâm; phải ngộ được chơn tâm mới gọi là "Cứu cánh giác".

"Bản giác" tức là tâm tánh xưa nay vốn thanh tịnh sáng suốt, trái với vô minh bất giác (mê).

"Thỉ giác" là mới giác ngộ. Hành giả dùng quán trí trừ các vọng niệm, mới vừa giác ngộ tâm thể không có bốn tướng, nên gọi là "Thỉ giác".

Nên biết, những danh từ trên đây đều giả lập: "Bản giác" là đối với "Thỉ giác" mà lập, "Thỉ giác" hơn "Bất giác" mà có, "Bất giác" lại hơn "Bản giác" mà sanh. Do đối đãi nhau nên giả lập ra có nhiều tên, thật ra chỉ có tánh giác mà thôi.

(Đoạn này nói về "Thỉ giác", đoạn sau nói đến "Bản giác").

---o0o---

BÀI THỨ TƯ

CHƯƠNG THỨ BA : PHÂN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "GIÁC"

(tiếp theo và hết)

Nói về nghĩa "Giác"

Bản giác có 2 tướng:

1. Tướng Trí tịnh
2. Tướng Nghiệp dụng bất tư nghị

Bản giác có 4 tướng:

1. Như thật không
2. Hơn huân tập
3. Pháp xuất ly
4. Duyên huân tập

---o0o---

CHÁNH VĂN

Bản giác có 2 tướng

Lại nữa, do dứt các nhiễm duyên phân biệt, nên bản giác thành ra hai tướng:
1. Tướng trí tịnh. 2. Tướng nghiệp dụng bất tư nghị; hai tướng này không rời bản giác.

1. Tướng trí tịnh: (Thể): Hành giả nhờ sức huân tập và như thật tu hành, đến khi công phu tu hành đã viên mãn, phá trừ được thức A lại da (chơn vọng hoà hiệp) và diệt các vọng tâm tương tục, thì pháp thân thanh tịnh hiện ra, đặng cái trí thuần tịnh, nên gọi là "Tướng trí tịnh".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Nhờ dứt trừ các pháp nhiễm ô phân biệt, nên tánh giác hiện ra có 2 tướng: 1. Bản thể sáng suốt trong sạch, gọi là "Tướng trí tịnh". 2. Điều dụng không thể nghĩ bàn, gọi là "Tướng nghiệp dụng bất tư nghị". Vì thể và dụng không rời tánh giác, nên gọi "hai tướng không rời bản giác".

Bực Tam hiền, bên trong nhờ sức chơn như huân ra, bên ngoài lại nhờ chánh pháp huân vào, nên làm cho hành giả tự phát khởi tín tâm tu hành.

Đến hàng Thập địa Bồ Tát, do nhờ sức tu tập, nên ngộ nhập được tâm chơn như, rồi y như tâm chơn như này mà tu, nên gọi là "Như thật tu hành".

Đến vị Đẳng giác Bồ Tát, thì sự tu hành, công đã thành quả lại mãn; lúc bấy giờ Bồ Tát phá trừ thức hoà hiệp và diệt tâm tương tục, nên pháp thân thanh tịnh hiện ra, đặng trí thuần tịnh, gọi là "Tướng trí tịnh".

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

"Thức hoà hiệp" _ Đoạn trước nói "Sanh diệt và bất sanh diệt hoà hiệp", gọi là A lại da", nay nói "phá thức hoà hiệp" tức là phá thức A lại da. Song chỉ phá cái "tướng hư vọng tạp nhiễm" của thức A lại da; không phải phá cái "thể tánh" của thức này.

"Tâm tương tục" _ Tâm tương tục tức là 7 chuyển thức (từ nhãn thức đến Mạt ma thức). Diệt tâm tương tục, tức là diệt "tướng" hư vọng tương tục của 7 thức trước, không phải diệt cái "thể" của 7 chuyển thức.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Nghĩa này thế nào?

Đáp: _ Tất cả tâm thức đều là vô minh; song cái tướng vô minh (vọng) không rời tánh giác (chơn). Bởi thế nên không thể phá hoại (vì không rời tánh giác), và cũng không phải không phá hoại được (vì là tướng vô minh).

Thí như trước biển cả (dụ tánh giác) vì gió (vô minh) nên nổi sóng (tâm thức); sóng và gió đều động và không rời nhau; song tánh nước chẳng động. Đến khi sóng đứng thì gió lặng; song tánh ướt của nước không diệt.

Cũng thế, biển tâm thanh tịnh của chúng sanh, bị gió vô minh thổi động, nên sóng tâm thức nổi lên. Sóng tâm thức, gió vô minh đều động, lại không hình tướng và chẳng rời nhau; song biển chơn tâm chẳng hề chao động. Nếu gió vô minh dừng, thì sóng tâm thức tương tục kia cũng lặng; song nước trí thuần tịnh (chơn) không bao giờ diệt.

LƯỢC GIẢI

Vì vô minh sanh ra các tâm thức hư vọng, nên các tâm thức không rời vô minh. Song vô minh lại không thật thể, chỉ nương tánh giác mà có, nên nó không rời tánh giác. Đến khi vô minh hết, thức tâm diệt, thì tánh giác hiện bày. Cũng như, vì gió thổi nên tánh sóng nổi lên; sóng và gió đều động và không rời nhau. Đến khi gió đứng sóng lặng thì tánh nước thanh tịnh bằng phẳng hiện ra.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Tướng nghiệp dụng bất tư nghị (Dụng). Do tướng trí tịnh đủ vô lượng công đức và thường không đoạn tuyệt, nên có thể tùy thuận theo căn cơ của chúng sanh, tự nhiên ứng hiện ra tất cả các cảnh giới màu nhiệm thù thắng, để làm lợi ích cho chúng sanh.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Từ chơn như thể (tướng trí tịnh) khởi ra các diệu dụng (chơn như dụng) không thể nghĩ bàn được (tướng nghiệp dụng bất tư nghị). Nhờ diệu dụng này mới có thể hiện ra được các cảnh giới thù thắng, tùy theo trình độ của mỗi loài, làm vô lượng công đức, để lợi ích cho tất cả chúng sanh không thể nghĩ bàn.

Ngài Đức Thanh giải: Bản giác khi còn ở tại vô mê, thì chúng sanh nương nơi đó mà tạo ra vô lượng vô biên các nghiệp, nên kinh chép: "Nghiệp lực không thể nghĩ bàn". Nay Bản giác đã ra khỏi vô mê, được thanh tịnh, thì có

đủ tất cả thần thông diệu dụng, cũng không thể nghĩ bàn được. Và Bản giác này nghĩ ra các cảnh giới thăng diệu, làm vô lượng công đức, tùy theo căn cơ của mỗi loài, ứng hiện đủ cách, để làm lợi ích cho các chúng sanh; như Ngài Quán Thế Âm hiện ra 32 ứng thân, 14 món vô úy ...nên gọi là "Nghị dụng bất khả tư nghị" (Diệu dụng không thể nghĩ bàn).

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

"Tự nhiên ứng hiện" _ Nghĩa là ứng hiện một cách tự nhiên, không dụng công và cố ý. Thí như mặt trăng chiếu xuống ao, hễ nước trong thì trăng tự nhiên ứng hiện; trăng không có dụng công và cố tâm.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Bản giác có 4 nghĩa

Lại nữa, Thể và Tướng của tánh giác (chơn tâm) giống như cái gương sáng sạch, và rộng lớn như hư không, bao trùm tất cả. Tánh giác này có 4 nghĩa:

1. Như thật không: Như cái gương lớn sáng sạch, không có hình ảnh của cảnh vật (thật không). Tánh giác (chơn tâm) xa lìa các tướng của vọng tâm và vọng cảnh (ly nhất thể tướng); không có một pháp nào hiện ra cả; cũng như cái gương trống không. Đây là nói về nghĩa "Tịch" (vắng lặng) của tánh giác, không phải nói về nghĩa "chiếu".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Vì tánh giác viên mãn thanh tịnh, nên dụ như cái gương sáng sạch; vì tánh giác rộng rãi bao la, nên dụ như hư không rộng lớn. Nếu phân tách từng khía cạnh, thì tánh giác có 4 nghĩa; đoạn này nói về nghĩa thứ nhất:

1. Thật không: Đây là nói về nghĩa "tịch tịnh" của Chơn tâm. Vì Bản thể chơn tâm (tánh giác) vốn thanh tịnh, rộng rãi bao la và ly tất cả các tướng, không thể dùng tâm thức suy nghĩ hay lời nói luận bàn được, (cũng như cái

gương sáng sạch, không có lưu một hình ảnh gì ở trong gương cả) tức là pháp thân thanh tịnh saün có của chúng sanh, không phải do tu mới được.

---o0o---

CHÁNH VĂN

2. Nhơn huân tập: Như cái gương sáng lớn, hiện đủ các cảnh (thật có). Trong tánh giác (chơn tâm) đủ các pháp (tức như thế pháp); nghĩa là tất cả cảnh giới thánh, phàm đều hiện trong chơn tâm thường trú này. Nó không xuất không nhập, không mất không hoại, vì tánh của các pháp là chơn tâm vậy.

Lại nữa, vì tánh giác không vọng động, nên các pháp nhiễm ô, không thể làm nhiễm ô được; trái lại nó đủ tất cả các pháp vô lậu và làm nhơn huân tập cho chúng sanh vậy.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn trước nói về "thê" của chơn tâm, ly tất cả các tướng, cũng như cái gương sáng, không có một vật gì ở trong gương (như thật không). Đoạn này nói về Tướng và Dụng của chơn tâm đủ tất cả pháp. Cũng như cái gương sáng, các cảnh vật đều hiện vào (như thật bất không).

Tướng và Dụng của chơn tâm có 2 nghĩa:

1. Đủ tất cả pháp: Tất cả chúng sanh đều saün có các pháp vô lậu thanh tịnh, cũng gọi là "bản hữu Phật tánh" hay "chánh nhơn Phật tánh".

2. Nhơn huân tập: Tất cả chúng sanh đều saün có tánh Phật; tánh Phật đủ vô lượng hằng sa công đức và thanh tịnh không động, nên các pháp nhiễm ô không làm nhiễm ô được. Tánh Phật này làm chánh nhơn (chánh nhơn Phật tánh) huân tập ở bên trong, khiến cho chúng sanh giác ngộ, nhàm chán khổ sanh tử, phát tâm cầu đạo giải thoát.

---o0o---

CHÁNH VĂN

3. Pháp xuất ly: Như cái gương đã sáng sạch, không còn bụi nhơ. Tánh giác (tánh Phật) đã sáng suốt thuần tịnh, ra khỏi hai chướng: Phiền não chướng, Sở tri chướng và xa lìa thức A lại da (Chơn, Vọng hoà hiệp).

LƯỢC GIẢI

3. Pháp xuất ly: tức là "Liễu nhơn Phật tánh", cũng gọi là "Chơn như xuất triền". Hành giả nhờ công phu tu tập, đoạn trừ phiền não chướng, sở tri chướng và phá thức hoà hiệp (A lại da), nên tánh Phật (Chơn như) không còn bị triền phược và được sáng suốt thuần tịnh.

---o0o---

CHÁNH VĂN

4. Duyên huân tập: Như cái gương sáng, phản chiếu trở lại. Tánh giác (Phật tánh) đã ra khỏi vô triền phược rồi, trở lại chiếu soi khắp giáp tất cả, và tùy theo tâm niệm của mỗi loài mà hiện thân hoá độ, làm trợ duyên huân tập trở lại vào tâm chúng sanh, khiến cho chúng sanh tu tập căn lành.

LƯỢC GIẢI

4. Duyên nhơn Phật tánh: Do Chơn như đã xuất triền, nên có diệu dụng không thể nghĩ bàn: Chiếu khắp tất cả và tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà thị hiện các thân hình để hoá độ, làm trợ duyên, huân tập trở lại vào tâm chúng sanh, khiến cho chúng sanh phát Bồ Đề tâm, tu theo chánh pháp.

Công dụng cao cả và rộng lớn của Chơn như (tánh giác), chỉ có thể thí dụ như hư không. Thể tánh sáng suốt thuần tịnh của Chơn như (tánh giác), chỉ có thể thí dụ như gương: dầu có bụi hay không, song chất pha lê (gương) vẫn sáng suốt, thì chung như một.

(đoạn này đã nói nghĩa "Giác" rồi, tiếp theo sau đây sẽ nói đến nghĩa "Bất giác" của thức A lại da)

---o0o---

BÀI THỨ NĂM

CHƯƠNG THỨ BA : PHÂN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BẮT GIÁC"

CHÁNH VĂN

Do không thật biết pháp "Chơn như" nên tâm bất giác (mê) nổi lên, liền khởi vọng niệm (sinh tướng vô minh). Song vọng niệm vì là không có thật thể, nên chẳng rời Bản giác.

Thí như người lầm phương hướng; vì có phương hướng nên mới lầm, nếu không phương hướng thì không có lầm.

Chúng sanh cũng thế, do có "Giác" nên mới có "Mê"; nếu không có "Giác" thì cũng không có "Mê" (Bất giác)

Song chúng sanh cũng nhờ có "Tâm vọng tưởng bất giác" này, nên mới biết phân biệt danh từ và nghĩa lý của các pháp. Và cũng nhờ thế mà chư Phật mới có thể vì chúng sanh nói ra "Chơn giác" (tánh Phật). Nếu là "Tâm bất giác" thì cũng không thể chỉ bày cái "Chơn giác" được (dụ như là sóng không có nước).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Chúng sanh vì không ngộ được Phật tánh (bản giác) nên gọi là mê (bất giác). Song cái "mê" này không có thật thể, chỉ lấy Phật tánh làm thể, nên không rời Phật tánh (bản giác) được. Cũng như người lầm đường, do có con đường nên mới có lầm, nếu không có con đường thì cũng không có sự lầm lạc. Bởi thế nên, nếu rời Phật tánh (bản giác) thì cũng không có cái mê (bất giác). Cũng như bỏ sóng, không có nước.

Sóng, cũng nhờ có cái mê vọng (bất giác) này, nên chúng sanh mới biết phân biệt các pháp chơn vọng, thánh phàm và nhàm chán cảnh khổ sanh tử, ham mê thú vui "Niết bàn".

Và cũng nhờ chúng sanh có biết phân biệt, nên chư Phật mới có thể thuyết pháp giảng dạy, chỉ bày Phật tánh (chơn giác). Nếu không có tâm mê vọng

bất giác phân biệt của chúng sanh, thì Phật cũng không làm sao chỉ bày Phật tánh (chơn giác) cho chúng sanh được.

Đọc qua đoạn văn này, chúng ta nên lưu ý đến câu: "Vì không ngộ được Phật tánh, nên gọi là mê" hay đổi lại cách nói "Tại sao có đại?" vì chưa khôn vậy". Vậy thì cái mê đại (vô minh) này, saün có từ hồi nào đến giờ, vì từ hồi nào đến giờ chúng sanh chưa từng ngộ được Phật tánh.

Nói tóm lại, chơn như với vô minh đồng thời có, không phải chơn như có trước, vô minh có sau. Khi chơn như (Phật tánh) hiện, thì vô minh mất, cũng như khi "khôn" rồi, thì "đại" tự hết.

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

"Bất giác": không biết. Thật ra không phải là không biết; vẫn có biết, song cái "biết" ấy hư vọng, chẳng chơn thật, nên cũng gọi là "vọng niệm" hay "vô minh" v.v..

"Không thật biết": Chúng sanh vẫn biết được chơn như hay Phật tánh; song chỉ biết suông trên văn tự, do ý thức phân biệt hư dối mà thôi; chứ không biết đúng như thật.

(Đoạn này nói về căn bản vô minh (bất giác), tiếp sau đây sẽ nói đến chi mặt vô minh (tam tế, lục thô).

---o0o---

a. NÓI VỀ TAM TẾ

CHÁNH VĂN

Và, do "Bất giác" (căn bản vô minh) nên sanh ra ba tướng rất vi tế (tam tế: chi mặt vô minh); ba tướng vi tế này không rời "Bất giác".

1. Tướng nghiệp vô minh (nghiệp tướng): vì "Bất giác" (hoặc) cho nên tâm động, gọi đó là "Nghiệp". Bởi thế nghiệp (nhơn) nên có "khổ"(quả) . Trái lại, nếu "Giác" (không có hoặc) thì tâm không động (nghiệp nhơn) nên cũng không khổ (quả).

2. Tướng năng kiến (chuyên tướng tức là kiến phần). Vì có "Động" (ngiệp tướng) cho nên sanh ra "Năng phân biệt" (năng kiến). Nếu không "Động" thì không có "Năng phân biệt" (không có nghiệp tướng thì cũng không có chuyên tướng).

3. Tướng cảnh giới (hiện tướng tức là tướng phần). Vì có "Năng phân biệt" (kiến phần) nên cảnh bị phân biệt (tướng phần) vọng hiện ra. Bởi thế nên rời "Năng phân biệt" (kiến phần) thì cũng không có cảnh bị phân biệt (nghĩa là nếu không có chuyên tướng thì cũng không có hiện tướng).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói: Vô minh sanh ra 3 tướng rất vi tế: Nghiệp, Chuyên và Hiện; bà tướng này không rời vô minh.

1. Vì vô minh (bất giác) cho nên tâm động tức là "Nghiệp". Đó là tướng vi tế thứ nhất, gọi là "Tướng nghiệp vô minh", cũng gọi là "Hoặc, Chuyên"; bên Duy thức tôn gọi là "Tự chứng phần" của thức A lại da.

Do "Hoặc" (vô minh) nên tạo "Nghiệp" (tâm động); bởi có "ngiệp" nên phải thọ "quả khổ". Trái lại, nếu giác ngộ không mê hoặc (vô minh) thì không tạo nghiệp (vọng động); không tạo nghiệp nên chẳng có quả khổ.

Tất cả quả khổ, không ngoài hai món sanh tử: Phạm phu thì bị khổ "Phân đoạn sanh tử"; Tiểu thánh thì bị khổ "Biến dịch sanh tử". Song hai món quả khổ này, đều do "động niệm" tức là hướng về trí Phật (không vọng niệm thì chơn tâm hiện).

2. Vì tâm động (ngiệp tướng) cho nên mới có phân biệt. Đó là tướng vi tế thứ hai, gọi là "tướng năng kiến" (phần năng phân biệt), cũng gọi là "Chuyên tướng"; bên Duy thức tôn gọi là kiến phần của thức A lại da. Nếu tâm không vọng động, thì cũng không do đâu mà phát sanh ra phân biệt được. Nghĩa là: Nếu không có "ngiệp tướng"; thì cũng không có "chuyên tướng"; hay nói cách khác: nếu không có "Tự chứng phần" thì cũng không có "Kiến phần".

3. Vì có tâm năng phân biệt, nên mới vọng hiện ra cảnh giới bị phân biệt. Đó là tướng vi tế thứ ba, gọi là "Tướng cảnh giới" (phần bị phân biệt) cũng gọi là "Hiện tướng"; bên Duy thức tôn gọi là "Tướng phần" của thức A lại da. Bởi tâm và cảnh không rời nhau, nếu lìa tâm năng phân biệt thì không có cảnh giới bị phân biệt. Nghĩa là: rời "Chuyên tướng" thì không có "Hiện tướng"; hay nói cách khác: rời "Kiến phần" thì không có "Tướng phần".

Từ thể tánh chơn tâm, không có năng sở (bỉ, thử); song vì mê nên tâm động (nghiệp tướng) mà sanh ra có năng phân biệt (chuyển tướng) và cảnh giới bị phân biệt (hiện tướng). Nếu giác cảnh giới bị phân biệt (hiện tướng). Nếu giác ngộ không mê, thì tâm không động, không sanh, và cảnh bị phân biệt chẳng hiện.

Đoạn này xin lưu ý độc giả: Trong luận này nói "Do nghiệp tướng sanh ra chuyển tướng, do chuyển tướng sanh ra hiện tướng". Nói như thế, là lấy theo nghĩa "tương quan, tương sanh" mà nói. Kỳ thật ba tướng này, đồng thời sanh khởi; nghĩa là một pháp vừa động, thì tất cả pháp đều động, không phải có thứ lớp tuần tự như vậy.

Tóm lại, ba tướng "Nghiệp tướng, Chuyển tướng và Hiện tướng: này, ở các kinh khác, cũng thường gọi là "Hoặc, Nghiệp và Khổ", hay trong Duy thức gọi là "Tự chứng phần, Kiến phần và Tướng phần của thức A lại da.

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

Bất giác và vô minh: "Vô minh" là không sáng suốt, "Bất giác" là không giác ngộ. Bởi thế nên bất giác cũng tức là vô minh.

Tướng nghiệp vô minh: Vô minh vọng động thành ra tướng nghiệp, gọi tắt là "Nghiệp tướng"; tức là "Tự chứng phần" của thức A lại da.

Tướng Năng kiến: Phần năng phân biệt, cũng gọi là "Chuyển tướng"; tức là "Kiến phần" của thức A lại da.

Tướng cảnh giới: Cảnh giới bị phân biệt, cũng gọi là "Hiện tướng"; tức là "Tướng phần" của thức A lại da.

Phần đoạn sanh tử: Sanh tử do sự biến đổi. Như vị Tu đà hoàn, khi chứng lên quả Tư đà hàm (sanh) thì xả vị Tu đà hoàn (tử); khi lên vị A na hàm, thì bỏ quả Tư đà hàm v.v...Thí như người Lính, khi lên Cai thì bỏ Lính, lên Đội thì bỏ Cai v.v...

Tự chứng phần_ Duy thức tôn nói: Mỗi người có 8 món Tâm vương và 51 món Tâm sở. Mỗi một Tâm vương hay Tâm sở đều có 4 phần: 1. Phần bị phân biệt (tướng phần), 2. Phần năng phân biệt (Kiến phần); Hai phần này thuộc về Dụng, ở bên ngoài. 3. Phần tự chứng và 4. Phần chứng tự chứng;

hai phần này thuộc về thể, ở bên trong và làm chỗ nương cho hai phần ngoài.

Tương quan tương sanh: Liên quan với nhau và sanh cùng nhau, có cái này thì phải có cái kia.

---o0o---

b. NÓI VỀ LỤC THÔ

CHÁNH VĂN

Do đã có cảnh giới hiện ra (Hiện tướng) nên tiếp tục sanh sáu tướng sau này:

1. Tướng Trí (Trí tướng: Phân biệt): Do có cảnh giới hiện ra nên sanh tâm phân biệt (trí) thương,ghét

2. Tướng tương tục (Tương tục tướng: Vọng niệm tương tục): Do tâm phân biệt thương ghét, cho nên tiếp tục sanh ra các niệm khổ vui, mừng lo v.v...không dứt.

3. Tướng chấp thủ (chấp thủ tướng: chấp sự vật): Do các niệm tương tục phân biệt những cảnh khổ vui, cho nên tâm mới vướng mắc, chấp lấy nơi sự vật (cảnh).

4.Tướng chấp danh tự (kê danh tự tướng: chấp danh tự): Do phân biệt vọng chấp nơi sự vật, nên giả đặt ra những danh tự để kêu gọi.

5. Tướng khởi nghiệp (khởi nghiệp tướng: tướng tạo nghiệp): Do chấp theo danh tự tốt xấu đó, rồi tạo ra các nghiệp lành hay dữ.

6. Tướng nghiệp hệ khổ (Nghiệp hệ khổ tướng: Thọ quả khổ): Do tạo ra các nghiệp, nên bị các nghiệp kéo dẫn đi lãnh thọ quả khổ, không được tự tại.

Tóm lại, phải biết: Gốc từ vô minh (căn bản vô minh) sanh ra các pháp nhiễm ô (chi mạt vô minh) nên các pháp nhiễm ô đều là vô minh (bất giác).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về 6 món thô (lục thô). Do từ vô minh vọng động (Tự chứng phần của thức A lại da) khởi ra tâm (Kiến phần của thức A lại da) và cảnh (Tướng phần của thức A lại da) là ba món vi tế, rồi tiếp tục sanh khởi 6 món thô sau này:

1. Vì có cảnh giới (hiện tướng) nên tâm phân biệt tốt xấu, rồi sanh ra thương (tham) ghét (sân) v.v...gọi là "Tướng trí", chữ "Trí" là biết phân biệt tốt xấu.
2. Do tâm biết phân biệt tốt xấu v.v...nên các niệm thương ghét, mừng giận, khổ vui v.v...tiếp tục sanh khởi không gián đoạn, gọi là "Tướng tương tục".
3. Do các niệm thương ghét, mừng giận, khổ vui, nên sanh tâm chấp lầy: Cái gì vui thích thì tham luyến, còn buồn khổ thì sân hận, gọi là "Tướng chấp thủ".
4. Do sanh tâm chấp cảnh, nên giả đặt ra những danh từ để kêu gọi, cái này đẹp, cái kia xấu v.v...gọi là "Tướng kế danh tự".
5. Do có những danh tự kêu gọi đẹp xấu v.v...nên sanh tâm tham lam, giận ghét, và vì thế mà tạo ra cái nghiệp, gọi là "Tướng khởi nghiệp".
6. Do tạo các nghiệp, nên bị nghiệp kéo dẫn sanh tử luân hồi trong 3 cõi, để thọ quả báo, không được tự tại, gọi là "Tướng nghiệp hệ khổ".

Tóm lại, do "mê hoặc" nên "tạo nghiệp"; như "tạo nghiệp" nên phải thọ "quả khổ" trở lại "mê hoặc" nữa; như "hoặc" lại tạo "nghiệp" thọ "quả khổ", mãi mãi không biết bao giờ cùng tận, như cái vòng tròn không mối, nên gọi là "Luân hồi".

Bởi do vô minh vọng niệm sanh ra tất cả các pháp phiền não tạp nhiễm, nên các pháp đều là vô minh. Nếu người được "vô niệm" (không vọng niệm), thì tất cả các pháp phiền não sanh tử đều hết.

Trong 3 món Tế và 6 món Thô này, về phạm phu thì đủ cả; Tiểu thừa về 3 quả trước, thì đủ 3 món Tế và 4 món Thô trước; A la hán thì có 3 món Tế và 3 món Thô trước; hàng Pháp thân Bồ Tát (từ Bát địa trở lên) chỉ còn 3 món Tế.

Xin xem biểu đồ sau đây:

I. Phàm phu (có đủ 9 món)

3 món Tể

1. Nghiệp tướng (vọng động)
2. Chuyên tướng (trực giác)
3. Hiện tướng (cảnh)

6 món Thô

1. Trí tướng (phân biệt)
2. Tương tục tướng (vọng niệm tương tục)
3. Chấp thủ tướng (chấp sự vật)
4. Kế danh tự tướng (chấp danh tự)
5. Khởi nghiệp tướng (tạo nghiệp)
6. Nghiệp hệ khổ tướng (thọ quả)

II. Tiêu thừa, 3 quả trước, có 7 món

3 món Tể

1. Nghiệp tướng
2. Chuyên tướng
3. Hiện tướng

4 món Thô

1. Trí tướng
2. Tương tục tướng
3. Chấp thủ tướng
4. Kế danh tự tướng

III. A la hán có 6 món

3 món Tể

1. Nghiệp tướng
2. Chuyên tướng
3. Hiện tướng

3 món Thô

1. Trí tướng
2. Tương tục tướng
3. Chấp thủ tướng

IV. Pháp thân Bồ Tát chỉ có món Tể

1. Vô minh nghiệp tướng (nghiệp tướng)
2. Năng kiến tướng (chuyên tướng)
3. Cảnh giới tướng (hiện tướng)

---000---

c.NÓI VỀ HAI TƯỚNG

CHÁNH VĂN

Lại nữa, "Giác"(chơn) với "Bất giác" (vọng) đều có 2 tướng: Đồng và Khác.

Thế nào là "Đồng"?_ các sự nghiệp huyền hoá của "Giác" (vô lậu) và "Bất giác" (vô minh) đều đồng một thể tánh chơn như. Thí như các món đồ gồm đều đồng một chất đất.

Bởi thế nên trong Khế kinh chép: "Tất cả chúng sanh, từ hồi nào đến giờ, vẫn thường ở trong Bồ Đề Niết bàn; không phải do tu mới có, do làm mới được; rốt ráo không có gì gọi là "chứng" cả, và cũng không hình tướng gì có thể thấy được.

Song, chúng sanh thấy sắc thân Phật, có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp v.v...là do tùy tâm vọng nhiễm của chúng sanh mà huyền hiện, không phải tánh chơn như có các hình tướng ấy; vì tánh chơn như không có thấy được vậy.

Thế nào là khác?_ Do tùy tâm vọng nhiễm của chúng sanh mà hiện ra các huyền tướng sai khác: hữu lậu (mê) và vô lậu (giác). Ví như các thứ đồ gồm, hình tướng khác nhau.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này lấy hai mặt "đồng" và "bất giác", để chỉ sự tương quan tương phản của hai thứ ấy. Đứng về bản thể của các pháp mà luận, thì "nhiễm" và "tịnh" đều là chơn như. còn đứng về hiện tượng của các pháp mà nói, thì "nhiễm" và "tịnh" có sai khác.

Bởi "giác" và "bất giác" đều là Chơn như, cũng như các thứ đồ gồm (đồ kiêu hay đồ đá) đều bằng đất, nên nói tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, vẫn thường ở trong Chơn như. Tánh Chơn như này không phải do tu mới được, hay làm mới có; rốt ráo không có sở đắc, và cũng không có hình tướng gì có thể chỉ bày được.

Song, chúng sanh thấy có Phật hiện thân độ sanh; đó là tự tâm của chúng sanh, tùy nghiệp huyền hiện, chứ không phải tánh Chơn như có những hình tướng như thế.

Câu: "Tuỳ tâm vọng nhiễm của chúng sanh mà hiện ra các huyễn tướng sai khác: hữu lậu (mê) và vô lậu (giác). Nghĩa là nói: Không phải ở đâu khác, mà chính chính ở tâm chúng sanh, có thể đổi các phiền não nhiễm ô, ra các công đức thanh tịnh. Khi tâm vọng động thì sanh ra vô lượng hàng sa pháp tạp nhiễm, khi tâm hết vọng động thì hiện ra vô lượng hàng sa công đức thanh tịnh. Tất cả đều tuỳ tâm của chúng sanh mà hiện ra các tướng nhiễm, tịnh. Các tướng này đều như huyễn.

Câu: "...Các sự nghiệp chuyển hoá của vô lậu (giác) và vô minh (mê), có nghĩa là: Tánh giác đã có nghiệp dụng, hiện ra tất cả cảnh giới thù thắng vi diệu, không thể nghĩ bàn, thì vô minh cũng có nghiệp lực hiện ra Tam tế, Lục thô, tất cả sanh tử khổ vui, cũng không thể nghĩ bàn. Bởi thế nên Chơn và vọng đều là huyễn cả. Khế kinh chép: "sanh tử và Niết bàn đều như mộng huyễn".

---o0o---

QUYẾT NGHỊ

Hỏi: _ Chúng sanh đã vốn là Phật, tại sao không thấy chúng sanh có Báo thân và Hoá thân Phật?

Đáp: _ Khi nói chúng sanh vốn là Phật, là đứng về phương diện bản thể Phật tánh mà nói, chứ không phải đứng về phương diện hiện tượng Phật tướng mà nói vậy. Về bản thể thì các chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng về hiện tượng thì chúng sanh có Báo thân và Hoá thân.

Hỏi: _ Chơn như Phật tánh đã không có sắc tướng, tại sao chư Phật chứng được, và có tướng Báo thân và Hoá thân?

Đáp: _ Sắc thân của chư Phật, chỉ tuỳ theo tâm của chúng sanh mà hiện ra, không phải trong thể tánh chơn như có những hình tướng ấy.

Đã nói về "Tâm sanh diệt" dưới đây sẽ nói "Tướng Nhơn duyên sanh diệt"

---o0o---

BÀI THỨ SÁU

CHƯƠNG THỨ BA :PHÂN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BẤT GIÁC" (Tiếp Theo)

d. NÓI VỀ "Ý" TƯƠNG TỤC, có 5 thứ

CHÁNH VĂN

Trên đã nói "Tâm sanh diệt", (thức A lại da) tiếp theo đây sẽ nói "cái "Ý" làm nhọn duyên sanh diệt".

Tất cả chúng sanh đều từ nơi tâm (A lại da) mà sanh ra mý (Mạt ma) và ý thức (thức thứ 6). Nghĩa là do thức A lại da có vô minh bất giác (nghiệp tướng) nên sanh ra Năng kiến (chuyên tướng) và Năng hiện (hiện tướng) rồi tiếp tục sanh ra các niệm (lục thô), chấp lấy cảnh giới v.v...gọi là "Ý".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về sự quan trọng của "ý". Trong các nơi khác, khi nói đến "ý" thì thường dùng để chỉ riêng cho thức Mạt na, là thức sanh diệt tương tục thẳng hơn các thức. Nhưng chữ "ý" ở luận này là chỉ chung cho cả 8 thức; vì cả 8 thức đều có nghĩa "sanh diệt tương tục".

Thức A lại da là gốc của sanh diệt, thức Mạt na làm nhọn duyên cho sự sanh diệt tương tục; còn ý thức thì khởi hoặc tạo nghiệp, làm cho chúng sanh nhiều kiếp sanh tử không dứt.

---o0o---

CÁI "Ý" CÓ 5 THỨ

CHÁNH VĂN

Cái "Ý" này lại có 5 thứ: Nghiệp thức (nghiệp tướng), Chuyên thức (chuyên tướng), Hiện thức (hiện tướng), Trí thức (trí tướng) và Tương tục thức (tương tục tướng).

a. "Nghịch thức" là sự vô minh bất giác làm cho tâm vọng động (tức là Tự chứng phân của thức A lại da)

b. "Chuyển thức" là phần Năng phân biệt (Kiến phần của thức A lại da) do tâm vọng động chuyển sanh ra.

c. "Hiện thức" là sự hiện bày của cảnh giới ngũ trần bị phân biệt (Tướng phần của thức A lại da). Cảnh giới này không có trước sau, trong tất cả thời, mặc tình sanh khởi, thường hiện ở trước.

(3 thức này thuộc về Tam Tế)

d. "Trí thức" là cái biết phân biệt các pháp nhiệm tịnh.

e. "Tương tục thức" là niệm niệm sanh diệt tương tục không gián đoạn.

(2 thức này thuộc về 2 món. Thô trước, trong 6 món Thô)

năm thứ "ý" này, giữ gìn tất cả nghiệp lành dữ, từ quá khứ vô lượng kiếp về trước, cho đến ngày nay cũng không mất (trì chủng). Nó lại có công năng làm cho thành thực tất cả quả báo khổ vui về hiện tại cũng như tương lai, không sai mất (chấp thủ căn thân, thế giới và kiết sanh tương tục). Và nó công năng nhớ việc đã qua, nghĩ những việc hiện tại và suy tính những việc chưa đến (vị lai).

Bởi thế nên ba cõi (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới) đều hư ngụy, duy tâm tạo ra. Nếu rời tâm thì không có cảnh giới sáu trần này (ba cõi).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về nghĩa chữ "ý", là chỉ cho một dòng sanh diệt tương tục không gián đoạn. Từ vô minh vọng động, sanh ra 3 món Tế, là Nghịch tướng (nghịch thức), Chuyển tướng (chuyển thức), Hiện tướng (hiện thức) và hai món Thô là Trí tướng (trí thức) và Tương tục tướng (tương tục thức).

Năm cái "ý" này có công năng giữ gìn thiện ác, quả báo khổ vui hiện tại và vị lai, làm cho không mất (đó là công năng trì chủng chấp thọ thân căn thế giới và kiết sanh tương tục của thức A đà na); nhớ nghĩ những việc đã qua

và lo tính những điều chưa đến (đó là công năng của thức thứ 6), và một dòng sanh diệt, tiếp tục từ trước đến sau không gián đoạn, gọi đó là "ý". Bởi thế nên chữ "ý" này là chỉ chung cho cả 8 thức.

Tóm lại, từ vô minh vọng động, sanh ra thức A lại da. Từ thức A lại da lại tiếp tục sanh ra 7 thức trước; rồi cùng nhau làm như làm duyên, lại thành ra một dòng sóng thức, sanh diệt tương tục vô tận, gọi đó là "ý". Cũng vì rõ nghĩa này, nên Cổ nhưn làm bài thơ có câu rằng: "...Nhứt ba tài động vạn ba tuý ..." (một lượng sóng vừa nổi lên, thì trăm ngàn lượng sóng đều nổi theo).

Nào ba cõi, nào 6 trần đều từ 8 thức này biến hiện. Bởi thế nên các pháp đều hư dối, duy tâm tạo ra; nếu rời 8 thức, thì các cảnh giới đều không còn.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Nghĩa này thế nào? _ Do tất cả pháp đều từ vọng tâm của chúng sanh mà sanh khởi, nên tất cả sự phân biệt tức là phân biệt trong tự tâm. Nhưng tâm không có hình tướng gì cả, nên không thể thấy được nó. Phải biết, tất cả cảnh giới ở thế gian, đều do vô minh vọng tâm của chúng sanh mà được tồn tại, nên tất cả các pháp, đều không có thật thể, mà chỉ vọng tâm huyền hiện, như bóng trong gương.

Nếu vọng tâm sanh khởi, thì các pháp đều sanh khởi; vọng tâm diệt thì các pháp đều diệt (Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tất cả các pháp đều do tâm của chúng sanh sanh ra, nên chúng sanh phân biệt các pháp, tức là phân biệt ở nơi tự tâm. Kinh Lăng Nghiêm chép: "Tự tâm thủ tự tâm, phi huyền thành huyền pháp" (tự tâm chúng sanh trở lại chấp lấy tự tâm chúng sanh; tâm không phải huyền mà trở lại thành pháp hư huyền).

Tất cả các pháp đều không thật có, chỉ nương nơi tâm mà tồn tại, như hoa trong gương, như trăng dưới nước. Nếu tâm động thì các pháp sanh, tâm tịnh thì các pháp diệt. Trong Khế kinh chép: "tâm sanh tắc chủng chủng pháp

sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt" là vậy. Tổ Qui Sơn nói: "Nhứt tâm không sanh thì muôn pháp đều dứt" (Nhứt tâm bất sanh vạn pháp câu tức). Bởi thế nên đoạn trước nói "Người quán vô niệm (không vọng niệm) thì hướng về trí Phật".

Đoạn này đã nói về "ý tương tục" rồi, tiếp theo dưới đây sẽ nói đến ý thức.

---o0o---

e. NÓI VỀ "Ý THỨC"

CHÁNH VĂN

Trên đã nói về "ý" rồi, tiếp theo đây nói về "ý thức". Ý thức tức là "thức tương tục". Bởi chúng phạm phu chấp trước rất nặng nề nơi Ngã và Ngã sở, nên khởi ra các món vọng chấp, leo chuyễn theo sự vật, phân biệt cảnh giới sáu trần, gọi đó là "ý thức" (thức thứ sáu). Cũng gọi đó là "Phân ly thức", hay gọi "Phân biệt sự thức". Thức này nương nơi kiến (kiến hoặc) và ái (tư hoặc) phiền não mà được nuôi lớn.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về "ý thức".

So với 5 món "ý" nói trên, thì ý thức này thuộc về món thứ năm là "Tương tục thức"; trong Lục thô nó thuộc về Thô thứ hai là "Tương tục Tướng"; trong 8 thức nó thuộc về thức thứ 6.

_ Bởi thức này, niệm niệm tương tục, chấp Ngã và Ngã sở, leo chuyễn theo các trần cảnh, phân biệt các sự vật, vọng chấp đủ điều, nên gọi là "Thức tương tục".

_ Bởi thức này phân biệt 5 trần cảnh (Sắc, Thinh, Hương, Vị và Xúc) mỗi cảnh riêng nhau, nên gọi là "Phân ly thức".

_ Bởi thức này phân biệt tất cả sự vật, nên cũng gọi là "phân biệt sự thức".

_ lại nữa, thức này nhờ 2 món phiền não là "Kiến" và "Ái" mà được nuôi lớn, "kiến" tức là kiến hoặc, thuộc về phân biệt hoặc. "Ái" tức là Tư hoặc,

thuộc về Cu sanh hoặc. Do hai món phiền não này, nên ý thức mới khởi hoặc tạo nghiệp, quanh quẩn trong sanh tử luân hồi.

Trong "Môn sanh diệt" có 2 phần, trên đã nói về phần thuận dòng vô minh (lưu chuyển), sanh ra các pháp sanh tử tạp nhiễm; sau đây sẽ nói, chính nơi pháp tạp nhiễm lưu chuyển đó, để chỉ sự trở lại thanh tịnh (hoàn tịnh) tùy theo trình độ của người, hoặc mau hay chậm không đồng.

---o0o---

CẢNH GIỚI NÀY DUY PHẬT MỚI BIẾT ĐƯỢC RẤT RÁO

CHÁNH VĂN

Do vô minh huân tập sanh ra thức. Cảnh giới này, chúng phàm phu không thể biết được; dù cho hàng Nhị thừa dùng trí huệ quán sát cũng không thể biết được; các vị Bồ Tát từ Sơ tín cho đến Tam hiền (Trụ Hạnh, Hướng) phát tâm quán sát, chỉ biết được chút ít; bậc Thập địa Bồ Tát (Pháp thân Bồ Tát) cũng chỉ biết được từng phần; cho đến Đẳng giác Bồ Tát cũng không thể biết hết ; duy có Phật mới biết được rất ráo.

Tại sao vậy?. _ Vì tâm này từ hồi nào đến giờ, tánh nó vẫn thanh tịnh, không có vô minh; song bị vô minh làm nhiễm ô (bất biến tùy duyên), vì thế nên rất khó biết. Bởi thế nên chỉ có Phật mới có thể biết được cảnh giới này.

Tóm lại, chơn tam (tâm tánh) vì thường không vọng niệm, nên gọi là "bất biến" (chơn như). Song chúng sanh vì không ngộ nhập được chơn tâm (nhứt pháp giới) này, lại sanh vọng niệm nên gọi là "vô minh".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Người đang chiêm bao không bao giờ biết được chiêm bao; phải thức giấc rồi mới biết đó là cảnh chiêm bao; chúng sanh đang ở trong vòng vô minh vọng thức, không thể biết được vô minh vọng thức; bao giờ giác ngộ hoàn toàn, mới biết được rất ráo cảnh giới của vô minh vọng thức.

Do vô minh huân tập vào chơn như, nên chơn vọng hoà hiệp biến thành thức A lại da. Chúng phàm phu vì đang ở trong vòng thức biến, nên không bao giờ biết được cảnh giới thức biến. Hàng Nhị thừa tuy dùng trí huệ quán sát, phá được ngã chấp; nhưng mây pháp chấp hãy còn dày bịt và che lói chơn tâm, nên cũng không thể thấy được cảnh giới ấy. Các bậc Bồ Tát ở vị Tam hiền, mới phá được đôi phần phân biệt pháp chấp; nên chỉ biết được chút ít về cảnh giới này. Đến bậc Thập địa Bồ Tát, hễ phá được một phần vô minh, chứng được một phần pháp thân, thì thấy được một phần của cảnh giới này, và cứ tuần tự như thế, cho đến khi nào phá được 10 phần vô minh, thì chứng 10 phần pháp thân và biết được cả 10 phần của cảnh giới này. (Thập địa Bồ Tát, do phá vô minh, chứng được pháp thân, nên gọi là "Pháp thân Bồ Tát"). Bậc Đẳng giác Bồ Tát, vì còn vi tế vô minh, nên đối với cảnh giới này, biết cũng chưa tường tận. Đến quả vị Phật, do phá vô minh đã sạch hết, nên mới hoàn toàn biết được cảnh giới này; cũng như người đã hoàn toàn thức tỉnh, mới biết được rõ ráo cảnh mê mộng.

Trên đã nói nhơn duyên trở lại bản tâm thanh tịnh rồi, dưới đây sẽ lược nói đến địa vị nào, mới đoạn được hoặc gì, để trở lại bản tâm thanh tịnh.

---o0o---

BÀI THỨ BẢY

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ Ý NGHĨA "BÁT GIÁC" (tiếp theo)

CHÁNH VĂN

Tâm nhiễm ô này (kể từ Thô đến Tế) có 6 lớp:

1. Nhiễm ô về chấp trước (chấp tương ưng nhiễm, tức là hai món Thô: chấp thủ tướng và kế danh tự tướng). Hành giả phải đến quả Nhị thừa hay vị Thập tín, mới trừ được món nhiễm ô này.
2. Nhiễm ô bất đoạn (Bất đoạn tương ưng nhiễm, tức là món Thô về tương tục tướng). Hành giả từ địa vị Thập tín đến địa vị Thập hồi hướng, phương tiện tu hành, lần lần xả bỏ, khi đến Sơ địa (tịnh tâm địa) mới hoàn toàn xa lìa được món nhiễm ô này.

3. Nhiễm ô về trí phân biệt (Phân biệt trí tương ưng nhiễm, tức là món Thô về Trí tướng). Hành giả phải từ Nhị địa (Cụ giới địa) lần lần diệt trừ, cho đến Thất địa (Vô tướng phương tiện địa) mới hoàn toàn xa lìa nhiễm ô này.

4. Nhiễm ô về cảnh sắc (Hiện sắc bất tương ưng nhiễm, tức là món Tế về Hiện tướng). Hành giả tu hành phải đến Bát địa (Sắc tự tại địa) mới xa lìa được món nhiễm ô này.

5. Nhiễm ô về năng phân biệt (năng kiến tâm bất tương ưng nhiễm, tức là món Tế về Kiến tướng). Hành giả tu hành phải đến Cửu địa, mới xa lìa được món nhiễm ô này.

6. Nhiễm ô về nghiệp (Căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm, tức là món Tế về Nghiệp tướng). Hành giả từ Thập địa lên Đăng giác Bồ Tát và phải đến quả vị Phật, mới có thể diệt trừ món nhiễm ô này.

Tóm lại, vì không ngộ được chơn tâm (bất đạt nhưt pháp giới nghĩa) nên sanh ra nhiều lớp nhiễm ô (Tam tế, Lục thô). Muốn diệt trừ các nhiễm ô này, hành giả phải trải qua nhiều địa vị: Bắt đầu từ địa vị Thập tín để tâm quán sát và học tập đoạn trừ tâm nhiễm ô. Qua Tam hiền rồi vào Thập địa, tùy mỗi địa vị, diệt trừ mỗi phần tâm nhiễm ô (vọng hoặc); đến quả vị Phật mới diệt hoàn toàn rốt ráo.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Vì không ngộ được chơn tâm, nên sanh ra trùng trùng mê vọng. Các lớp mê vọng tuy nhiều, nhưng đại lược chia làm 6 lớp, từ Thô đến Tế.

1. Chấp tương ưng nhiễm (nhiễm ô về sự chấp trước) tức là hai món Thô thứ ba và thứ tư (chấp thủ tướng và kế danh tự tướng) trong 6 món Thô. Hành giả tu hành phải đến Nhị thừa hay Thập tín mới đoạn trừ được lớp vọng nhiễm này.

2. Bất đoạn tương ưng nhiễm (nhiễm ô về bất đoạn) tức là món Thô thứ hai (tương tục tướng) trong 6 món Thô. Hành giả tu hành từ địa vị Tam hiền đoạn trừ lần lần cho đến Sơ địa mới trừ hết lớp vọng nhiễm này.

3. Phân biệt trí tương ưng nhiệm (nhiệm ô về phân biệt) tức là món Thô thứ nhất (trí tướng) trong 6 món Thô. Hành giả tu hành từ Nhị địa cho đến Thất địa mới trừ được lớp vọng nhiệm này.

4. Hiện sắc bất tương ưng nhiệm (nhiệm ô về cảnh giới) tức là món Tê đầu thứ ba (hiện tướng) trong 3 món Tê đầu. Hành giả tu hành đến Bát địa mới đoạn được lớp vọng nhiệm này.

5. Năng kiến tâm bất tương ưng nhiệm (nhiệm ô về năng phân biệt) tức là món Tê đầu thứ hai (kiến tướng) trong 3 món Tê đầu. Hành giả tu hành, phải đến Cửu địa, mới đoạn được lớp vọng nhiệm này.

6. Căn bản nghiệp bất tương ưng nhiệm (nhiệm ô về nghiệp) tức là món Tê đầu thứ nhất (Vô minh nghiệp tướng) trong 3 món Tê đầu. Hành giả tu hành khi sắp chứng quả Phật, mới đoạn trừ được lớp vọng nhiệm rất vi tế này.

Tóm lại, vì vô minh vọng nhiệm chôn chát nhiều lớp, từ nhiều đời nhiều kiếp, nên hành giả phải trải qua nhiều giai đoạn, nhiều địa vị để phá trừ. Phá một lớp vô minh, thì Hành giả chứng lên được một địa vị. Như thế, bắt đầu từ phàm phu, tu đến quả vị Phật, Hành giả phải trải qua thời gian là 3 lần vô số kiếp (A tăng kỳ kiếp) và qua 55 địa vị, mới đoạn mê hoặc (vô minh) được hoàn toàn và chứng được rốt ráo quả Phật.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Sao gọi là "tương ưng" (3 món nhiệm về tương ưng)? _ Vì Tâm vương, Tâm sở khác nhau (tâm niệm, pháp dị) và tánh chất nhiệm ô của cảnh bị duyên không đồng; song Tâm vương khi duyên cảnh nào thì Tâm sở cũng ưng thuận duyên theo cảnh đó, nên gọi là "tương ưng". (ngôn thuyết).

_ Sao gọi là "bất tương ưng" (3 món nhiệm về bất tương ưng)? _ Vì tâm mới vừa bất giác vọng động, chưa phân ra căn cảnh hay Tâm vương, Tâm sở, nên gọi là "bất tương ưng".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Trong 6 món nhiễm ô này, sở dĩ 3 món đầu (chấp tương ưng nhiễm, bất đoạn tương ưng nhiễm và phân biệt trí tương ưng nhiễm) đều gọi là "tương ưng", là vì chúng nó thô phù, lại chia ra 2 phần rất rõ rệt (căn, cảnh; Tâm vương, Tâm sở) và có sự hoà hiệp nhau (tương ưng).

Còn 3 món nhiễm ô sau (hiện sắc bất tương ưng nhiễm, năng kiến tâm bất tương ưng nhiễm và căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm) lại gọi là "Bất tương ưng"; là vì chúng nó rất vi tế, còn ở trong vòng trừu tượng, chưa phân Năng, Sở, Tâm, Cảnh, nên chẳng có sự hợp nhau.

---o0o---

h) TÂM NHIỄM Ô VÀ VÔ MINH KHÁC NHAU THẾ NÀO?

CHÁNH VĂN

_ Tâm nhiễm ô là phiền não chướng (phiền não ngại) làm chướng ngại căn bản trí (vô phân biệt trí) duyên Chơn như.

_ Vô minh là sở tri chướng (trí ngại làm chướng ngại hậu đắc trí (tự nhiên nghiệp trí) duyên các pháp sai biệt của thế gian.

_ Tại sao tâm nhiễm ô lại chướng ngại căn bản trí? _ Vì tâm nhiễm ô sanh ra Năng kiến tướng (kiến phần) và Năng hiện tướng (tướng phần) rồi vọng sanh ra chấp thủ cảnh giới (thuộc về Lục thô), nên trái với tánh Chơn như bình đẳng

_ Tại sao vô minh(bất giác) lại chướng ngại Hậu đắc trí (sai biệt trí)? Vì các pháp thường tịnh, không có khởi động; còn vô minh thì bất giác vọng động, nên trái với tánh thường tịnh của các pháp. Bởi thế nên không thể tùy thuận biết hết các cảnh giới thế gian.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Vô minh và tâm nhiễm ô khác nhau thế nào? _ Từ vô minh sanh ra tâm nhiễm ô (Tam tế, Lục thô) nên vô minh là gốc, mà tâm nhiễm ô là sự sai biệt của vô minh.

Vô minh thuộc về mê "Lý", tức là sở tri chướng, làm chướng ngại Hậu đắc trí, cũng gọi là Sai biệt trí (trí này phân biệt các pháp sai biệt thể gian).

Tâm nhiệm ô thuộc về mê "Sự", tức là phiền não chướng, làm chướng ngại Căn bản trí; cũng gọi là Vô phân biệt trí (trí này duyên Chơn như).

Tại sao phiền não (tâm nhiệm ô) làm chướng ngại Căn bản trí, còn Sở tri (vô minh) lại chướng ngại Hậu đắc trí? _ Tánh Chơn như bình đẳng, không có năng sở bỉ thử, nên phải dùng Căn bản trí (vô phân biệt trí) mới duyên được Chơn như. Song vì phiền não là tâm nhiệm ô lại chao động, có năng sở bỉ thử, ngàn sai muôn khác, trái với chơn như bình đẳng, nên làm chướng ngại "Vô phân biệt trí" (Căn bản trí).

_ Các pháp thể gian không rời chơn như, và chơn như đã thanh tịnh nên các pháp thể gian cũng phải thanh tịnh. Song vì vô minh bất giác, trái với tánh thanh tịnh của các pháp, nên không thật biết được các pháp. Bởi thế nên vô minh (sở tri chướng) làm chướng ngại Sai biệt trí (Hậu đắc trí).

Đã nói nhơn duyên sanh diệt rồi, tiếp theo đây sẽ nói tướng sanh diệt.

---o0o---

I) BA TƯỚNG NHIỄM Ô SANH DIỆT

CHÁNH VĂN

Lại nữa, tướng nhiễm ô sanh diệt, có 3 thứ:

1. Tướng sanh diệt thô (chấp thủ tướng và kế danh tự tướng) đây là cảnh giới của địa vị Tam hiền (phàm phu) biết.
2. Tướng sanh diệt vừa Thô vừa Tế (tức là 2 món Thô đầu: Trí tướng, Tương tục tướng và 2 món Tế sau: Chuyển tướng và Hiện tướng), đây là cảnh giới của Bồ Tát (từ Sơ địa đến Đẳng giác) biết.
3. Tướng sanh diệt Vi tế (tức là món Tế đầu tiên: Vô minh nghiệp tướng) đây là cảnh giới chỉ có Phật mới biết.

Ba tướng nhiễm ô sanh diệt này, đều do vô minh huân tập mà sanh. Nghĩa là do vô minh bất giác làm nhơn và cảnh giới hư vọng làm duyên, mới sanh ra các tướng nhiễm ô sanh diệt.

Bởi thế nên, nhơn (vô minh) diệt, thì duyên (cảnh giới) diệt. Nếu vô minh (nhơn) diệt, thì Tam tế diệt (bất tương ưng tâm diệt), và nếu cảnh giới (duyên) diệt, thì Lục thô diệt (tương ưng tâm diệt).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tướng nhiễm ô sanh diệt có Thô và Tế, tức là Lục thô và Tam tế. Hàng Tam hiền (Trụ, Hạnh, Hướng) chưa đặng Thánh vị, nên đều gọi là phàm phu. Hàng phàm phu (Tam hiền) chỉ biết hành tướng của hai món Thô thứ ba và thứ tư. Bồ Tát từ Sơ địa đến Đẳng giác thì biết được hành tướng của 2 món Tế sau (Chuyển tướng và Hiện tướng). Duy Phật mới biết được hành tướng của món Vi tế thứ nhất là "Vô minh nghiệp tướng".

Các tướng sanh diệt Thô, tế này, đều do vô minh huân tập mà có. Nghĩa là do vô minh bất giác làm nhơn, sanh ra 3 món Vi tế (Nghiệp tướng, Chuyển tướng và Hiện tướng); rồi do cảnh giới (Hiện tướng) làm duyên, sanh ra 6 món Thô.

Bởi thế nên vô minh (nhơn) diệt, thì cảnh giới (duyên) diệt. Nếu vô minh diệt thì Tam tế diệt; và nếu cảnh giới (Hiện tướng) diệt thì Lục thô cũng diệt.

---o0o---

VẤN ĐÁP ĐỂ QUYẾT NGHI

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Nếu tâm này (tâm nhiễm ô) diệt, thì lấy gì để tiếp tục tu hành? Và nếu tâm này còn tương tục, thì làm sao được thành Phật?

Đáp: _ Chỉ diệt cái "Vọng tướng" của tâm, chớ không phải diệt cái "Chơn thể" của tâm. Cũng như vì gió nên nước nổi sóng. Nếu gió đứng thì sóng lặng, chứ nước không diệt.

Cũng thế, vì vô minh (gió) mà tâm thể (nước) sanh ra vọng tướng (sóng). Nếu vô minh (si mê) diệt thì vọng tướng của tâm cũng diệt, chớ tâm trí (tâm thể) không diệt.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Vì đoạn trước nói "Nếu Nhơn diệt, thì tâm bất tương ưng diệt; còn Duyên diệt, thì tâm tương ưng diệt", nên đoạn này mới có câu hỏi: "Nếu tâm này diệt, thì lấy gì để tiếp tục tu hành v.v..."

Đại ý trong lời đáp: Tâm có hai phần, chơn thể và vọng tướng. Tâm chơn thể như nước; tâm vọng tướng như sóng. Nước vì gió mà có sóng, nên khi gió hết thì sóng lặng, chứ nước không diệt.

Cũng thế, vì gió vô minh làm chao động, nên nước tâm thể nổi lên các vọng thức, rồi sanh diệt tương tục. Khi gió vô minh hết, thì sóng vọng thức lặng, chứ nước tâm thể không diệt.

Trên đây có hai danh từ: Tâm thể và Tâm trí, giới nghĩa khác nhau. Nói "Tâm thể" là chỉ chung cho cả nhiễm tịnh, phàm thánh đều có Tâm thể. Còn nói "Tâm trí" là chỉ riêng về phần "Tịnh" của tâm thể khi đã rời nhiễm, và đặng thành thánh quả.

Trên đây nói phần "nhiễm tịnh sanh diệt, sanh ra tất cả pháp", tiếp theo đây sẽ nói "nhiễm huân tập nhau", để chỉ rõ các pháp sanh khởi không dứt.

---o0o---

BÀI THỨ TÁM

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BÁT GIÁC" (tiếp theo)

K. NÓI VỀ BỐN MÓN HUÂN TẬP

CHÁNH VĂN

Lại nữa, vì có bốn món huân tập, nên các pháp tạp nhiễm và thanh tịnh được sanh khởi không dứt.

1. Chơn như (pháp thanh tịnh) huân tập

2. Vô minh (các nhờn tập nhiễm) huân tập

3. Nghiệp thức (vọng tâm) huân tập

4. cảnh giới hư vọng (sáu trần) huân tập.

Sao gọi là "huân tập"?_ Chữ "Huân" là xông ướp; chữ "Tập" là quen. Thí như y phục không có mùi thơm, song vì người ta lấy vật thơm xông ướp vào, nên nó quen (có) mùi thơm.

Cũng thế, chơn như là pháp thanh tịnh thật không có nhiễm ô, song vì bị vô minh huân tập vào, nên có tướng nhiễm ô. Trái lại, vô minh là pháp tạp nhiễm, cũng không có diệu dụng thanh tịnh, chỉ vì bị chơn như huân tập vào, nên nó có diệu dụng thanh tịnh.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về việc "Huân tập" của tâm sanh diệt, để chỉ rõ lý do các pháp sanh diệt tương tục. Ở đây nên lưu ý nhưt, là hai chữ "huân tập". Chúng ta được chứng Thánh Hiền hay bị làm phàm phu, đều do huân tập cả.

Thí như người không biết uống rượu, gần gũi bạn rượu nay nếm một giọt, mai uống một ly, như thế gọi là "Huân". Lâu ngày người ấy vì quen hơi rượu, nên ghiền rượu, gọi là "Tập" (tập quán).

Chơn như và vô minh huân tập nhau cũng thế. Nếu chơn như mạnh, huân tập vô minh, thì vô minh biến thành tịnh dụng. Trái lại, nếu Vô minh mạnh, huân tập vào chơn như thì chơn như biến ra tướng nhiễm ô. Cũng như nước lạnh và nóng đổ chung một bồn, nếu thế lực của nước nóng nhiều, thì làm cho nước lạnh trở thành ấm, trái lại, nếu thế lực của nước lạnh nhiều, thì làm cho nước nóng trở thành mát.

Hằng ngày chúng ta "huân tập" không biết bao nhiêu việc, huân tập cái gì thành ra cái nấy. Huân tập cái xấu nhiều, thành ra người xấu, Huân tập cái tốt nhiều, thành ra người tốt. Vào hàng bán hương chiên đàng, được xông ướp mùi thơm, thì ta thơm. Vào hàng bán thịt cá, bị ướp mùi tanh hôi, thì ta hôi. Gần gũi người hiền huân tập đức tánh tốt, thì ta thành người lương thiện; gần gũi kẻ ác, huân tập theo tánh hung dữ, ta thành người bạo ác. Bởi

thế nên ngôn ngữ có câu: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Hằng ngày chúng ta chung đụng, gần gũi, lân la không biết bao nhiêu hạng người, chúng ta phải thận trọng về sự huân tập này. Huân tập Phật (chơn như) thì được thành Phật, huân tập chúng sanh (vô minh) thì làm chúng sanh.

Huân tập có bốn loại:

1. Chơn như huân tập
2. Vô minh huân tập
3. Vọng tâm huân tập
4. Vọng cảnh huân tập

sẽ tuần tự giải thích từ thô đến tế như sau.

---o0o---

DO HUÂN TẬP NÊN CÁC PHÁP NHIỄM Ô SANH KHỞI KHÔNG DỨT

CHÁNH VĂN

Huân tập thế nào, mà các pháp tạp nhiễm sanh khởi không dứt?_ Do chơn như mà có vô minh (hoặc); rồi vô minh làm nhơn trở lại huân tập vào chơn như (nghiệp) sanh ra vọng tâm (khổ); rồi vọng tâm (khổ) trở lại huân tập vào vô minh (hoặc) v.v...

Nghĩa là vì chưa ngộ nhập được chơn như, nên bất giác (hoặc, tức là nghiệp tướng) vọng niệm sanh khởi (nghiệp, tức là chuyển tướng) và vọng hiện ra các cảnh giới (khổ, tức là hiện tướng).

Rồi do cảnh giới nhiễm ô vọng hiện này (khổ) trở lại huân tập vào vọng tâm, sanh ra vọng niệm chấp trước (hoặc, tức là bốn món Thô trước) và tạo ra các nghiệp (nghiệp, tức là món Thô thứ năm) rồi chịu tất cả khổ về thân và tâm v.v...(khổ, tức là món Thô thứ sáu).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói do huân tập nên các pháp tạp nhiễm sanh khởi không dứt.

Vì chưa ngộ nhập được chơn tâm, nên vô minh bất giác vọng động nổi lên (hoặc) rồi huân tập trở lại chơn tâm (nghiệp) biến thành vọng tâm (khổ).

Rồi từ vọng tâm (khổ) trở lại huân tập vô minh (hoặc sanh ra vọng niệm (nghiệp) và cảnh giới hư vọng (khổ).

Cảnh giới hư vọng (khổ) trở lại huân tập vọng tâm, sanh ra vọng niệm chấp trước (hoặc) tạo ra các nghiệp (nghiệp) rồi chịu quả khổ về thân và tâm v.v...(khổ).

Cũng như 12 Nhơn duyên: Từ vô minh (hoặc) làm duyên cho hành (nghiệp), hành làm duyên cho thức, danh sắc, lục nhập, xúc thọ (khổ); thọ làm duyên cho ái (hoặc) và ái làm duyên cho thủ, hữu (nghiệp) sanh và lão tử (khổ) v.v...Ba đời Nhơn quả, từ hoặc tạo nghiệp (nhơn quá khứ), do nghiệp nên thọ khổ (quả hiện tại). Rồi khổ lại mê hoặc tạo nghiệp, (nhơn hiện tại) và vì tạo nghiệp nên phải chịu khổ về sau (quả vị lai), v.v...Như cái vòng tròn không có mối. Bởi thế nên nói các pháp tạp nhiễm tương tục sanh khởi không dứt.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Nói về cảnh giới hư vọng (6 tuần) huân tập._ Cảnh giới hư vọng (6 tuần) huân tập có hai món: 1. Cảnh giới huân tập làm tăng trưởng vọng niệm (Trí tướng và Tương tục tướng), 2. Cảnh giới huân tập làm tăng trưởng chấp thủ (Chấp thủ tướng và Kế danh tự tướng).

Nói về vọng tâm (nghiệp thức) huân tập._

Vọng tâm huân tập có hai món: 1. Vọng tâm (nghiệp thức căn bản) huân tập lại căn bản vô minh (làm cho tạng thức bất đoạn) làm cho các vị Bồ Tát, A la hán, Bích Chi Phật (Duyên giác) phải thọ khổ "Biến dịch sanh tử" (sanh tử biến đổi). 2. Vọng tâm (phân biệt sự thức) huân tập chi mật vô minh (tức là bốn món Thủ trước) làm cho chúng phàm phu chịu khổ "phần đoạn sanh tử".

Nói về vô minh huân tập. _ vô minh huân tập có 2 món: 1. Căn bản vô minh huân tập vào chơn như làm thành tựu nghiệp thức (Tạng thức), 2. Chi mạng vô minh (kiến, ái) huân tập vào vọng tâm làm thành tựu (tăng trưởng) phân biệt sự thức (ý thức)

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về 3 loại huân tập (còn loại thứ tư, là chơn như huân tập, sẽ nói trong bài sau), từ thô về tế:

1. Cảnh giới hư vọng 6 trần huân tập vào vọng tâm, nuôi lớn chi mạng vô minh, cũng gọi nhuận sanh vô minh, tức là Niệm (Trí tướng và Tương tục tướng) và Thủ (chấp thủ tướng).

2. Vọng tâm (nghiệp thức) huân tập lại vô minh, nuôi lớn hai món khổ sanh tử của phàm phu và Thánh giả:

a. Vì vọng tâm (nghiệp thức huân tập vào căn bản vô minh, nuôi lớn "vọng niệm", làm cho Tạng thức (A lại da) bất đoạn, nên các vị Bồ Tát, Duyên giác, A la hán phải bị khổ biến dịch sanh tử.

b. Vì vọng tâm phân biệt sự thức (ý thức) huân tập vào chi mạng vô minh, (Trí tướng, Tương tục tướng, Chấp thủ tướng và Kế danh tự tướng, tức là kiến hoặc và tư hoặc) nuôi lớn "chấp thủ", làm cho 7 thức trước tương tục mãi mãi, nên chúng phàm phu phải bị khó phân đoạn sanh tử.

3. Vô minh huân tập làm thành tựu nghiệp thức và phân biệt sự thức: a. Vì căn bản vô minh huân tập vào chơn như, nên làm thành tựu nghiệp thức, tức là A lại da thức, b. Vì chi mạng vô minh (Kiến: Kiến hoặc; Ái: tư hoặc) huân tập vào vọng tâm (nghiệp thức), nên làm thành tựu phân biệt sự thức tức là thức. Nói chung là bảy thức trước. Vì bảy thức trước phân biệt các sự vật, rồi chấp ngã, chấp pháp, nên các sự vật mới thành như thế này, hoặc như thế nọ. Bởi thế nên gọi là phân biệt sự thức.

Đã nói "Do huân tập nên các pháp tạp nhiễm sanh khởi không dứt" rồi; tiếp theo đây sẽ nói: "Do huân tập nên các pháp thanh tịnh sanh khởi không dứt".

---o0o---

DO HUÂN TẬP NÊN CÁC PHÁP THANH TỊNH SANH KHỞI KHÔNG DỨT

CHÁNH VĂN

Huân tập thế nào, mà các pháp thanh tịnh sanh khởi không dứt? _ Do chơn như huân tập vô minh, nên làm cho hành giả khởi vọng tâm nhằm chán khổ sanh tử, cầu vui Niết bàn. Nhờ công năng chán khổ sanh tử, ưa thú vui Niết bàn của vọng tâm đó, trở lại huân tập vào chơn như, nên hành giả mới tự tin tánh Phật (khả năng thành Phật) của mình, (ở vị Thập tín) và biết cảnh giới hiện tiền không thật có, chỉ do tâm vọng động hiện ra (thập trụ) rồi tu hành để xa lìa các nhiễm ô (thập hạnh và Thập hồi hướng). Khi biết xác thực, không có cảnh giới hiện tiền (Sơ địa) hành giả mới dùng các phương tiện tu hành (từ Nhị địa đến Cửu địa) và khởi ra hạnh tùy thuận chơn tâm, không chấp thủ (Chấp thủ tướng và Kế danh tự tướng) không vọng niệm (Trí tướng và Tương tục tướng) và tu hành trải qua nhiều kiếp lâu xa (Thập địa).

Tóm lại, nhờ sức chơn như huân tập này, nên vô minh diệt (Nghiệp tướng diệt). Vì vô minh diệt nên tâm không vọng động (Chuyển tướng diệt); do tâm không vọng động nên cảnh giới cũng theo đó mà diệt (Hiện tướng diệt). Do vô minh (nhon) và cảnh giới (duyên) đều diệt, nên các tướng vọng nhiễm của tâm cũng diệt hết (Lục thô diệt hết). Lúc bấy giờ, gọi là chứng Niết bàn, và hành giả được diệu dụng không thể nghĩ bàn (tự nhiên nghiệp).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói do huân tập mà các pháp thanh tịnh sanh khởi không dứt.

Bên trong nhờ tánh Phật (chơn như) huân tập vô minh, nên làm cho hành giả phản tỉnh, nhằm khổ sanh tử cầu vui Niết bàn. Bên ngoài nhờ sự phản tỉnh này, trở lại huân tập vào tánh Phật (chơn như) làm cho hành giả giác ngộ cảnh giới này không thật, nên đã không sanh tâm tham luyến và tạo nghiệp; trái lại, còn tùy thuận theo tánh Phật tu hành, phá trừ Tam tế Lục thô, trải qua bao vô số kiếp và 56 địa vị, từ Thập tín đến quả Phật.

Vì bên trong vô minh, bên ngoài cảnh giới đều đã diệt nên vọng tâm cũng diệt; do vọng tâm diệt, nên tánh Phật (chơn như) mới hiện ra, gọi đó là cảnh Niết bàn. Lúc bấy giờ hành giả được rất nhiều diệu dụng hoá độ chúng sanh không thể nghĩ bàn.

Chúng ta nên lưu ý đặc điểm này: khi mê thì vô minh làm cho vọng tâm tạo ra các tội khổ sanh tử triền phược; đến lúc ngộ thì chơn như (tánh Phật) làm cho vọng tâm phản tỉnh và tiến tu đến đạo quả Bồ Đề, Niết bàn.

Cũng như một cây gương, nếu kẻ giặc cầm thì sát như vô đạo; còn người anh hùng tướng sĩ cầm, thì bảo vệ non sông. Bởi thế nên người tu hành, chỉ đổi cái "Dụng" mà thôi, chớ không phải trừ bỏ cái "Thê" vậy.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Lại nữa, vọng tâm huân tập có hai thứ:

1. Ý thức huân tập (phân biệt sự thức), làm cho chúng phàm phu và Nhị thừa nhầm chán khổ sanh tử, và tùy theo năng lực của mình, lần lần tu hành đến Đạo vô thượng Bồ Đề.
2. Ý huân tập, làm cho các vị Bồ Tát phát tâm đồng mãnh, mau đến quả Niết bàn.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này giải thích, vọng tâm huân tập trở lại chơn như, có hai loại:

1. Ý thức (thức thứ sáu) huân tập vào chơn như; nghĩa là do công năng phản tỉnh của ý thức, huân tập trở lại tánh Phật sẵn có (chơn như), nên làm cho chúng phàm phu và hàng Nhị thừa nhầm chán khổ sanh tử, phát tâm tu hành, lần lần đến đạo vô thượng Bồ Đề.
2. Ý (trương tục ý) huân tập trở lại chơn như; nghĩa là do công năng phản tỉnh của ý, huân tập trở lại tánh Phật (chơn như), nên làm cho hàng Bồ Tát, phát tâm đồng mãnh tu hành, mau được quả Niết bàn.

Trên đã nói vọng tâm huân tập vào chơn như, có thể và tế không đồng rồi; tiếp sau đây sẽ nói chơn như huân tập vô minh, có "thể" và "dụng" không đồng.

HẾT QUYỂN THƯỢNG

---o0o---

BÀI THỨ CHÍN

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BẤT GIÁC" (tiếp theo)

K. NÓI VỀ BỐN MÓN HUÂN TẬP

(tiếp theo và hết)

CHÁNH VĂN

Nói về thể tướng chơn như (pháp thanh tịnh) huân tập. Chơn như huân tập vô minh, có hai phần:

1. Thể tướng chơn như huân tập
2. Diệu dụng chơn như huân tập.

Nói về thể tướng chơn như huân tập vô minh: tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, đều saün có bản thể chơn như (tánh Phật) vàø có đủ các công dụng (diệu dụng chơn như) không thể nghĩ bàn, sanh ra các cảnh giới. Do thể tướng và công dụng của chơn như (tánh Phật) thường huân tập vô minh, nó thúc đầu chúng sanh chán khổ sanh tử, cầu vui Niết bàn, và tự tin mình có saün chơn như (tánh Phật) nên tự phát tâm tu hành để thành Phật.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Trong kinh chép: "Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật " (khả năng thành Phật). Tánh Phật này, cũng gọi là chơn như, Pháp tánh hay Chánh nhơn Phật tánh v.v...Nhờ saün có tánh Phật (giống Phật) nên chúng sanh tu hành mới được thành Phật.

Tánh Phật này thanh tịnh vô lậu, và có diệu dụng không thể nghĩ bàn. Nó thường huân tập vô minh, làm cho chúng sanh tự tin mình có khả năng thành Phật, nên phát tâm tu hành, chán khổ sanh tử cầu vui Niết bàn. Nếu không nhờ tánh Phật này thúc giục, thì chúng sanh không biết chừng nào mới phát tâm tu hành, cầu quả giải thoát.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Nếu tất cả chúng sanh đều saün có Chơn như (tánh Phật) và đồng huân tập vô minh thì tất cả chúng sanh phải đồng thời tự tin mình có chơn như (tánh Phật), đồng thời phát tâm tu các pháp lành và đồng thời chứng quả Niết bàn; tại sao có vô cùng sai khác: kẻ tin người không, kẻ tu trước, người tu sau, có kẻ đã nhập Niết bàn, còn người chưa nhập?.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Do trước nói: "Tất cả chúng sanh đều saün có tánh Phật, và nhờ tánh Phật này huân tập vô minh, nên làm cho chúng sanh nhầm cảnh khổ sanh tử, ưa vui Niết bàn v.v.." nên mới có câu hỏi này. Trong câu hỏi này có hai điều nghi:

Điều nghi thứ nhất: chúng sanh đã saün có tánh chơn như, bình đẳng nhu nhau, tại sao lại có vô số những sự sai khác, không bình đẳng, như kẻ đàn độn, người thông minh, kẻ chánh người tà, kẻ tin người không v.v...

Điều nghi thứ hai: chúng sanh đã đồng nhờ chơn như huân tập vào vô minh, nên phát tâm tu hành v.v...Vậy thì phải đồng thời phát tâm, đồng thời tự tin mình có tánh Phật và đồng thời tu, đồng thời chứng v.v...tại sao có vô cùng những sự sai khác, không bình đẳng, như kẻ tu trước người tu sau, kẻ mau ngộ đạo người chậm chạp v.v...

---o0o---

CHÁNH VĂN

Đáp: _ Từ hồi nào đến giờ chơn như vẫn một; song vô minh có vô lượng vô biên, tánh chất khác nhau, dày mỏng không đồng.

Do vô minh này mà sinh ra các phiền não sai khác (Sở tri chướng) nhiều hơn số cát sông Hằng. Cũng do vô minh này mà sanh ra các phiền não sai khác, như ngã kiến, ái nhiễm v.v...(phiền não chướng).

Tóm lại, tất cả phiền não (phiền não chướng, sở tri chướng) đều do vô minh sanh khởi, hoặc trước hoặc sau vô cùng sai khác.

(Đoạn này đã nói "vô minh sai khác không đồng", tiếp theo đây sẽ nói "ngoại duyên không phải một").

Lại nữa, trong Phật pháp nói: "Tất cả các pháp đều do nhơn duyên sanh; nhơn duyên đầy đủ mới được thành tựu".

Thí như chất lửa trong cây là "Chánh nhơn" của lửa. Song, nếu không có "trợ duyên" là người biết lấy lửa, và các phương tiện như bụi nhùi, (bồi) công người cọ sát v.v...thì lửa kia không thể tự phát sanh ra được.

Cũng vậy, chúng sanh tuy saün có tánh Phật (chơn như) là cái "nhơn chánh" để thành Phật; song nếu không có "ngoại duyên" là gặp các đức Phật, Bồ Tát và Thiện tri thức v.v...dẫn dắt chỉ dạy cho phương pháp tu hành, thì hành giả cũng không thể tự mình đoạn trừ phiền não và tu chứng Niết bàn được.

Trái lại, nếu chỉ có "ngoại duyên" mà không có chơn như là cái "nhơn chánh" để thành Phật, huân tập bên trong, thì hành giả cũng không thể tự mình chán khổ sanh tử, cầu vui rốt ráo Niết bàn được.

Bởi thế nên, phải có nội nhơn và ngoại duyên đều đầy đủ; nghĩa là bên trong nhờ tánh Phật (chơn như) làm "chánh nhơn" huân tập; bên ngoài nhờ đức từ bi và đại nguyện của Phật, Bồ Tát giúp hộ làm "trợ duyên", thì hành giả mới chán khổ sanh tử, tin có cõi Niết bàn và phát tâm tu tập các pháp lành. Nhờ tu tập các pháp lành được thuần thực, nên hành giả mới gặp chư Phật Bồ Tát thị hiện, chỉ dạy những điều lợi lạc. Lúc bấy giờ hành giả mới tinh tấn tu hành, để đến đạo quả Niết bàn.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật (chơn như) và đồng huân tập vô minh v.v...thì phải đồng phát tâm, đồng tu và đồng chứng như nhau. Song, có sự vô cùng sai khác, không đồng nhau như kẻ phát tâm tu hành, người huỷ bán, kẻ đã thành Phật, người còn trần luân là vì hai nguyên nhơn sau này:

1. Vô minh không đồng. _ Mỗi chúng sanh có rất nhiều lớp vô minh: có thứ vô minh thuộc về căn bản, có thứ vô minh thuộc về chi末; có thứ sâu dày, có thứ mỏng cạn, có thứ thô phù dễ trừ, có thứ tế nhị khó đoạn. Do các thứ vô minh này sanh ra hằng hà sa số phiền não. Nhưng trong số phiền não này, tóm lại có hai chướng: phiền não chướng và sở tri chướng (cũng gọi là trần sa hoặc).

Vì đoạn trừ vô minh có khó dễ, mau chậm khác nhau, nên chúng sanh phát tâm tu hành và chứng quả không đồng thời.

2. Hoàn cảnh không đồng. _ Mỗi chúng sanh đều có mỗi hoàn cảnh khác nhau, hoàn cảnh tức là các duyên chung quanh.

Chúng được đạo quả vô thượng Bồ Đề, phải có đủ cả nhơn và duyên. Nhơn là chơn như hay Phật tánh, huân tập bên trong; Duyên là những hoàn cảnh giúp đỡ bên ngoài, như Phật, Bồ Tát và Thiện hữu tri thức dạy bảo dẫn dắt v.v...Nếu chỉ có Nhơn mà thiếu Duyên, hoặc có Duyên mà thiếu Nhơn, thì cũng không thành.

Thí như trong cây có saün chất lửa là "nhơn chánh"; song phải nhờ cát "trợ duyên" là hoàn cảnh bên ngoài, như người biết lấy lửa và bồi v.v...thì lửa ấy mới phát sanh được. Nếu thiếu một (Nhơn hoặc Duyên) thì lửa không thể xuất hiện được.

Bởi hoàn cảnh của mỗi chúng sanh không đồng nhau, nên sự phát tâm tu hành và chứng quả không thống nhất. Đây là lý do thứ hai.

Phật tánh có 3:

1. Chánh nhơn Phật tánh: Chơn như là cái nhơn chánh để thành Phật; dụ như chất lửa saün có trong cây.

2. Duyên nhơn Phật tánh: Phật, Bồ Tát , Thiện hữu tri thức và kinh sách v.v...là trợ duyên để thành Phật; dụ như người biết lấy lửa và bồi v.v...

3. Liễu nhơn Phật tánh: Chánh nhơn và trợ duyên đều đầy đủ, làm cho hành giả phát hiện được (liễu ngộ) tánh Phật của mình; dụ như lửa trong cây đã phát cháy.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Nói về diệu dụng chơn như huân tập:

Đây là các trợ duyên bên ngoài của hành giả; có rất nhiều thứ trợ duyên, nhưng tóm lại có 2 loại:

1. Duyên sai biệt, 2. Duyên bình đẳng.

1. Duyên sai biệt: Từ khi mới phát tâm cầu đạo, cho đến thành Phật, trong khoảng thời gian ấy, hành giả hoàn toàn nhờ chư Phật và Bồ Tát gia hộ cho trên đường tu hành. Vì tâm đại bi, nên Phật và Bồ Tát hoặc hiện làm người thân thuộc, như cha mẹ (để dạy bảo hành giả) hoặc hiện làm Thiện hữu tri thức (để nhắc nhở), hoặc hiện làm người tôi tớ hầu hạ (để khuyên lơn), hoặc hiện làm kẻ oan gia (như Đề bà đạt da v.v.. để xúc khích) hoặc dùng Tứ nhiếp pháp (để cảm hoá), cho đến làm không biết bao nhiêu công hạnh, để huân tập cho hành giả; làm cho hành giả hoặc nhớ nghĩ công đức của các Ngài, hoặc thấy hình tướng, hoặc nghe thuyết pháp, mà được lợi ích và tăng trưởng căn lành.

Các duyên sai khác này, chia làm hai loại:

a) Duyên gần, làm cho hành giả mau đặng Bồ Đề (hiện tiền chứng đạo).

b) Duyên xa, làm cho hành giả về sau mới đặng tể độ (nhiều kiếp về sau mới đặng đạo).

Hai món duyên gần và xa này, lại chia làm hai loại nữa: Duyên làm cho hành giả được thọ đạo pháp và Duyên làm cho hành giả tăng trưởng đạo hạnh.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về diệu dụng chơn như của chư Phật và Bồ Tát huân tập cho chúng sanh. Chư Phật và Bồ Tát đã chứng được bản thể chơn như, nên tự nhiên có diệu dụng không thể nghĩ bàn.

Do lòng Đại bi và Đại nguyện của chư Phật và Bồ Tát, tùy theo trình độ của chúng sanh phát tâm cầu đạo, nên từ diệu dụng của chơn như, ứng hiện ra các thân hình v.v.. làm trợ duyên bên ngoài, để giúp cho chúng sanh được thành đạo quả. Nhưng các duyên này, có chia làm hai loại:

1. Duyên sai biệt: Do trình độ của chúng sanh không đồng, sự phát tâm của mỗi người mỗi khác, nên chư Phật và Bồ Tát thị hiện phải có sai khác (Duyên sai biệt).
2. Duyên bình đẳng: Do đồng thể đại bi, nên chư Phật và Bồ Tát phát nguyện độ sanh, bình đẳng làm lợi ích.

Đoạn này nói về "Duyên sai biệt".

Chư Phật và Bồ Tát thị hiện rất nhiều phương tiện để độ sanh; nhưng không ngoài 5 việc như sau:

- a) Vì muốn dùng từ ái, để dẫn dắt hành giả, nên hiện làm cha mẹ.
- b) Vì muốn dùng việc hầu hạ, để gần gũi hành giả đặng khuyên lơn, nên hiện làm kẻ tội tó.
- c) Vì muốn dùng việc cộng sự, để giúp cho hành giả, nên hiện làm Thiện hữu tri thức.
- d) Vì muốn xúc khích hành giả trên đường tu hành, nên hiện làm kẻ oan gia (như Đề bà đạt da).

đ) Vì muốn cảm hoá người, nên dùng Tứ nhiếp pháp.

Tất cả những phương tiện này, đều do lòng từ bi của Phật và Bồ Tát mà khởi hiện, làm trợ duyên để huân tập cho hành giả tăng trưởng căn lành và được nhiều lợi ích.

Các duyên sai biệt này chia làm 2 loại:

1. Duyên gần; nghĩa là hành giả sớm được tế độ. Như khi Phật còn tại thế, những chúng sanh được hoá độ.

2. Duyên xa; nghĩa là hành giả chậm được tế độ. Như khi Phật Đại Thông Trí Thắng ra đời, đức Thích Ca làm đệ tử Ngài, cho đến thời kỳ này mới được thành Phật.

Tất cả những phương tiện này, đều giúp cho hành giả được lãnh thọ đạo pháp và tăng trưởng đạo hạnh.

---o0o---

CHÁNH VĂN

2. Duyên bình đẳng: Tất cả chư Phật và Bồ Tát đều phát nguyện độ thoát tất cả chúng sanh. Do sức bi trí đồng thể tự nhiên huân tập, nên các Ngài thường hằng tùy thuận chúng sanh nào muốn thấy Phật nghe Pháp, thì đều bình đẳng hiện ra để hoá độ, không bỏ một chúng sanh nào. Bởi thế nên chúng sanh khi ở trong thiên định, đều được bình đẳng thấy Phật.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Chư Phật và Bồ Tát đã chứng đến chỗ đồng thể (Phật và chúng sanh đồng một bản thể) nên các Ngài tự thấy chúng sanh còn đau khổ, thì mình còn đau khổ; chúng sanh còn trầm luân, thì mình chưa giải thoát.

Bởi thế nên từ chỗ đồng thể ấy, các ngài khởi Đại bi, Đại trí và phát Đại nguyện. Như Ngài Địa tạng Bồ Tát thể rằng: "chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ Đề. Địa ngục vị không, thế bất thành Phật".(nghĩa là độ hết chúng

sanh mới chứng Bồ Đề; nếu địa ngục còn tội nhơn, thì tôi thề không thành Phật).

Đức A Nan thề rằng: "Ngũ trước ác thế thế tiên nhập. Như nhưt chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ Nê hoàn". Nghĩa là: Trong đời tội ác 5 trước, tôi thề xung phong vào trước, để độ chúng sanh. Nếu còn một chúng sanh nào chưa thành Phật, thì tôi thề không chịu chứng quả Niết bàn.

Do sự thúc dục của đồng thể bi trí này, nên các Ngài thường hằng tùy thuận tất cả chúng sanh, bình đẳng hoá độ. Như Ngài Phổ hiền Bồ Tát thường hiện thân cho người thấy; đức Quán Thế Âm Bồ Tát thì ứng hiện 32 thân v.v..

Nếu chúng sanh nào tâm thanh tịnh, thì được thấy chư Phật và bt (chúng sanh tâm nhược tịnh, Bồ Đề ảnh hiện trung).

Sự ứng hiện ấy rất tự nhiên và bình đẳng, cũng như ao nước nào trong, thì tự nhiên có trăng bình đẳng hiện vào.

Trên đã nói diệu dụng chơn như của chư Phật, Bồ Tát, khi đã được hiển lộ rồi; còn chơn như của chúng sanh chưa hiển lộ thì diệu dụng thế nào? Hãy xem đoạn dưới đây:

---o0o---

CHÁNH VĂN

Thể và Dụng của chơn như huân tập, lại chia làm hai loại:

1. Chưa chứng nhập (tương ưng) chơn như.
2. Đã chứng nhập chơn như.

1. Chưa chứng nhập chơn như: Chúng phàm phu, hàng Nhị thừa và các vị Bồ Tát mới phát tâm (Tam hiền), do ý và ý thức huân tập mà phát tâm, và chỉ nương nơi sức tin của mình (tin tánh Phật ở nơi mình) mà tu hành; vì chưa chứng nhập (tương ưng) bản thể chơn như, nên chưa được vô phân biệt tâm (vô phân biệt trí, tức là căn bản trí); vì chưa đặng diệu dụng của chơn như, nên sự tu hành chưa được diệu dụng tự tại (sai biệt trí hay hậu đắc trí).

2. Đã chứng nhập chơn như: Các vị Bồ Tát đã chứng Pháp thân (THập địa Bồ Tát), chỉ nương nơi Pháp tánh (Pháp lực) tu hành (thuận tánh khởi tu), tự nhiên huân tập vào chơn như, nên diệt được vô minh. Các vị Bồ Tát này đã được vô phân biệt tâm (căn bản trí), vì đã chứng nhập được bản thể chơn như; và đã được Sai biệt trí (Hậu đắc trí), vì đã được diệu dụng của chơn như (dữ Phật trí dụng tương ưng).

---oOo---

LƯỢC GIẢI

Thê chơn như không hai, song vì còn ở trong vỏ chúng sanh hay đã thoát ra ngoài, mà diệu dụng có rộng hẹp chẳng đồng; vì thế nên phân làm hai loại:

1. Người chưa chứng nhập được chơn như: chơn như còn bị các phiền não nhiễm ô triền phược (tại triền), chưa được hiển lộ; như vàng còn ở trong khoáng.

Chúng phàm phu, hàng Nhị thừa và các vị Bồ Tát còn ở địa vị tam hiền, đều từ vọng thức phân biệt mà phát tâm; do tự tin nơi mình có tánh Phật mà tu hành. Vì chưa chứng nhập "thê" và "dụng" của chơn như, nghĩa là chơn như còn bị triền phược, chưa được hiển lộ, nên các vị này chưa được căn bản trí (vô phân biệt trí) và hậu đắc trí (sai biệt trí).

2. Người đã chứng nhập chơn như: chơn như đã được hiển lộ ra khỏi vỏ phiền não nhiễm ô triền phược; như vàng đã ra khỏi khoáng.

Các vị Bồ Tát từ Sơ địa cho đến Thất địa, mới nhập được bản thể chơn như; từ Bát địa đến Phật mới được Diệu dụng của chơn như. Các vị này, tùy theo tánh chơn như mà tu hành, nên diệt trừ được vô minh. Vì đã chứng nhập Thê và Dụng của chơn như, nên các vị Bồ Tát này được hai món trí:

Căn bản trí (Vô phân biệt trí) và Hậu đắc trí (Sai biệt trí).

Đã nói nhiễm và tịnh huân tập nhau rồi, dưới đây sẽ nói nhiễm và tịnh, cái nào có cùng tận, cái nào không cùng tận.

---oOo---

BÀI THỨ MƯỜI

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BÁT GIÁC" (tiếp theo)

1) CHƠN NHƯ VÀ VÔ MINH, THỂ VÀ DỤNG

CHÁNH VĂN

Lại nữa, vô minh (pháp nhiễm ô) và chơn như (pháp thanh tịnh) đều đã có sẵn từ vô thủy đến nay và huân tập chẳng dứt; song đến khi thành Phật rồi, thì vô minh bị dứt hết, còn chơn như lại vô cùng tận trong đời vị lai, cho đến sau khi thành Phật cũng vẫn còn. Tại sao vậy? _ Vì chơn như thường huân tập, nên vọng tâm (vô minh) phải tiêu diệt. Do vọng tâm tiêu diệt, nên pháp thân hiện ra; rồi pháp thân lại khởi diệu dụng, huân tập trở lại nữa, nên chơn như không có cùng tận.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Chơn như và vô minh đồng một bản thể và có từ vô thủy. Song vô minh rốt sau bị chơn như tiêu diệt, nên hữu chung; còn chơn như sau khi ra khỏi triền phược rồi, lại được nuôi lớn nên vô chung.

Thí như trong trái hồng, cả chất chát và ngọt đều đồng thời có. Song khi trái hồng còn non, chất ngọt bị chất chát lấn át (chơn như tại triền), nên người ta chỉ thấy chất chát (vô minh); đến khi lớn dần, thì chất chát bị chất ngọt huân tập, nên chất chát mỗi ngày mỗi ít, mà chất ngọt mỗi ngày mỗi thêm, rồi cuộc rồi chát hết (vô minh diệt mà chỉ còn ngọt (chơn như)). Khi trái hồng đã chín ngọt rồi, thì không bao giờ trở lại chát nữa chúng sanh khi đã thành Phật, không trở lại làm chúng sanh nữa).

Trên đã nói về "Nhơn duyên sanh diệt" rồi, dưới đây sẽ nói về ba đại nghĩa của Tâm là: Thể, Tướng và Dụng.

---o0o---

m. NÓI VỀ 3 ĐẠI NGHĨA CỦA TÂM

(Trong bài này mới nói hai nghĩa thể và tướng rộng lớn của tâm)

CHÁNH VĂN

Lại nữa, tất cả phàm phu, Thinh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật, từ hồi nào đến giờ, đều tự saün có thể tướng chơn như này. Tánh chơn như không tăng, không giảm, không trước, không sau, không sanh, không diệt, rốt ráo thường hằng, đầy đủ tất cả công đức (đức tánh), như là:

1. Đại trí huệ sáng suốt.
2. Chiếu khắp cả pháp giới.
3. Chơn thật hay biết.
4. Tâm tánh thanh tịnh.
5. Thường, lạc, ngã, tịnh.
6. Trong mát (thanh lương), không biến đổi và tự tại v.v..

Tóm lại, nó không rời, không đoạn, không khác, đầy đủ pháp Phật không thể nghĩ bàn, và có vô lượng công đức, nhiều hơn số cát sông Hằng. Vì nó đầy đủ tất cả, không thiếu một công đức nào, nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Như Lai Pháp thân.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Trước kia, trong phần "Định danh nghĩa" có nói: "Tướng nhưn duyên sanh diệt tức là Thể, Tướng và Dụng của Đại thừa ...". Đến bài này nói rõ Thể lớn, Tướng lớn và Dụng lớn của Đại thừa, tức là tâm Chơn như vậy.

Nhưng trong bài này, chỉ mới nói Thể rộng lớn của tâm, là tánh bình đẳng không vọng động, và Tướng rộng lớn của tâm, là có đủ hằng sa công đức; còn Dụng rộng lớn của tâm, sẽ nói tiếp trong bài thứ II.

Tất cả Thánh phàm, đều saün có tâm chơn như và cũng đều từ tâm này sanh ra. Tâm chơn như ở nơi Thánh không thêm, ở nơi phàm chẳng giảm, không trước không sau, không sanh không diệt, đầy đủ hằng sa đức tánh:

_ Đại trí huệ sáng suốt (tức là đức tánh thường quang của Pháp thân Phật).

Chiếu khắp cả pháp giới (tức là Thật trí chiếu suốt lý tánh. Quyền trí soi khắp tất cả sự vật).

_ Chơn thật hay biết (rời các vọng thức phân biệt, chỉ còn chơn giác).

_ Tâm tánh thanh tịnh (chơn tâm thanh tịnh, xa lìa các vọng hoặc nhiễm ô).

_ Đủ bốn đức Niết bàn: Chơn thường (thuần nhất không thay đổi), Chơn lạc (không có các khổ làm não loạn), Chơn ngã (không bị hai món sanh tử bức bách), Chơn tịnh (không bị trần lao phiền não làm nhiễm ô).

_ Trong mát (vĩnh viễn xa lìa phiền não).

_ Không biến đổi (không sanh, trụ, dị, diệt).

_ Tự tại (không bị các nghiệp triền phược).

_ Không rời (hằng sa công đức không rời chơn như).

_ Không đoạn (từ vô thỉ đến giờ không hề gián đoạn)

_ Không khác (một vị, không khác).

_ Và không thể nghĩ bàn v.v.. (sự lý viên dung, nhiễm tịnh không hai, không thể nghĩ bàn được).

Tóm lại, vì tâm chơn như bao trùm vô lượng hằng sa công đức, nên gọi là Như Lai tạng và làm chỗ nương cho tất cả các Pháp, nên cũng gọi là Pháp thân của Như Lai.

---000---

CHÁNH VĂN

Hỏi: Trước đã nói "Thể chơn như bình đẳng và xa lìa tất cả các tướng", tại sao đến đây lại nói "Thể chơn như có đủ các đức tánh sai khác"?

Đáp: _ Tuy đủ các đức tánh, mà thật ra không có hình tướng gì sai khác; chỉ đồng một vị chơn như bình đẳng mà thôi.

Hỏi: Nghĩa này thế nào?

Đáp: _ Vì bản thể chơn như vô phân biệt, và xa lìa các hình tướng sai biệt, cho nên không có tướng gì sai khác (vô nhị).

Hỏi: _ Vậy thì căn cứ theo nghĩa gì, mà nói là sai khác?

Đáp: _ Căn cứ theo tướng sanh diệt của nghiệp thức, mà nói có sai khác vậy.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Luận chủ lập những câu vấn đáp, để giải thích các nghi ngờ. Trong phần vấn đáp thứ nhất, về câu hỏi: "Thể chơn như đã bình đẳng và xa lìa tất cả tướng, tại sao lại có đủ các đức tánh sai khác?" _ Luận chủ trả lời, đại ý: "Tướng" không khác với "Tánh", Tướng tức là Tánh, đều đồng một vị chơn như bình đẳng, nên không khác; cũng như sóng không khác với nước, sóng tức là nước, đều đồng một vị.

Trong phần vấn đáp thứ hai, ngoại nhân vì chưa hiểu câu trả lời trên, nên hỏi gạn lại, để được giải thích thêm. Luận chủ đáp, đại ý như sau: chơn như xa lìa tất cả các tướng, và tất cả sự phân biệt, cho nên không có hai tướng sai khác; sở dĩ có sự sai khác là do đối vọng tâm phân biệt (nghiệp thức) mà có.

Trong phần vấn đáp thứ ba, đại ý về câu hỏi: "Thể và Tướng chơn như đã không hai, vậy căn cứ vào đâu mà nói có sự sai khác?". Đại ý câu đáp: _ Căn cứ vào nghiệp thức sanh diệt, mà chỉ Tướng sai khác. Vì nghiệp thức sanh diệt có đủ hằng sa pháp nhiệm ô, cho nên khi chuyển nhiệm ô trở lại chơn như thanh tịnh, tất nhiên cũng phải có đủ hằng sa tướng sai khác về đức tánh thanh tịnh.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Căn cứ theo tướng sanh diệt của nghiệp thức thể nào, mà nói có các đức tánh sai khác?

Đáp: _ Từ hồi nào đến giờ, tất cả các pháp thật ra không có tướng gì sai khác (thật vô u niệm), chỉ một chơn tâm mà thôi. Song vì vô minh bất giác, tâm vọng niệm khởi lên, thấy có các cg, nên gọi là "vô minh".

_ Vì đối với nghiệp thức (vọng tâm) có khởi niệm; trái lại chơn như không khởi niệm nên chơn như có đức tánh Đại trí huệ quang minh (đức tánh thứ nhất).

_ Vì đối với nghiệp thức có thấy, nên có cái không thấy; trái lại chơn như vì xa lìa các cái thấy, nên chơn như có đức tánh chiếu khắp cả pháp giới (đức tánh thứ hai).

_ Vì đối với nghiệp thức có vọng động, nên không chơn thật hay biết, và tự tánh không thanh tịnh; trái lại chơn như vì không vọng động, nên chơn như có đức tánh Chơn thật hay biết và Tâm tánh thanh tịnh (đức tánh thứ ba và tư).

_ Vì đối với nghiệp thức thì không thường, không lạc, không ngã, không tịnh, nhiệt não, suy biến và không tự tại; trái lại chơn như không có các việc trên, nên chơn như có những đức tánh: chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh, thanh lương (trong mát) bất biến và tự tại (đức tánh thứ 5 và 6 v.v...)

Tóm lại, vì đối với nghiệp thức có hằng hà sa số nhiễm ô, còn chơn như thì trái lại, không có các nhiễm ô, nên chơn như hiện ra đủ các đức tánh thanh tịnh, cũng nhiều hơn số cát sông Hằng. Vì nghiệp thức (vọng tâm) có khởi động, còn thấy có các pháp hiện tiền để phân biệt, nên còn có chỗ thiếu sót; trái lại, chơn như là pháp thanh tịnh, chỉ như tâm, không có vọng niệm, nên đầy đủ vô lượng công đức. Bởi thế nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân của Như Lai.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn văn đáp này là tiếp theo 3 đoạn văn đáp trên, để giải thích thêm về câu hỏi: "Thẻ chơn như đã bình đẳng, lia tất cả tướng, tại sao lại có đủ các đức tánh sai khác?" _ Đoạn văn đáp trên đã trả lời rằng: " Căn cứ theo tướng sanh diệt của nghiệp thức, nên nói có các đức tánh sai khác". Bởi thế nên đến đoạn này, mới có câu hỏi: "Căn cứ theo nghiệp thức thế nào mà nói chơn như có các đức tánh sai khác?".

_ Đại ý trong câu trả lời của đoạn văn này: " tất cả các pháp tức là chơn như, nên không có tướng gì sai khác. Song vì vô minh bất giác, tâm vọng niệm nổi lên (nghiệp thức), nên thấy (chuyển thức) có cảnh giới (hiện thực sai khác.

Nghiệp thức có vô số tướng nhiễm ô như: Khởi vọng niệm, có tướng thấy, tướng không thấy, có động, vô thường, vọng ngã, khô, nhiệt não, suy biến, không tự tại, có chỗ thiếu sót v.v... Vì đối với các tánh nhiễm ô của nghiệp thức, nên chơn như mới có vô số đức tánh thanh tịnh sai khác, như là:

1. Đại trí huệ quang minh
2. Chiếu khắp cả pháp giới
3. Chơn thật hay biết
4. Tánh thanh tịnh
5. Chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh
6. Trong mát (thanh lương) không biến đổi (không sanh, lão, bệnh, tử) và tự tại v.v...

Tóm lại, vì đối nghiệp thức có các tướng nhiễm ô, nhiều hơn số cát sông Hằng, nên chơn như cũng có đủ các đức tánh thanh tịnh, nhiều hơn số cát sông Hằng.

Đã nói Thẻ lớn, Tướng lớn của chơn như rồi, tiếp đến bài thứ II sau đây, sẽ nói Dụng rộng lớn của Tâm chơn như.

---o0o---

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

CHƯƠNG THỨ BA :PHẦN GIẢI THÍCH NÓI VỀ NGHĨA "BÁT GIÁC" (tiếp theo)

CHÁNH VĂN

Nói về Dụng rộng lớn của tâm chơn như:

Các đức Phật từ khi tu nhơn (Bồ Tát đạo) đã phát tâm đại từ bi, tu các pháp Ba la mật, giáo hóa chúng sanh. Các Ngài lập lời thệ nguyện rộng lớn, độ thoát tất cả chúng sanh cho đến cùng tận đời vị lai, không hạn định bao nhiêu số kiếp.

Các Ngài xem tất cả chúng sanh như thân mình, và cũng không thấy (chấp) có tướng chúng sanh để độ. Tại sao vậy? _ Vì các Ngài đã chơn thật hiểu biết: tất cả chúng sanh và mình không có sai khác, đồng một tâm chơn như bình đẳng.

Các Ngài đã dùng Đại trí huệ diệt hết vô minh, nên chơn như (Pháp thân) được hiện ra. Do chơn như đã hiện, nên tự nhiên có các món diệu dụng không thể nghĩ bàn. Bởi diệu dụng từ thể chơn như hiện ra, nên Dụng đồng với Thể chơn như, đều biến khắp tất cả, và cũng đều không có hình tướng gì để thấy được.

Tại sao vậy? _ Vì các đức Phật chỉ có Pháp thân thanh tịnh, tức là Trí thân (tâm), không có hình sắc (cảnh giới) và cũng không có tạo tác. Song, tùy theo trình độ của chúng sanh, hoặc thấy hoặc nghe, đều được lợi ích, nên gọi là "Dụng lớn".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về Dụng lớn của tâm chơn như.

Các vị Bồ Tát, dùng đại trí huệ, diệt trừ hết vô minh, chứng được Thể chơn như (Pháp thân). Do các vị Bồ Tát đã chứng được chỗ đồng thể, nên tự xem mình cùng tất cả chúng sanh đồng một bản thể, không có riêng khác; nếu

chúng sanh đau khổ, tức là mình đau khổ, chúng sanh còn trầm luân thì mình chưa được giải thoát.

Bởi thế nên Bồ Tát, tức nơi thể chơn như bình đẳng, khởi ra "Đại dụng": Phát tâm đại từ bi, lập lời thệ nguyện rộng lớn, tu các pháp Ba la mật (lục độ), hoá độ chúng sanh, cùng tận đời vị lai, không hạn định bao nhiêu số kiếp, và cũng không chấp có tướng chúng sanh để độ.

"Thể" và "Tướng" của chơn như đều rộng lớn như thế, nên "Diệu dụng" của chơn như cũng không thể nghĩ bàn: Không có hình tướng, không có công dụng và cũng không có tâm tạo tác; song tùy theo căn cơ của mỗi chúng sanh, cảm muốn như thế nào, thì ứng hiện ra như thế ấy (như đức Quan Âm Bồ Tát ứng hiện 32 thân v.v...) làm cho chúng sanh đều được lợi ích, nên được gọi là "Đại dụng". Như hư không, tùy các đồ vật mà hiện đủ hình. Và cũng như trăng rằm, không cố ý (vô tâm) không dụng công (vô công dụng) mà tự nhiên chiếu khắp tất cả; tùy theo các ao hồ, nước trong hay đục mà trăng tỏ hay mờ.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Diệu dụng của chơn như tùy theo trình độ của chúng sanh mà thấy có hai phần:

1. Ứng thân 2. Báo thân

_ Chúng phàm phu và Nhị thừa, do Phân biệt sự thức (ý thức) nên thấy ứng thân Phật. Họ chỉ thấy phần nào về sắc thân Phật, chớ không thể biết cùng tận, và chỉ chấp thân ấy từ ở ngoài đến, chớ không biết do tâm (chuyển thức) hiện ra.

_ Các vị Bồ Tát từ khi mới phát tâm, cho đến khi rốt ráo địa vị Bồ Tát, đều do nghiệp thức (A đà na) mà thấy báo thân Phật. Thân này có vô lượng sắc tướng, mỗi sắc tướng có vô lượng sự tốt đẹp.

Về quốc độ của thân này, cũng đủ vô lượng vật quý báu trang nghiêm; tuy sự thị hiện nơi nào đều không cùng tận, không có biên giới và cũng không hư hoại.

Tóm lại, thân thể (chánh báo) và quốc độ (y báo), sở dĩ đều được thành tựu các công đức như thế, là do sự huân tập của các hạnh vô lậu, như các pháp Ba la mật v.v...và sự huân tập bất tư nghị (chơn như huân tập bên trong). Vì được đầy đủ vô lượng tướng diệu lạc như thế nên gọi là (Báo thân).

Chúng phàm phu thì chỉ thấy sắc thân thô sơ của Phật. Còn lục đạo chúng sanh do tùy theo cái nghiệp của mỗi loài khác nhau, nên thấy thân Phật không đồng. Do tùy theo mỗi loài ứng hiện, không phải chính thân tướng tốt đẹp(báo thân), nên gọi là "ứng thân".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tùy theo trình độ của chúng sanh, mà diệu dụng chơn như thành ra hai phần:

1. Ứng thân: Thân này chỉ tùy theo muôn ngàn hoàn cảnh sai biệt của lục đạo chúng sanh, mà hiện ra muôn ngàn hình thức không đồng: Loài nào thấy Phật loài nấy. Như hư không tùy theo các đồ vật vuông tròn v.v...mà ứng hiện ra đủ các hình tướng.

Chúng phàm phu và hàng Nhị thừa, vì còn ý thức phân biệt, và chấp theo trần cảnh bên ngoài, không ngộ lý Duy thức, nên thấy Phật ngoài tâm mình. Bởi thế nên chỉ thấy ứng thân Phật, như thân Phật có 32 tướng tốt v.v...

2. Báo thân: Thân này là kết quả hai món huân tập:

a) Chơn như huân tập, cũng gọi là Bất khả tư nghị huân.

b) Các pháp vô lậu thanh tịnh huân tập, tức là tu các pháp như Lục độ v.v...Vì thế nên Chánh báo (thân thể) được vô số tướng tốt đẹp, mà Y báo (hoàn cảnh) cũng được vô cùng vật quý báo trang nghiêm.

Các vị Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc rốt ráo địa vị Bồ Tát, đều ngộ lý Duy tâm, nên thấy Báo thân Phật Duy tâm hiện ra, không phải ở ngoài đến. Nhưng cũng tùy theo trình độ của từng địa vị, mà sự thấy có Thô, tế khác nhau. Bồ Tát từ địa vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng

và Tứ gia hạnh, chỉ thấy về phần Thô của Báo thân Phật. Các vị Bồ Tát từ Sơ địa lên đến Đẳng giác thì thấy Báo thân Phật lần lần thù thắng và vi diệu.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Lại nữa, các vị Bồ Tát mới phát tâm (tam hiền) do thâm tín chơn như, nên chỉ thấy được một phần nhỏ báo thân Phật. Các vị Bồ Tát này, tuy biết sắc thân Phật có nhiều tướng tốt trang nghiêm, duy tâm biến hiện, không rời chơn như, không khứ không lai, xa lìa ranh giới, song các vị Bồ Tát này còn dùng tâm phân biệt (ý thức) nên chưa nhập được Pháp thân.

Nếu Bồ Tát đặng tâm thanh tịnh (lên Thánh địa) thì thấy báo thân Phật càng tốt đẹp và càng màu nhiệm. Đến vị Bồ Tát tột bậc (Đẳng giác) thì thấy báo thân Phật mới hoàn toàn rõ ràng.

Nếu Bồ Tát lìa được nghiệp thức (A đà na) thì ngộ được pháp thân Phật, không có sắc tướng gì có thể thấy được; vì pháp thân của chư Phật, không có sắc tướng thế này thế nọ, không có tướng phần (bị phân biệt) và kiến phần (năng phân biệt) nên không thể thấy được.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này tiếp theo đoạn trước, nói tùy theo trình độ của Bồ Tát, thấy thân Phật khác nhau.

Các vị Bồ Tát ở địa vị Tam hiền, tuy đã ngộ được lý Duy thức và thâm tín chơn như, nhưng vì còn dùng ý thức phân biệt, nên chỉ thấy báo thân Phật được một ít thôi.

Các vị Bồ Tát đã ngộ nhập chơn như, chứng được pháp thân thanh tịnh, bước lên Thánh vị (Thập địa); càng lên bậc trên chùng nào, thì lại càng thấy báo thân Phật tốt đẹp và màu nhiệm chùng ấy. Đến địa vị cùng tột của Bồ Tát là vị Đẳng giác, mới thấy được rõ ràng Báo thân Phật.

Đến khi Bồ Tát phá trừ được Nghiệp thức (Vọng thức:A lại da chơn vọng hoà hiệp) tức là phá trừ được vô minh rất vi tế (món Tế thứ nhứt trong ba Tế); lúc bấy giờ mới hoàn toàn nhập Chơn như, chứng Pháp thân thanh tịnh.

Pháp thân là bản thể của các pháp; vì không có sắc tướng, không có bỉ thử và không tâm cảnh v.v...nên không thể thấy được. Tất cả chư Phật và chúng sanh cũng đồng một bản thể này.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Pháp thân của chư Phật đã không có các sắc tướng, tại sao lại hiện ra có các sắc tướng?(ứng thân và báo thân)

Đáp: _ Vì pháp thân là bản thể của sắc tướng, cho nên có thể hiện ra các sắc tướng (hoá thân báo thân). Do từ hồi nào đến giờ, Sắc (hiện tượng) Tâm (bản thể) không hai, nên bản thể của Sắc (sắc tánh) tức là Tâm (tức trí).

Vì bản thể của Sắc vô hình (thuộc về tâm) nên gọi là "Trí thân". Vì tướng của tâm (trí tánh) tức là Sắc, nên gọi là "Pháp thân".

Vì bản thể (tâm) đã biến khắp tất cả chỗ, nên hiện tượng là Sắc, cũng không có chùng ngăn. Tuy nơi tâm mà hiện ra mười phương thế giới, vô lượng Bồ Tát, vô lượng Báo thân, vô lượng món tranh nghiêm, mỗi mỗi sai khác, đều không có hạn lượng và đều không ngại nhau. Vì đây là diệu dụng đại tự tại của chơn như, nên không thể dùng thức tâm phân biệt mà biết được.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Luận chủ đặt ra lời vấn đáp để giải thích sự nghi ngờ.

Hỏi: _ Pháp thân của chư Phật thanh tịnh, không có các hình tướng, tại sao lại hiện ra có các sắc tướng là Hoá thân và Báo thân?

Đại ý lời đáp: Do từ hồi nào đến giờ, trong Chơn như Pháp thân, Sắc và Tâm không hai: Bản thể của Sắc tức là Tâm, Hiện tượng của Tâm tức là Sắc. Bởi thế nên Chơn như Pháp thân tuy không có hình sắc, mà có thể hiện ra các

hình tướng: Y báo và Chánh báo đầy đủ. Cũng như bản thể của điện, biến khắp tất cả không gian, tuy không có hình tướng, nhưng có thể hiện ra các sắc tướng, (hiện tượng) như sấm sét, chớp, nổ v.v... Trong Tâm kinh chép: "Sắc chẳng khác với Không, Không chẳng khác với Sắc" (Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc; Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc).

Vì Sắc tức là Tâm, nên các pháp tức là Chơn như Pháp thân. Vì Tâm tức là Sắc, nên chơn như pháp thân tùy duyên thành các pháp. Do bản thể đã biến khắp tất cả, nên hiện tượng các Sắc tướng, như mười phương thế giới, vô lượng Bồ Tát, vô lượng món trang nghiêm v.v.... cũng biến khắp tất cả, không có hạn lượng; mặc dù các hình sắc đều khác nhau, nhưng không trở ngại nhau. Việc này là diệu dụng của Chơn như Pháp thân, nên chúng phàm phu và hàng Nhị thừa, không thể dùng thức tâm của mình mà phân biệt được.

Do Chơn như là bản thể của các Pháp, nên gọi là Pháp thân; và nó đủ tất cả trí, nên cũng gọi là Trí thân.

---o0o---

III. TRỞ VỀ TÂM CHƠN NHƯ

CHÁNH VĂN

Lại nữa, các pháp từ sanh diệt mà trở về Tâm chơn như; nghĩa là suy xét kỹ càng: bên trong thì thân ngũ âm (Sắc: Sắc âm: Tâm: bốn âm sau) bên ngoài thì cảnh giới (6 trần) rốt ráo vô niệm (tức là chơn tâm). Song, vì chúng sanh bị vô minh làm mê, nên chơn tâm (vô niệm) biến thành hữu niệm (có thân và cảnh v.v..), nhưng bản thể chơn tâm không động (vô niệm).

Cũng như người làm phương hướng, vì sự mê lầm nên chấp phương Đông làm phương Tây; thật ra phương hướng không thay đổi.

Bởi thế nên, người quán sát biết được Tâm vô niệm (không khởi vọng niệm) thì đặt tùy thuận vào Tâm chơn như.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Luận này có 5 chương, trong chương thứ ba là Phần Giải thích, lại chia làm 3 phần:

1. Nói về nghĩa chánh
2. Đối trị các chấp sai lầm.
3. Phân biệt hành tướng phát tâm đến Đạo.

Trong phần "Nói về nghĩa chánh", lại chia làm 3:

I. Nói về Tâm Chơn như

II. Nói về Tâm Sanh diệt

III. Trở về Tâm Chơn như (tức là quán sát các pháp, sanh tức vô sanh).

Đoạn văn trên đây nói về phần thứ ba là "Trở về Tâm Chơn như".

Hành giả hãy quán sát tất cả các pháp: Bên trong là thân ngũ ấm (Sắc và Tâm), bên ngoài là cảnh giới 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) rốt ráo đều vô niệm (không vọng niệm, tức là chơn như). Vì các pháp không rời Thể Chơn tâm (Tâm Chơn như), nên Chơn tâm đã vô niệm (không vọng), thì các pháp cũng vô niệm (không vọng).

Chơn tâm vì không có hình tướng nên tìm khắp mười phương không thể thấy được nó. Song vì vô minh vọng động, nên Tâm biến ra các pháp hữu hình (hữu niệm) như thân và cảnh v.v...nhưng bản thể Chơn tâm vẫn thanh tịnh không động (vô niệm). Cũng như người bộ hành, vì làm phương hướng nên chấp phương Đông làm phương tây, thật ra phương hướng không thay đổi.

Do vọng niệm sanh ra các pháp sanh diệt, nên dứt trừ vọng niệm (quán vô niệm) thì các pháp sanh diệt kia tự trở về Tâm Chơn như (vô niệm). Cũng như vì gió nên có sóng động, nếu gió hết thì sóng kia tự trở lại với tánh nước yên lặng.

Nếu vô niệm (không vọng niệm) thì toàn vọng là chơn; nên quán vô niệm là con đường tu chứng duy nhất của các Phật Tổ.

Trong kinh Lăng nghiêm Phật dạy: " ...Bất tùy phân biệt ..." (Không theo trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt, tức là quán vô niệm)*****

Tổ Đạt Ma khi từ Ấn độ mới đến Trung hoa, đức Nhị tổ thỉnh cầu Ngài dạy phương pháp an tâm.

Tổ Đạt Ma trả lời: _ "Ông hãy đem tâm đến đây, ta sẽ an cho".

Đức Nhị tổ thưa rằng: _ "Con tìm tâm không thể được".

Tổ Đạt Ma dạy tiếp: _ "Ta đã an tâm cho ông rồi". Đức Nhị tổ liền tỏ ngộ.

Đức Lục Tổ Huệ Năng dạy: _ "Bỏ lai vô nhứt vật" (từ xưa đến nay, không có một vật)*****

Đây là những bằng chứng Phật và Tổ đều dạy cái bí quyết tu hành mau được thành Phật là "Vô niệm" (không vọng niệm).

Bởi thế nên, cũng ở nơi Luận này, về đoạn trước đã nói: " ...Nếu lìa các vọng niệm thì đặng nhập chơn như ..." (nhược ly u niệm, danh vi đắc nhập).

---o0o---

BÀI THỨ MƯỜI HAI

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH

B. ĐỐI TRỊ CÁC CHẤP SAI LÀM

CHÁNH VĂN

Tất cả các chấp sai lầm (tà chấp), đều do chấp ngã và chấp pháp mà sanh; nếu rời chấp ngã và chấp pháp thì không còn các chấp sai lầm.

I. CHẤP NGÃ (chấp bản ngã thật có).

Chúng phạm phu chấp ngã có 5 thứ:

1. Chấp "Hư không là chơn tánh của Như Lai". _ Vì phá chấp của chúng sanh nên trong kinh Phật nói: "Pháp thân của Như Lai rốt ráo vắng lặng cũng như hư không". Chúng phàm phu nghe nói như thế, không hiểu, lại lầm chấp: "Hư không là chơn tánh của Như Lai".

Vì đối trị cái chấp sai lầm này, nên phải giải thích rằng: "Hư không là pháp hư đối, không có thật thể, do đối với sắc tướng mà thấy có hư không; nếu không có sắc tướng thì cũng không có tướng hư không. Nghĩa là từ hồi nào đến giờ, tất cả cảnh giới (sắc pháp) đều do vọng tâm biến hiện, không có pháp nào ngoài tâm; chúng sanh không biết vọng chấp (biến kế chấp) là thật có. Nếu vọng tâm hết, thì các cảnh giới cũng không còn. Lúc bấy giờ chỉ còn chơn tâm hiện khắp tất cả. Đó là pháp thân quảng đại thuộc về tâm trí (tánh trí) của Như Lai không phải như hư không, không có tri giác.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đối trị chấp tà là phá trừ các sự chấp nhứt sai lầm. Các sự chấp nhứt sai lầm đều do chấp ngã, chấp pháp mà sanh. Nếu phá trừ được chấp ngã, chấp pháp thì các chấp sai lầm không còn.

Vì quan niệm thân tâm là thật, nên gọi là chấp ngã quan niệm vũ trụ vạn vật là thật, thì gọi là chấp pháp.

Chúng sanh chấp pháp thân của Phật có hình tướng như thế này, hoặc như thế kia v.v.... Vì muốn phá các chấp sai lầm ấy, nên Phật nói: "Pháp thân của Phật rốt ráo vắng lặng, cũng như hư không".

Nghe trong kinh nói như vậy, chúng sanh trở lại chấp: "Hư không là pháp thân của Như Lai" vì phá cái chấp sai lầm này, nên Ngài Mã Minh giải thích rằng: "Hư không là cái không thật thể, do các sắc tướng mà thấy có hư không. Nếu không có sắc tướng thì cũng không có hư không. Cả sắc tướng và hư không đều do vọng tâm biến hiện; rồi chúng sanh lầm chấp là thật có. Nếu vọng tâm hết thì sắc tướng và hư không cũng không còn. Lúc bấy giờ bản thể chơn tâm hiện ra, rộng lớn bao la và trùm khắp tất cả. Đó là pháp thân thanh tịnh của Như Lai. Đây thuộc về phần tâm trí, không phải như hư không, không có tri giác.

---o0o---

CHÁNH VĂN

2. Chấp "Chơn như hay Niết bàn, chỉ là không không, chẳng có chi hết". Vì phá vọng chấp của chúng sanh, nên trong kinh Phật nói: "các pháp thế gian rốt ráo không có thật thể; cho đến các pháp xuất thế gian, như Chơn như hay Niết bàn rốt ráo, cũng không có thật thể; từ hồi nào đến giờ, nó không có các tướng". Chúng phàm phu nghe nói như vậy không hiểu, trở lại chấp: "Chơn như hay Niết bàn là không có chi hết".

Vì đối trị sự chấp sai lầm này, nên phải giải thích rằng: "Chơn như hay Pháp thân của Phật, chẳng phải không có tự thể; nó sẵn có và đầy đủ vô lượng công đức".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn trên phá quan niệm sai lầm, chấp "hư không là chơn tánh của Như Lai"; đoạn này phá quan niệm sai lầm, cho rằng "Chơn như hay Niết bàn là cảnh giới hư không ảo tưởng không có chi hết".

Chúng sanh thường lầm tưởng: "Các pháp thật có". Vì phá trừ quan niệm sai lầm ấy, nên trong kinh Phật nói: "các pháp thế gian hư giả không thật, cho đến các pháp xuất thế gian như Chơn như, Bồ Đề, Niết bàn v.v...rốt ráo cũng không có thật thể, vì không có các hình tướng". Chúng phàm phu nghe nói như vậy không hiểu, trở lại chấp: "Chơn như hay Niết bàn v.v...là cảnh giới hư vô ảo tưởng, chẳng có chi hết".

Để đối trị sự chấp sai lầm này, nên Ngài Mã Minh Bồ Tát giải thích rằng: "Chơn như, Pháp thân hay Bồ Đề, Niết bàn không phải là cảnh giới ảo tưởng hư vô, không có gì cả, mà nó sẵn có đầy đủ vô lượng đức tánh, nhiều hơn số cát sông Hằng, như: thiện, thường, lạc, ngã, tịnh, giải thoát v.v....

---o0o---

CHÁNH VĂN

3. Chấp "Như Lai tạng" có các hình tướng sai khác như Sắc và Tâm v.v... _
Nghe trong kinh Phật nói: "Như Lai tạng không tăng không giảm, sẵn đủ tất

cả các công đức"; chúng phạm phũ vì không hiểu nghĩa này, nên trở lại chấp:" Như Lai tạng có đủ các hình tướng sai khác, như sắc và tâm v.v....".

Để đối trị sự chấp sai lầm này, nên phải giải thích rằng: "Căn cứ về thể Chơn như thì không có các tướng sai khác; còn theo tướng nhiễm ô sanh diệt, thì có các hình tướng sai khác".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này phá quan niệm sai lầm cho rằng: "Chơn" đồng với "Vọng".

Nghe trong kinh Phật nói: "Như Lai tạng không tăng không giảm, saün có đủ tất cả đức tánh, chùng phạm phũ không hiểu trở lại chấp: "Như Lai tạng cũng có các hình sắc sai khác".

Để đối trị quan niệm sai lầm này, Ngài Mã Minh giải thích rằng: "Thể Chơn như" (Chơn như môn) thì thanh tịnh không có các hình tướng sai khác, còn về ":tướng sanh diệt" (Sanh diệt môn) thì đủ các hình tướng sai khác".

---o0o---

CHÁNH VĂN

4. Chấp "Trong Như Lai tạng thật có đủ các pháp sanh tử nhiễm ô"._ Nghe trong kinh Phật nói: "Các pháp sanh tử nhiễm ô của thế gian, đều do Như Lai tạng mà có, tất cả các pháp đều không rời Chơn như", chúng phạm phũ không hiểu nghĩa này, lại chấp: "Chính trong bản thể Như Lai tạng, saün có tất cả các pháp sanh tử nhiễm ô của thế gian".

Để đối trị cái chấp sai lầm này, nên giải thích rằng: "Từ vô thi tới giờ, trong Như Lai tạng, chỉ có các công đức thanh tịnh, nhiều hơn số cát sông Hằng. Các công đức này không lia, không đoạn và cũng không khác với Chơn như; còn hằng hà sa số các pháp phiền não nhiễm ô kia, chỉ là hư vọng, vốn không có thật tánh. Bởi thế nên từ hồi nào đến giờ, trong Như Lai tạng chưa từng thật có các pháp nhiễm ô. Nếu trong bản thể Như Lai tạng (chơn) thật có các phiền não nhiễm ô, rồi hành giả phải diệt trừ các phiền não nhiễm ô, mới chứng được chơn như thanh tịnh, thì rất vô lý.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Chúng phàm phu nghe trong kinh Phật nói: "Các pháp sanh tử nhiễm ô đều do Như Lai tạng mà có, các pháp không rời chơn như ": rồi họ chấp "Trong Như Lai tạng hay chơn như, thật có saün các pháp sanh tử nhiễm ô".

Để phá quan niệm sai lầm này, nên Ngài Mã Minh Bồ Tát giải thích rằng: "Từ hồi nào đến giờ, trong Như Lai tạng (chơn) chỉ có hằng hà sa số đức tánh thanh tịnh, các đức tánh này không rời chơn như; còn pháp sanh tử nhiễm ô, vì là hư vọng, không có thật thể, nên từ hồi nào đến giờ, không có ở trong Như Lai tạng".

Như Lai tạng hay chơn như, dụ như "tâm người thức tỉnh": sanh tử nhiễm ô, dụ như "giác ngủ mà có chiêm bao". Đành rằng "cái ngủ chiêm bao" là nương nơi "tâm người thức tỉnh" mà có; song từ hồi nào đến giờ, trong "tâm người thức tỉnh" không bao giờ thật có chứa saün "cái ngủ chiêm bao". Bởi "cái ngủ chiêm bao" hư vọng không thật, nên khi thức giấc rồi thì nó tự mất. Cũng thế, các pháp sanh tử nhiễm ô, vì hư vọng không thật, nên khi giác ngộ rồi, nó không còn.

Nếu quan niệm rằng: "trong Như Lai tạng thật saün có các phiền não nhiễm ô; hành giả phải diệt trừ hết các phiền não nhiễm ô, mới chứng được chơn như thanh tịnh", thì không phải. Cũng như nói " trong tâm người thức tỉnh, thật saün có "cái ngủ chiêm bao" phải diệt trừ hết "cái ngủ chiêm bao" rồi, mới được thức tỉnh": nói như thế rất là phi lý.

Phải biết, các phiền não sanh tử, chỉ là cái mê vọng, không có thật thể. Phật đã dạy rằng: "Biết mình mê thì cái "mê" hết, cái "biết" đó không sanh mê trở lại" (Giác mê mê diệt, giác bất sanh mê). Cũng như người khi biết mình dại, thì không còn dại nữa. Lúc bấy giờ họ trở thành khôn; khi khôn rồi, thì cái "khôn" đó không sanh cái dại trở lại nữa.

Nếu cái "dại" (mê) này thật có, thì khi biết khôn (giác) rồi, cái "dại" đó trốn núp ở đâu? Cũng như "cái ngủ chiêm bao" nếu thật có, thì khi tỉnh thức rồi nó phải còn. Nhưng vì nó không còn, nên biết "cái ngủ chiêm bao" (mê dại) này không thật có.

Nếu nói "phải diệt trừ hết các pháp sanh tử nhiễm ô mới chứng được chơn như thanh tịnh" thì cũng như nói "phải phá trừ cho hết "cái ngủ chiêm bao" rồi, mới được sự thức tỉnh"; nói như thế, đều phi lý.

Bởi thế nên từ hồi nào đến giờ, trong Như Lai tạng hay Chơn như, không bao giờ thật có sanh tử nhiễm ô; cũng như trong "tâm người thức tỉnh", không bao giờ thật có "cái mê ngủ chiêm bao" vậy.

---o0o---

CHÁNH VĂN

5. Chấp "Chúng sanh có thi, chư Phật có chung tận"._ Chúng phàm phu nghe trong kinh Phật nói: "Do Như Lai tạng mà có sanh tử, do Như Lai tạng mà đặng Niết bàn". Vì họ không hiểu nên chấp: "Chúng sanh hữu thi (có đầu tiên) và chư Phật chứng Niết bàn, sẽ có ngày chung tận, rồi trở lại làm chúng sanh".

Để đối trị cái chấp sai lầm này, nên giải thích rằng: Như Lai tạng (Chơn như tại triền) và vô minh đều có từ vô thi (không có đầu tiên). Nếu nói chúng sanh (có sanh khởi đầu tiên) là kinh của ngoại đạo nói (kinh Đại hữu), không phải kinh Phật.

Lại nữa, Như Lai tạng không có chung tận: chư Phật chứng Niết bàn là thể nhập (trương ưng) Như Lai tạng, nên cũng không có chung tận.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Chúng sanh nghe trong kinh Phật nói: "Do Như Lai tạng mà có sanh tử, do Như Lai tạng mà chứng Niết bàn"; rồi họ suy luận và chấp rằng: vì do Như Lai tạng mà có sanh tử (Vô minh, chúng sanh); như thế thì chúng sanh (sanh tử, vô minh) tất phải có sự bắt đầu sanh khởi; (hữu thi) và do Như Lai tạng mà chứng Niết bàn, vậy thì Niết bàn cũng có sự bắt đầu sanh khởi (hữu thi). Do đó người ta kết luận: Chúng sanh đã hữu thi nên cũng hữu chung, Niết bàn hữu thi nên cũng hữu chung. Bởi thế nên họ chấp chư Phật chứng Niết bàn rồi, có ngày cũng cùng tận, phải trở lại làm chúng sanh.

Để đối trị với chấp sai lầm này, nên Ngài Mã Minh giải thích, đại ý nói "Chơn như và vô minh đồng thời có từ vô thi". Cũng như chất ngọt và chất chát đồng thời có trong trái hồng. Song hành giả khi chuyển phiền não trở lại Bồ Đề, chuyển sanh tử trở lại Niết bàn, thì lúc bấy giờ chúng sanh không còn (chung tận), mà chỉ còn Chơn như hay Phật. Cũng như khi trái hồng lớn chín, đổi hết chất chát chỉ còn chất ngọt. Khi trái hồng đã chín ngọt rồi, thì không bao giờ trở lại chát nữa. Cũng như khi đã thành Phật rồi, không bao giờ trở lại làm chúng sanh nữa.

Vậy nên biết, vô minh (chúng sanh) vô thi mà hữu chung; Chơn như (Phật) vô thi và vô chung.

Kinh Phật thì chép "Chúng sanh vô thi"; còn kinh Đại hữu của ngoại đạo lại chép "Chúng sanh hữu thi".

---o0o---

CHÁNH VĂN

II. CHẤP PHÁP (chấp thật có vũ trụ vạn hữu).

Đối với hàng Nhị thừa, vì độn căn chấp ngã, nên trong kinh Phật nói: "Chỉ có năm ấm sanh diệt, không có thật ngã". Nghe như thế, hạng này trở lại chấp: "Thật có năm ấm sanh diệt" (chấp thật pháp), nên họ rất sợ khổ sanh tử và cầu vui Niết bàn.

Để đối trị cái chấp sai lầm này, nên phải giải thích rằng: "Tánh của năm ấm, từ hồi nào đến giờ, vốn là Niết bàn, không sanh và cũng không diệt".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Năm ấm thật sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Vì năm đám mây này che khuất vùng trăng chơn như, nên gọi là "Ám" (che).

Để phá trừ chấp ngã của hàng Nhị thừa độn căn, nên Phật nói: "Chỉ có năm ấm sanh diệt, không có thật ngã". Lúc bấy giờ hạng này không còn chấp ngã, mà trở lại chấp pháp; nghĩa là chấp thật có năm ấm, thật có khổ sanh tử và

vui Niết bàn. Do đó, họ rất sợ sanh tử và thích thú vui ở mãi nơi cảnh Niết bàn.

Để phá trừ cái chấp thật Pháp của Nhị thừa, nên Ngài Mã Minh Bồ Tát giải thích, đại ý nói: "Tướng của các pháp không thật, tánh nó là chơn như, là Niết bàn, xưa nay không sanh, nên cũng không diệt". Vì các pháp không thật có, nên Bồ Tát không sợ sanh tử và không yên vui ở mãi nơi Niết bàn".

Nếu nói một cách đầy đủ, thì phải nói "vô ngã và vô pháp". Nhưng đây vì đối với hành Nhị thừa, nên Phật chỉ mới nói "năm ấm vô thường", chớ chưa nói đến "sanh tử tức chơn thường".

---o0o---

CHÁNH VĂN

Lại nữa, nếu người rốt ráo xa lìa các vọng chấp, thì mới biết rõ các pháp Nhiễm tịnh đều do đối đãi nhau mà thôi, thật ra không có cái tướng gì có thể kêu gọi được. Bởi thế nên, từ hồi nào đến giờ, tất cả các pháp, không phải sắc, không phải tâm, không phải trí, không phải thức, không phải hữu, không phải vô, rốt ráo không có tướng gì có thể gọi được. Song, sở dĩ Phật có nói năng kêu gọi như thế này hoặc như thế kia, là vì đức Như Lai khôn khéo, phương tiện tạm dùng lời nói để dẫn dắt chúng sanh, mục đích là làm cho chúng sanh xa lìa các vọng niệm (ly niệm) trở về chơn như; nếu còn vọng niệm thì tâm phải sanh diệt, nên chẳng nhập được trí Phật (thật trí: chơn như)

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Từ hồi nào đến giờ, tất cả các pháp, không phải sắc, không phải tâm, không phải trí, không phải thức v.v...chỉ vì chúng sanh vọng chấp phân biệt, so sánh (biên kế chấp) đối đãi với nhau mà thành thế này hoặc thế kia, như đối với hữu gọi là vô, đối với sắc gọi là tâm, đối với thức gọi là trí, đối với cao gọi là thấp, đối với lớn gọi là nhỏ, đối với tốt gọi là xấu v.v...Nếu chúng sanh rốt ráo xa lìa các vọng chấp thì thật không có một pháp gì có thể kêu gọi được. Lúc bấy giờ hành giả mới thấy rõ các pháp không thể kêu gọi (ly danh tự tướng), không thể nói năng luận bàn (ly ngôn thuyết tướng), hay suy nghĩ được (ly tâm duyên tướng).

Chư Phật đã hoàn toàn xa lìa các vọng chấp, song còn gọi pháp khổ, pháp vui, nhiễm tịnh, sanh tử, Niết bàn v.v...là vì Phật phương tiện tạm đặt ra những danh từ kêu gọi như thế, mục đích là để dẫn dắt chúng sanh lìa các vọng niệm chấp trước, đăng nhập vào chơn như hay trí Phật. Khi chúng sanh đã nhập vào chơn như hay trí Phật rồi, lúc bấy giờ cũng không còn danh từ gì để kêu gọi được.

Bài này nói về phân đối trị các chấp sai lầm rồi, đến bài thứ 13, sẽ nói về hành tướng phát tâm đến đạo.

---o0o---

BÀI THỨ MƯỜI BA

CHƯƠNG THỨ BA : PHÂN GIẢI THÍCH

C. PHÂN BIỆT HÀNH TƯỚNG PHÁT TÂM ĐẾN ĐẠO BA MÓN PHÁT TÂM

CHÁNH VĂN

Chữ "Đạo" nói ở đây là chỉ cho đạo quả của chư Phật đã chứng ngộ và cũng là cái chỗ của tất cả các vị Bồ Tát phát tâm tu hành để hướng về.

Sự phát tâm, lược có 3 món: 1. Tín hoàn toàn (Tín thành tựu) mà phát tâm, 2. Hiểu và tu (giải, hạnh) mà phát tâm, 3. Chứng nhập chơn như mà phát tâm.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Luận này có năm chương, trong chương thứ ba, có ba phần: phần đầu giải thích về pháp Đại thừa; phần thứ hai, Ngài Mã Minh đã thông những chấp sai lầm. Sau khi được rửa sạch các chấp sai lầm rồi, hành giả mới phát tâm tu về pháp Đại thừa. Vì thế nên tiếp đến phần thứ ba, Ngài Mã Minh phân biệt hành tướng phát tâm tu về đạo quả Đại thừa.

Đạo quả Đại thừa là nơi chư Phật đã chứng, mà cũng là chỗ các vị Bồ Tát đang hướng về đó.

Sự phát tâm tu về đạo quả Đại thừa, lược chia có ba hạng, từ cạn đến sâu:

1. Mãn địa vị Thập tín (Tín hoàn toàn) phát tâm;
2. Địa vị Tam hiền (Giải: Hiểu, Hành: tu) phát tâm;
3. Địa vị Thập thánh đã chứng nhập chơn như phát tâm.

Chữ "Phát tâm" có hai nghĩa: 1. Lập chí cao rộng, 2. Phát triển tâm tánh, hay phát minh tâm tánh.

---o0o---

CHÁNH VĂN

I. Tín hoàn toàn (thành tựu) mà phát tâm

Hỏi: _ Phải là người thế nào và nhờ tu hạnh gì để thành tựu vị Thập tín, mới phát tâm được?

Đáp: _ Những chúng sanh bất định (không nhất định chánh hay tà), nhờ sức căn lành huân tập đời trước, làm cho họ tin nhờn quả, nên nhằm khổ sanh tử, phát tâm tu thập thiện, để cầu đạo vô thượng Bồ Tát. nhờ được đích thân hầu hạ, cúng dường chư Phật và tu hành trải qua muôn kiếp, nên họ mới đặng thành tựu tín tâm. Do nhờn duyên đó nên được gặp Phật, Bồ Tát dạy mà họ phát tâm; hoặc vì lòng Đại bi, mà họ tự phát tâm; hoặc vì thấy chánh pháp sắp diệt mà muốn duy trì nên họ tự phát tâm.

Những người như thế, được vào hàng chánh định, trọn không thoái chuyển. Vì họ đã hiệp với "Chánh nhờn Phật tánh", nên họ được gọi là "giòng giống của Như Lai".

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về Tín thành tựu phát tâm. _ Từ Sơ tín cho đến Thập tín thì tín tâm mới hoàn toàn viên mãn nên gọi là "Tín thành tựu". Do tín tâm

vững chắc, lập cxihi nguyện cầu quả Phật vô thượng và phát minh tâm tánh, nên gọi là "Tín thành tựu phát tâm".

Hỏi: _ Hạng người nào, tu hạnh gì, mới đặng hoàn toàn viên mãn vị Thập tín, và làm sao phát tâm?

Đáp: _ Những người bất định chánh tà, hay căn trí chưa nghiêng ngã bên nào (Đại thừa hay Tiểu thừa) nếu gặp Tiểu thừa giáo hoá thì họ thành thính văn, Duyên giác, nếu gặp Đại thừa giáo hoá thì họ thành Bồ Tát hay Phật. Những người ấy, do nhiều đời có trồng căn lành và bên trong nhờ tánh Phật của họ thúc dục, bên ngoài nhờ chánh pháp huân vào, làm cho họ tin đạo lý hơn quả, rồi nhằm cảnh trần gian là bể khổ sanh tử, nên phát tâm tu hành cầu đạo giải thoát Niết bàn.

Phát tâm tu hành, phụng sự chánh pháp, hầu hạ Thiện hữu tri thức và cúng dường chư Phật, làm những việc như thế, trải qua một vạn kiếp, hành giả mới viên mãn địa vị Thập tín.

Khi tín tâm đã viên mãn thành tựu rồi, hoặc gặp Phật hay Bồ Tát dạy họ phát tâm hoặc do lòng Đại bi thúc dục làm cho họ phát tâm, hoặc thấy chánh pháp suy đồi, muốn duy trì chánh pháp nên họ phát tâm.

Những người được viên mãn vị Thập tín và phát tâm như thế, là đã hiệp với "Chánh như Phật tánh" vào hành "Chánh định", không còn bất định hay thối chuyển nữa, nên họ cũng được gọi là "giòng giống của Như Lai".

---o0o---

CHÁNH VĂN

Có những chúng sanh, từ hồi nào đến giờ, căn lành mỏng ít, phiền não sâu dày, tuy cũng gặp Phật cúng dường, song chỉ cầu phước báo cõi như thiên, hoặc tu theo Nhị thừa, hoặc họ có cầu pháp Đại thừa, nhưng căn tánh chẳng quyết định, tán thối không chừng; hoặc họ cúng dường chư Phật, mà chưa đầy một vạn kiếp. Những hạng người này cũng gặp như duyên lành để phát tâm (như thấy sắc tướng của chư Phật mà phát tâm, hoặc như cúng dường chư tăng mà phát tâm, hoặc như gặp hàng Nhị thừa dạy bảo mà họ phát tâm, hoặc học với thầy bạn mà họ phát tâm). Nhưng các loại phát tâm này, đều chẳng nhứt định, nếu gặp hoàn cảnh xấu ngược, thì họ thối tâm, hoặc đọa vào Nhị thừa.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn trên nói những người tín tâm đã thành tựu, và phát tâm như vậy, thì được vào hàng chánh định, quyết không thoái chuyển, vì họ tu đã được một vạn kiếp.

Đoạn này nói, những người phát tâm sau đây, vì tu chưa đầy một vạn kiếp, tín tâm chưa thành tựu, hoặc còn thoái chuyển, nên chưa được vào hàng Chánh định. Họ cũng gặp duyên lành để phát tâm, hoặc thấy tướng hảo của Phật mà phát tâm, hoặc nhìn cúng dường chư Tăng mà phát tâm, hoặc gặp Nhị thừa giáo hoá phát tâm v.v...Nhưng vì căn lành mỏng ít, phiền não sâu dày, tuy gặp Phật phát tu hành, song chỉ cầu phước báo thiên nhơn, hoặc tu theo Nhị thừa, và nếu gặp Đại thừa thì tâm họ cũng không quyết định, nên khi bị nghịch cảnh, họ thoái tâm hoặc tu theo Tiểu thừa tiêu cực.

---o0o---

a. BA MÓN TÂM TRONG VỊ THẬP TÍN

CHÁNH VĂN

Tóm lại, khi tín tâm đã thành tựu thì phát ba món tâm như sau:

1. Trục tâm, nghĩa là tâm trực niệm chơn như
2. Thâm tâm, nghĩa là tâm ưa làm các việc lành
3. Đại bi tâm, nghĩa là tâm muốn cứu khổ các chúng sanh.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Hành giả tu hành phải trải qua một vạn kiếp mới được thành tựu tín tâm. Lúc bấy giờ hành giả phát ra vô số tâm, nhưng tóm lại có ba thứ:

1. Trục tâm, quán thẳng Chơn như pháp tánh

2. Thâm tâm, nguyện làm các việc lành

3. Đại bi tâm, thế độ tất cả chúng sanh.

Quán chơn như là căn bản của hai hạnh: Tự lợi và lợi tha. Vì quán trong bản thể chơn như có đủ vô lượng công đức, nên cho hành giả ưa tu các pháp lành, để hiệp với tánh chơn như của mình. Hành giả tu hành, khi nào thâm nhập đến chỗ không còn thấy tướng tu nữa, gọi đó là "Thâm tâm".

Vì quán mình và tất cả chúng sanh đồng bản thể chơn như, nên chúng sanh đau khổ tức là mình đau khổ, chúng sanh còn trần luân thì mình chưa được giải thoát an vui nơi cảnh Niết bàn. Vì thế mà hành giả phát tâm Đại bi cứu khổ tất cả chúng sanh.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Chơn như đã là một thể, tại sao không bảo hành giả trực niệm chơn như, mà lại còn tạm dùng các phương tiện, tu các pháp lành?

Đáp: _ Thí như ngọc ma ni thể chất tuy sáng suốt trong sạch, nhưng còn bị lẫn lộn trong khoáng như bản. Nếu người chỉ nghĩ đến tánh chất trong suốt của ngọc, mà không dùng các phương tiện giữa mài v.v...thì quyết định không thể đặng chất ngọc ma ni thuần tịnh.

Cũng thế, chúng sanh tuy saün có chất chơn như thanh tịnh, song còn bị vô lượng phiền não làm nhiễm ô. Nếu hành giả chỉ niệm chơn như, mà không dùng phương tiện tu các pháp lành, thì cũng không thể đặng chất chơn như thuần tịnh.

Vì các phiền não nhiễm ô vô lượng, nên hành giả phải tu vô lượng hạnh lành để đối trị. Nếu hành giả tu các pháp lành, thì tự nhiên thuận về với tánh chơn như của mình.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này giải đáp sự thắc mắc của độc giả.

Hỏi: _ Chúng sanh đã saün có chất chơn như thanh tịnh, tại sao người tu hành không niệm thẳng chơn như, mà lại còn dùng vô số phương tiện để dẹp trừ phiền não nhiễm ô và tu các pháp lành làm gì?

Đáp: _ Chúng sanh tuy saün các chất chơn như thanh tịnh, song còn bị vô lượng phiền não làm nhiễm ô; cũng như ngọc ma ni, tuy chất nó sáng suốt trong sạch, nhưng còn bị lẫn lộn trong khoán như bản. Nếu hành giả trực chỉ quán chơn như, mà không dùng các phương tiện để trừ phiền não và tu các pháp lành, thì chất chơn như thuần tịnh không bao giờ thật hiện được. Cũng như người chỉ nghĩ đến chất ngọc trong suốt, mà không dùng đến các phương tiện như lọc khoáng, giữa mài v.v...thì quyết định cũng không bao giờ thành ngọc mỹ quan được (ngọc bất trác, bất thành khí).

Chúng sanh có vô lượng bịnh phiền não, nên Phật cũng có vô lượng thuốc phương tiện để trị. Nếu muốn hết các bịnh phiền não, trở thành người lành mạnh (Bồ Đề, Niết bàn), tất nhiên hành giả phải uống thuốc phương tiện của Phật. Người diệt trừ phiền não tu các pháp lành là đi ngược dòng trần lao, thuận theo tánh chơn như. Bởi thế nên hành giả phải phát minh ba tâm (Trực tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm) và thật hành bốn phương tiện sau này.

---o0o---

b. BỐN MÓN PHƯƠNG TIỆN

CHÁNH VĂN

Các phương tiện lược có bốn món:

1. Phương tiện căn bản: Quán tất cả các pháp, tánh vốn vô sanh (không) đ63 là các vọng chấp, và nhờ thế mà không mắc vòng sanh tử;

quán các pháp do nhơn duyên hoà hiệp, nên nghiệp quả chẳng mất (có) để khởi tâm đại bi, tu các hạnh lành, cảm hoá chúng sanh, và nhờ thế nên không trụ Niết bàn.

Tóm lại, vì tùy thuận theo tánh vô trụ của chơn như, nên không dính mắc sanh tử và không an trụ Niết bàn.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Trong bốn phương tiện tu hành để nhập chơn như, thì món phương tiện này là căn bản.

Chúng sanh, vọng chấp các pháp thật có, nên tạo ra các nghiệp; rồi bị nghiệp lực kéo dẫn, phải chịu sanh tử luân hồi. Nay hành giả quán "các pháp hư giả, không thật", nên không vọng chấp và không tạo nghiệp; vì nghiệp không tạo, nên không bị sanh tử luân hồi.

Song, nếu hành giả chỉ một bề quán "Không" như thế, sợ e mắc vào bịnh "chấp không", rồi chững cần tu hành và hoá độ chúng sanh; như hành Thịnh văn chấp không, ưa vắng lặng (trầm không thú tịch) thích thú cảnh vui Niết bàn của Tiểu thừa.

Bởi thế, hành giả phải quán "do nhơn duyên hoà hiệp, nên các pháp chẳng phải không và nghiệp quả chẳng mất", để khởi tâm Đại bi, tu các hạnh lành giáo hoá chúng sanh. Nhờ quán như thế, nên hành giả không còn "chấp không" và say mê cảnh Niết bàn của Tiểu thừa nữa.

Vì không vướng mắc sanh tử, nên về phần tư lợi hành giả được thành tựu. Và vì không vướng mắc Niết bàn của Tiểu thừa, nên hành giả độ thoát tất cả chúng sanh, hoàn thành hạnh lợi tha.

Không mắc sanh tử, không trụ Niết bàn là thuận theo đức tánh vô trụ của chơn tâm; như thế gọi là "Trực tâm". Trực tâm là phương tiện căn bản của các hạnh, tự giác và giác tha. Khế kinh chép: "Tâm thẳng (không mắc hai bên) là Đạo tàng" (trực tâm thị Đạo tàng).

---o0o---

CHÁNH VĂN

2. phương tiện ngăn ngừa các việc ác: Biết xấu hổ, ăn năn, chừa lỗi, ngăn ngừa tất cả điều ác không cho phát sanh và tăng trưởng. Hành giả phải làm như thế để thuận theo đức tánh thanh tịnh của chơn như.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về phương tiện thứ hai là "không làm việc ác". Người biết xấu xa hổ thẹn thì không làm các điều tội lỗi; biết ăn năn hối hận những tội đã làm, thì tội lỗi ấy không tăng trưởng nữa. Bởi thế nên "hổ thẹn" là yếu tố ngăn chặn việc ác phát sanh; còn "ăn năn hối hận" là yếu tố làm cho tội lỗi đã sanh, không tăng trưởng nữa.

Đoạn văn trước nói 3 tâm: 1. Trục tâm, 2. Thâm tâm, 3. Đại bi tâm. Đoạn này nói phương tiện thứ hai, thuộc về Thâm tâm, tức là ưa làm các việc lành. Lành có hai thứ: 1. Bỏ dữ (chỉ thiện) gọi là lành; 2. Làm lành (tác thiện) cũng gọi là lành.

Món phương tiện thứ hai này thuộc về loại "lành bỏ dữ"; món phương tiện thứ ba sau này, thuộc về loại "lành làm lành". Hai loại lành này đều thuộc về Thâm tâm cả.

Tóm lại, vì tùy thuận theo đức tánh thanh tịnh của Tâm chơn như, nên hành giả phải xa lìa các tội lỗi.

---o0o---

CHÁNH VĂN

3. Phương tiện làm cho phát sanh hoặc nuôi lớn căn lành: Siêng năng lễ bái và cúng dường Tam bảo, tùy hỷ việc lành, tán thán công đức và thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân. Do tâm kính mến Tam bảo rất thuần hậu, làm cho đức tin được thêm lớn nên hành giả mới dốc chí cầu đạo vô thượng. Lại nhờ sức gia hộ của Tam bảo, nên các nghiệp chướng được tiêu trừ và căn lành không thối chuyển. Vì tùy thuận theo đức tánh "vô chướng ngại" của chơn như, nên hành giả phải xa lìa các si mê chướng ngại.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Phương tiện thứ ba này là "làm các việc lành", tức là loại "lành tác thiện" (làm lành). Loại lành này cũng nương nơi thâm tâm mà khởi. Hành giả làm cho phát sanh những việc làm chưa sanh, và nuôi lớn những việc

làm đang có. Siêng năng tu hành và cúng dường Tam bảo v.v...là trồng căn lành; còn kính mến Tam bảo v.v...là nuôi lớn đức tin. Hành giả lại nhờ thần lực của Tam bảo gia hộ, nên tiêu trừ được các nghiệp chướng và làm cho đức tin được vững chắc.

Lễ bái thì xa lìa được cái bệnh ngã mạn, tán thán thì xa lìa được cái bệnh huỷ báng, tùy hỷ thì xa lìa được cái bệnh tậ đố v.v...

Tóm lại, vì tùy thuận theo đức tánh sáng suốt vô ngại của Tâm chơn như, nên hành giả phải xa lìa các si mê chướng ngại.

---o0o---

CHÁNH VĂN

4. Phương tiện đại nguyện và bình đẳng: Hành giả vì tùy thuận tánh không đoạn tuyệt của chơn như và bình đẳng không hai, chẳng phân bỉ thử, rốt ráo vắng lặng, rộng lớn phổ biến của chơn như. Nên hành giả phát đại nguyện, cùng tận đời vị lai, hoá độ tất cả chúng sanh, đều được rốt ráo chứng vô dư Niết bàn, không còn sót một chúng sanh nào.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Phương tiện thứ tư là "cứu khổ các chúng sanh". Món phương tiện này do tâm đại bi phát sanh.

Hành giả tùy thuận theo các đức tánh: bất tuyệt, rộng lớn, bình đẳng, cứu cánh tịch diệt của Tâm chơn như, nên lập lời thệ nguyện rộng lớn, hoá độ hết thảy chúng sanh, đều được cứu cánh Niết bàn, không hạn định thời gian và không bao giờ dừng nghỉ.

Tóm lại, Bồ Tát tùy thuận theo các đức tánh tốt của tâm chơn như mà tu các hạnh lành, dẹp trừ các cấu nhiễm, để trở về Tâm chơn như.

---o0o---

c. TÁM TƯỚNG THÀNH ĐẠO

CHÁNH VĂN

Bồ Tát nhờ phát tâm này, nên được thấy Pháp thân một phần nào. Do thấy được Pháp thân nên Bồ Tát tùy theo nguyện lực của mình, mà hiện ra tám tướng sau đây, để làm lợi ích cho chúng sanh:

1. Từ cung trời Đâu suất giáng sanh

2. Nhập thai 3. Ở trong thai

4. Sanh ra 5. Xuất gia

6. Thành Đạo 7. Tghuyết pháp

8. Nhập Niết bàn

Song các vị Bồ Tát này, chưa chứng pháp thân, vì còn các nghiệp hữu lậu từ quá khứ vô lượng kiếp đến nay, chưa có thể đoạn trừ được. Vị Bồ Tát do sức đại nguyện tự tại mà thọ sanh; tuy không phải bị nghiệp lực kéo dẫn, song vẫn còn khổ vi tế. Trong Khế kinh, Phật nói: "Có vị Bồ Tát thối tâm bị đọa vào ác thú". Nói như vậy, là để cho những vị sơ tâm (chưa phải chính thức Bồ Tát) còn giải đãi trên đường tu hành, lo sợ, mà phát tâm đồng mãnh tiến tu, chứ không phải thật thối đọa.

Lại nữa, các vị Bồ Tát này, từ khi phát tâm về sau, mặc dù nghe nói phải trải qua vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp (vô số kiếp), siêng năng tu hành khổ hạnh, mới chứng được Niết bàn; nhưng cũng không nhu nhược và lo sợ đọa vào Nhị thừa, vì họ đã hiểu chắc và tin rằng: Tất cả các pháp từ hồi nào đến giờ, tánh nó vốn là Niết bàn.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Bồ Tát khi đã viên mãn Thập tín, phát ba món tâm trên rồi (Trực tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm) thì vào Thập trụ, thấy được Pháp thân thanh tịnh, nên có thể thị hiện tám tướng cao cả, để làm lợi ích cho các chúng sanh, mà tâm không nhu nhược và sợ thối đọa; bởi vì các vị Bồ Tát này đã biết các pháp từ xưa đến nay vốn là Niết bàn.

Các vị Bồ Tát Thập trụ này, vì các nghiệp hữu lậu chưa hết, nên sanh ở đâu, cũng còn khổ vì tế về "phần đoạn sanh tử". Nhưng sự thọ sanh của các Ngài là do đại nguyện để hoá độ chúng sanh, chứ không phải bị nghiệp lực kéo dẫn mà thọ sanh.

Lại nữa, các vị Bồ Tát này không bao giờ đọa vào ác thú, thối thất Bồ Đề. Nhưng trong kinh Bản nghiệp Phật nói: "các vị Bồ Tát từ Thất trụ về trước còn thối đọa, nếu từ một kiếp đến mười kiếp không gặp Thiện hữu tri thức". Phật nói như vậy là để khùng bố các vị Sơ tâm Bồ Tát còn giải đãi trong sự tu hành.

---o0o---

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

CHƯƠNG THỨ BA : PHẦN GIẢI THÍCH

C. PHÂN BIỆT HÀNH TƯỚNG PHÁT TÂM ĐẾN ĐẠO (tiếp theo và hết)

II. NÓI VỀ HIỂU BIẾT VÀ LÀM

(hạnh, hướng) mà phát tâm

CHÁNH VĂN

Phải biết, lối phát tâm này (biết và làm) có phần thắng hơn lối phát tâm trước (Tín phát tâm). Bồ Tát bắt đầu từ Chánh tín (Thập tín) đến đây (Hạnh và Hướng), trải qua gần mãn một vô số kiếp thứ nhứt, nên đối với Chơn như, các vị này hiện đã hiểu ngộ rất thâm thúy và sự tu hành không còn chấp tướng nữa.

Bồ Tát biết tánh Phật của mình (tâm minh) không có tham lam bòn xén, nên tùy thuận theo tánh Phật tu hạnh Bồ thí Ba la mật (Bồ thí rốt ráo). Bồ Tát biết tánh Phật của mình không nhiễm ô, xa lìa các tội lỗi ngũ dục, nên tùy thuận theo tánh Phật, tu pháp trì giới Ba la mật. Bồ Tát biết tánh Phật của mình không khổ não, xa lìa các sân hận, nên tùy thuận theo tánh Phật, tu pháp Nhẫn nhục Ba la mật. Bồ Tát biết tánh Phật của mình không có tướng thân tâm, xa lìa việc giải đãi, nên tùy thuận theo tánh Phật, tu Tinh tấn Ba la mật. Bồ Tát biết tánh Phật của mình thường định, không có tan loạn, nên tùy thuận theo tánh Phật, tu pháp Thiền định Ba la mật. Bồ Tát biết tánh Phật

của mình sáng suốt, không có vô minh, nên tùy thuận theo tánh Phật, tu Trí huệ Ba la mật.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Trong phần "Phân biệt hành tướng phát tâm đến Đạo", có chia ra ba hạng:

1. Tín phát tâm, tức là viên mãn địa vị Thập tín mà phát tâm.
2. Biết và làm phát tâm, tức là ở địa vị Tam hiền (Trụ, Hạnh, Hướng) mà phát tâm.
3. Chứng nhập chơn như phát tâm, tức là ở hàng Thập địa Bồ Tát mà phát tâm.

Đoạn này nói về hàng Tam hiền phát tâm.

Hành giả từ khi phát tâm tu hành, cho đến mãn địa vị Tam hiền, đây là đợt thứ nhất, phải trải qua một "vô số kiếp". Sau khi mãn Tam hiền lên đến Thất địa, hành giả phải trải qua một "vô số kiếp" về đợt thứ hai. Từ Bát địa trở lên quả vị Phật, hành giả phải trải qua một "vô số kiếp" nữa, về đợt thứ ba.

Hành giả phải trải qua ba vô số kiếp như vậy, và trường kỳ kháng chiến với giặc phiền não nội tâm, bao giờ hoàn toàn thắng trận mới được thành Phật. Trong vô số kiếp thứ nhất, hành giả bị bại trận nhiều mà thắng ít. Đến vô số kiếp thứ hai, là giai đoạn giằng co, hành giả năm ăn năm thua. Bước qua vô số kiếp thứ ba thì hành giả thắng nhiều thua ít.

Vì hạng thứ hai là "Hiểu và Làm mà phát tâm" trước. Từ địa vị Thập tín đến địa vị Tam hiền, vì hành giả tu hành trải qua gần mãn một vô số kiếp, nên ngộ được chơn tâm; nhưng chưa chứng nhập. Tuy nhiên, về việc tu hành, hành giả đã cởi mở rất nhiều những sự nặng nề về phần tu hữu hướng (chấp danh, trước tướng) và bắt đầu về vô tướng, để nhập chơn tâm thanh tịnh.

Bồ Tát biết chơn tâm mình từ bi, hỷ xả, không có tham lam bồn xên, nên tu pháp bố thí Ba la mật, để trừ tâm bồn xên (tu tâm) và nuôi dưỡng tánh từ bi hỷ xả (dưỡng tánh) để trở lại hiệp với chơn tâm của mình.

Bồ Tát biết chơn tâm mình thanh tịnh, không có các nhiễm ô tội lỗi, nên tu pháp trì giới Ba la mật, để trừ tâm nhiễm ô tội lỗi (tu tâm) và nuôi dưỡng đức tánh thanh tịnh (dưỡng tánh) để hợp với chơn tâm của mình.

Bồ Tát biết chơn tâm mình không có sân hận, nên tu pháp Nhẫn nhục Ba la mật, để đối trị tâm sân hận (tu tâm) và nuôi lớn đức tánh vô sân (dưỡng tánh) để hợp với chơn tâm.

Bồ Tát biết chơn tâm mình không phiền não giải đãi, nên tu pháp Tinh tấn Ba la mật, để trừ tâm giải đãi (tu tâm) và nuôi dưỡng đức tánh siêng năng (dưỡng tánh) để hợp với chơn tâm.

Bồ Tát biết chơn tâm mình thường định, không tán loạn, nên tu pháp Thiền định Ba la mật, để trừ tâm tán loạn (tu tâm) và nuôi dưỡng tánh tịch tịnh (dưỡng tánh) để hợp với chơn tâm.

Bồ Tát biết chơn tâm mình sáng suốt, không có si mê, nên tu pháp Trí huệ Ba la mật, để trừ tâm si mê (tu tâm) và nuôi dưỡng trí huệ (dưỡng tánh) để hợp với chơn tâm của mình.

Tóm lại, Bồ Tát biết tâm mình không có các điều xấu tệ, như tham lam bòn xén, phá giới nhiễm ô, nóng nảy sân hận, biếng nhác trễ nãi, tán loạn và si mê v.v...mà trái lại, có đủ các đức tánh tốt, như từ bi, hỷ xả, thanh tịnh, không sân si, tinh tấn, thường định và trí huệ v.v...nên tu pháp Lục độ, để diệt trừ Lục tệ, nuôi lớn các đức tánh tốt ở nơi tâm mình. Khi các đức tánh tốt (tánh Phật) được hoàn toàn viên mãn, thì Bồ Tát sẽ thành Phật.

---o0o---

GIẢI DANH TỪ

Chữ "Ba la mật", Tàu dịch là "Đáo bỉ ngạn" nghĩa là đến bờ bên kia, tức là bờ Giác. Song chữ "ba la mật" này cũng có nghĩa là "rót ráo cùng tận". Như nói "Bồ thí ba la mật", nghĩa là bồ thí đến cùng tận. Chúng phàm phu khi bồ thí, còn chấp Ta là người năng thí (làm ơn). Kia là kẻ thọ thí (chịu ơn); vì còn dính mắc nơi tướng, chấp có nhơn có ngã, nên bồ thí mà không được ba la mật. Trái lại, Bồ Tát khi bồ thí, hợp với chơn tâm thanh tịnh, không thấy có nhơn có ngã: ta đây là người làm ơn (năng thí). Kia là kẻ thọ ơn (được thí). Nọ là vật bị thí... Vì không dính mắc nơi tướng nên gọi là "Bồ thí ba la mật". Năm món "ba la mật" sau, ý nghĩa cũng như thế.

---o0o---

III. Chứng nhập chơn như mà phát tâm

CHÁNH VĂN

Bồ Tát từ Sơ địa cho đến Đẳng giác, đã chứng được Chơn như, cũng gọi là Chứng pháp thân.

Các vị Bồ Tát khi đã chứng nhập Chơn như thì từ trên tâm Chơn như này, khởi ra đại dụng: như trong nhưt niệm mà có thể đi hết cả mười phương thế giới, cúng dường chư Phật, thỉnh Phật chuyển pháp luân và mở đường dẫn dắt, làm lợi ích cho các chúng sanh, mà không cần đến ngôn ngữ. Hoặc vì để độ những chúng sanh căn tánh thấp kém, lo sợ phải trải qua nhiều kiếp tu hành mới thành đạo, nên Bồ Tát thị hiện mau thành quả Phật. Hoặc vì để độ những chúng sanh biếng nhác trễ nãi, nên Bồ Tát nói: "ta tu hành trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp mới được thành Phật". Các vị Bồ Tát mặc dù thị hiện ra vô số phương tiện như vậy, không thể nghĩ bàn được, song thật ra các vị này trình độ như nhau, và đều trải qua vô số kiếp tu hành, không có kẻ mau, người chậm, vị này hơn, vị kia kém. Các vị Bồ Tát tùy theo mỗi quốc độ, và trình độ thấy nghe, căn tánh sai khác, dục vọng không đồng của mỗi chúng sanh mà thị hiện ra nhiều hạnh (Bồ Tát đa hạnh), phương tiện độ sanh không giống nhau.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói "Chứng nhập chơn như mà phát tâm", tức là Bồ Tát chứng được thể chơn như, rồi phát ra đại dụng của chơn như.

Các vị Bồ Tát từ Sơ địa đến Đẳng giác, đã chứng được chơn như, cũng gọi là chứng pháp thân thanh tịnh của Như Lai. Rồi từ nơi thể chơn như này phát khởi ra diệu dụng không thể nghĩ bàn, như trong nhưt niệm Bồ Tát có thể đi hết cả mười phương thế giới, cúng dường chư Phật, hoặc thỉnh Phật chuyển pháp luân. Và cũng từ nơi diệu dụng của chơn như, mà Bồ Tát giáo hoá làm lợi ích cho chúng sanh, hoặc không dùng đến văn tự ngữ ngôn.

Có vị Bồ Tát vì muốn khuyến khích những chúng sanh thấp kém, lo sợ cho mình không thể đeo đuổi trải qua nhiều kiếp trường kỳ tu tập, nên thị hiện tu mau thành Phật, để cho chúng sanh ấy khỏi lo sợ; như nàng Long nữ trong

Pháp hoa, ngài Quảng ngạch trong kinh Niết bàn, ông Thiện tài trong kinh Hoa nghiêm.

Và có vị Bồ Tát, vì những chúng sanh giải đãi bê tha sự tu hành, nên thị hiện trải qua ba vô số kiếp tu hành, mới được thành Phật, để cho chúng sanh ấy, thấy con đường còn dài, phải siêng năng tu hành; như đức Thích Ca, trải qua ba vô số kiếp mới thành đạo.

Bồ Tát, tùy theo mỗi quốc độ khác nhau, trình độ thấy nghe của chúng sanh không đồng, mà thị hiện ra rất nhiều phương tiện, không thể nghĩ bàn. Bởi thế nên gọi "Bồ Tát đa hạnh".

Nhưng sự thật, về trình độ của các vị Bồ Tát thì đồng nhau, sự phát tâm, chỗ chứng ngộ cũng đồng nhau, và đều trải qua ba vô số kiếp tu hành, không có sự mau chậm hay hơn kém nhau.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Lại nữa, Nhị thừa phát tâm, có 3 tướng vi tế:

1. Chơn tâm, tức là tâm vô phân biệt (thật trí).
2. Phương tiện tâm, tức là tâm tự nhiên làm lợi ích cho các chúng sanh (quyền trí).
3. Nghiệp thức tâm, tức là tâm sanh diệt rất vi tế.

Bồ Tát tu hành đến khi công đức thành tựu viên mãn rồi thì bhiện thân cao lớn (báo thân) hơn các thế gian, ở trên cõi trời Sắc cứu cánh Bồ Tát do nhứt niệm tương ưng (hiệp) với huệ, nên vô minh liền hết, gọi là "được nhứt thế chủng trí". Lúc bấy giờ Bồ Tát tự nhiên có diệu dụng không thể nghĩ bàn, hiện thân khắp mười phương thế giới làm cho lợi ích cho tất cả chúng sanh.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Các vị Bồ Tát phát tâm vừa nói trên, đều có 3 tướng vi tế như sau:

1. Được thật trí, tức là chơn tâm vô phân biệt.

2. Được quyền trí, tức là Trí phương tiện phân biệt, để làm lợi ích cho các chúng sanh.

3. Dị thực thức, tức là nghiệp thức, sanh diệt rất vi tế.

Bồ Tát tuy được quyền trí và thật trí, nhưng chưa rốt ráo như Phật và vì còn Dị thực thức (Kim Cang đạo hậu Dị thực không) nên còn bị biến dịch sanh tử.

Bồ Tát tu hành, khi công đức được thành tựu viên mãn, đến phút tối hậu, phá sạch vô minh vi tế, nhứt niệm hiệp với Bát Nhã huệ, thì được "Nhứt thể chủng trí" gọi là "Chánh biến giác". Lúc bấy giờ Bồ Tát hiện thân Tụ thọ dụng (Báo thân) cao lớn ngàn trượng, ở cõi Tụ thọ dụng (tụ thọ dụng độ), trên danh trời sắc giới, chờ đến thời kỳ, sẽ đi bồ xứ làm Phật, như đức Di lạc hiện nay ở cõi trời Đâu suất. Vị Bồ Tát này tự nhiên có diệu dụng, thị hiện mười phương thế giới, làm lợi ích cho các chúng sanh không thể nghĩ bàn.

Tóm lại, từ khi phát tâm tu hành, cầu quả Phật, đến khi được Nhứt thể chủng trí, thành Chánh biến giác là rốt ráo sự phát tâm vậy.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Trong hư không, vô biên, có vô tận thế giới, trong mỗi thế giới có vô số chúng sanh; vì chúng sanh vô số, nên tâm niệm và hành vi cũng khác nhau vô cùng; nếu Bồ Tát đoạn vô minh, không còn tâm tướng, thì lấy gì để biết tất cả pháp, mà gọi là "Nhứt thể chủng trí"?

Đáp: _ Tất cả cảnh giới vốn là chơn tâm thanh tịnh, không có gì khác. Song vì chúng sanh không như chơn tâm thanh tịnh (xứng tánh) Lại khởi ra các tướng niệm phân biệt, vọng thấy có các cảnh giới sai khác, nên không thể biết được cảnh giới vô tướng thanh tịnh (chơn tâm) biến khắp tất cả, của chư Phật.

Chơn tâm này đã là bản thể hiện ra tất cả pháp và Bồ Tát vì đã chứng được bản thể của tất cả pháp, tất nhiên biết được tất cả pháp, nên gọi là "Nhứt thể chủng trí". Nhờ "Nhứt thể chủng trí" này, mà Bồ Tát tùy thuận theo trình độ của các chúng sanh, lập ra các pháp phương tiện, giáo hoá vô số chúng sanh.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này ngài Bồ Tát Mã Minh, lập lời vấn đáp, để giải thích những điều thắc mắc của độc giả.

Thấy đoạn trên nói: Do Bồ Tát trong nhưt niệm tương ưng với Huệ, nên vô minh liền hết, gọi là được "Nhứt thể chủng trí", nên độc giả thắc mắc: Do vô minh mà có tâm tưởng, nhờ tâm tưởng nên mới biết được các sự vật. Nếu vô minh hết, tâm tưởng không còn, thì lấy cái gì để biết tất cả sự vật, mà gọi là "được Nhứt thể chủng trí"?

Bồ Tát giải đáp, đại ý: Tất cả các pháp nguyên là chơn tâm (đó là định lý của Đại thừa). Nếu còn vô minh và tâm tưởng phân biệt, thì cố nhiên phải có năng sở bị thử, nên sự phân biệt bị cuộc hạn, tuy biết mà biết không cùng khắp, cái biết ấy chỉ là tưởng niệm mà thôi. Trái lại, nếu vô minh hết, tâm tưởng không còn, tức là hiệp với chơn tâm, mà chơn tâm là bản thể của các pháp, boiên khắp tất cả các pháp; cũng như trời đất non sông, mà bề cả đều bao hàm hết thảy. Bởi thế nên hành giả trừ vô minh, diệt hết loạn tưởng chứng nhập chơn tâm, thì mới biết được các pháp một cách rất ráo, gọi là được "Nhứt thể trí".

Từ chơn tâm này phát ra đại trí dụng, biết rõ tất cả pháp, tùy theo căn cơ của vô số chúng sanh, dùng vô số phương tiện để dẫn dắt chúng sanh, gọi đó là được "Nhứt thể chủng trí". Chúng được Nhứt thể trí và Nhứt thể chủng trí, gọi là phát minh rất ráo tâm đại thừa, tức là thành Phật.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Hỏi: _ Chư Phật đã nghiệp dụng tự nhiên thị hiện khắp tất cả chỗ, làm lợi ích cho các chúng sanh. Nếu chúng sanh nào thấy được thân Phật, hoặc nghe thuyết pháp, hoặc thấy thần thông biến hoá của Phật, thì đều được lợi ích; tại sao trong thế gian còn có nhiều người không thấy được Phật?

Đáp: _ Pháp thân của chư Phật bình đẳng và khắp tất cả chỗ, tự nhiên làm lợi ích cho các chúng sanh, không dụng tâm hay cố ý. Song cũng tùy theo tâm của chúng sanh mà tự thấy có hiện hay không. Tâm chúng sanh như cái

gương, nếu gương bị bụi đóng, thì cảnh vật không hiện; còn tâm chúng sanh bị cấu nhiễm thì Pháp thân không hiện.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tiếp theo đoạn vấn đáp trên, nghe nói:

"Phật có thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn, bình đẳng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, mà không dụng công hay cố ý": nên đọc giả nghi: Nếu như thế, tại sao có chúng sanh được tế độ, có chúng sanh không được tế độ.

Bồ Tát giải thích, đại ý: Phật tuy có Nhứt thế chủng trí và đủ các phương tiện, thần thông diệu dụng, bình đẳng và tự nhiên làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, không dụng công hay cố ý, không phân biệt chủng loại nào. Nhưng chúng sanh có tiếp nhận được hay không là do tâm của họ có thanh tịnh hay không. Như cái gương tuy sáng mà bị bụi bám vào, dù cảnh vật tuy sẵn có, cũng không thể hiện gì ra được. Cũng thế, chúng sanh tâm tánh còn cấu nhiễm, thì chư Phật tuy có diệu dụng không thể nghĩ bàn, bình đẳng phổ độ, song họ cũng không thể thấy được Phật. Tuy không thấy Phật tế độ, nhưng Phật vẫn âm thầm gia hộ. Ví như kẻ mù sống dưới mặt trời, tuy họ không thấy được ánh sáng, nhưng mặt trời vẫn chiếu đến, và họ vẫn nhờ ánh sáng mà sống.

(HẾT PHẦN GIẢI THÍCH)

---o0o---

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

CHƯƠNG THỨ TƯ: PHẨM TÍN TÂM, TU HÀNH

CHÁNH VĂN

Chương này là căn cứ vào nhóm chúng sanh chưa vào chánh định mà nói về việc tín tâm tu hành. Về tín tâm thì ước lược có bốn món, còn tu hành lại có năm món.

A. NÓI VỀ BỐN MÓN TÍN TÂM

1. Tin căn bản, tức là ưa nghĩ nhớ pháp chơn như.
2. Tin Phật có vô lượng công đức; hành giả thường phải nghĩ tưởng, gần gũi, cung kính và cúng dường chư Phật, để pháp khởi căn lành và nguyện cầu đặng "Nhứt thế trí".
3. Tin Pháp của Phật có lợi ích lớn; hành giả phải thường nhớ tu hành các pháp Ba la mật.
4. Tin Tăng là người chơn chánh tu hành, tự lợi lợi tha, và hành giả thường ưa thân cận các vị Bồ Tát để cầu học cái hạnh chơn thật.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Luận này có năm chương, ba chương đầu là phần lý thuyết, chương thứ tư nói về thật hành, tức là việc khởi tín tâm tu hành, nên chương này rất cần thiết cho hành giả.

Vậy người nào mới có thể khởi tín tâm tu hành?_ Bồ Tát Mã Minh nói: "Phải chúng sanh chưa vào chánh định, mới có thể khởi tín tâm tu hành". Tại sao thế?_ Vì những người tà định (ngoại đạo) không thể khởi tín tâm tu hành theo Đại thừa; còn những người đã vào chánh định rồi, thì không cần phải nói nữa; duy có người bất định (không nhứt định Đại thừa hay Tiểu thừa) chưa vào chánh định, mới có thể khởi tín tâm tu hành theo Đại thừa được.

Vậy hành giả phải tin cái gì?_ Có bốn món: Trước nhứt hành giả phải tự tin nơi bản tánh chơn như của mình, tức là tin mình sẵn có tánh Phật (khả năng thành phật), cũng gọi là tin tâm Đại thừa. Tin như thế nào?_ Phải luôn luôn tin tưởng và nghĩ nhớ tâm chơn như của mình, Thể nó lớn, Tín nó to, Dụng nó đại. Đó là điều tin căn bản, còn ba điều tin sau này, cũng do tin căn bản mà ra, tức là tin tam bảo_ Tin Phật là người đã chứng được chơn như; tin Pháp là phương pháp để thực hiện chơn như; tin Tăng là người đang thật hành theo chơn như.

Hành giả tin Phật để cầu được nhứt thế trí; tin Pháp để tu hành theo các pháp Ba la mật; tin Tăng để học theo hạnh chơn thật.

---o0o---

CHÁNH VĂN

B. NÓI VỀ NĂM MÔN TU HÀNH

- 1, Bồ thí
2. Trì giới
3. Nhẫn nhục
4. Tinh tấn
- 5, Chi, quán (Định, Huệ)

Thế nào là tu Bồ thí? _ Nếu thấy có người đến xin, hành giả có những tài vật gì tùy theo sức mình, đem bồ thí cho người, thì sẽ được hai điều lợi ích: tự mình bỏ được lòng tham lam bòn xén, và người thọ thí được vui mừng._ Nếu thấy người bị tai nạn, sợ hãi lo buồn, hành giả tận khả năng của mình cứu giúp, làm cho họ hết lo sợ; gọi là thí vô úy (bồ thí cái không sợ). _ Nếu có người đến cầu nghe Phật pháp, hành giả tùy theo sự hiểu biết của mình, phương tiện thuyết pháp; thuyết pháp với tâm niệm tốt đẹp là nghĩ vì tư lợi lợi tha và hồi hướng về đạo Bồ Đề, không vì danh lợi hoặc cầu người cung kính.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Về việc tu hành, hành giả chỉ tu pháp Lục độ thì những hạnh tự lợi và lợi tha đều được đầy đủ.

Bồ thí có ba thứ; thí tài, thí pháp và thí không sợ.

1. Thí tài, tức là thí của, có hai thứ của: a) Đem tiền bạc của cải của mình giúp cho người, gọi là thí ngoại tài (của ngoài thân); b) Hy sinh thân mạng để cứu người, như cho máu những người thiếu máu v.v...gọi là thí nội tài

(của trong thân). Thí ngoại tài thì hành giả sẽ trừ được tâm bợn xen về tiền của. Thí nội tài thì hành giả sẽ bớt được tâm chấp ngã và tự ái.

2. Thí pháp, tức là thí phương pháp, có hai phần: a) Chỉ dạy cho người nhu74ng phương pháp (nghề nghiệp) chơn chánh để tự nuôi sống, gọi là thí về pháp thế gian; b) Dạy người những phương pháp tu hành để giải thoát sanh tử luân hồi, gọi là thí về pháp xuất thế gian. Thí pháp, hành giả sẽ trừ được tâm bợn xen về pháp.

3. Thí không sợ, tức là thí cái không lo sợ, cũng có hai phần: a) về phần tiêu cực, mình không làm cho người lo sợ, gọi là thí không sợ, b) Về phần tích cực, thấy người bị hoạn nạn, đang lo sợ, mình tận lực cứu giúp, làm cho người hết lo sợ, cũng gọi là thí không sợ. Bồ thí không sợ, hành giả sẽ nuôi lớn được lòng từ bi.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Thế nào là tu Trì giới? _ Không sát sanh, trộm cắp, dâm dục, không nói lời dâm thục, nói lời độc ác, không nói dối, nói thêu dệt, không tham sân si, tật đố, đua nịnh, dối trá và tà kiến. Nếu là người xuất gia thì, vì còn dẹp trừ phiền não, nên phải xa lánh chỗ ồn ào, thường ở chỗ thanh vắng, tu hạnh thiểu dục tri túc, hoặc tu hạnh đầu đà v.v... Cho đến một lỗi nhỏ, hành giả cũng phải sanh tâm hổ thẹn, ăn năn sám hối và kiêng sợ; không dám khinh giới luật của Phật. Hành giả phải giữ gìn, đừng để cho người chê bai khinh hiềm, tại mình mà họ tạo tội lỗi.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Giới luật của Phật chế ra, tổng quát có ba phần, gọi là "Tam tụ tịnh giới" (ba phần giới thanh tịnh):

1. Bỏ các điều tội lỗi, gọi là "Nhiếp luật nghi giới";
2. Làm các việc lành, gọi là "Nhiếp thiện pháp giới";
3. Làm lợi ích chúng sanh, gọi là "Nhiêu ích hữu tình giới".

Hành giả tu theo Đại thừa, một mặt là phải giữ ba phần giới này cho thanh tịnh; một mặt nữa là đừng làm những điều sai quấy, để cho thế gian đàm tiếu, mà họ mang lấy tội lỗi.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Thế nào là tu Nhẫn nhục?_ Nhẫn chịu những điều người ta làm cho mình khổ não trong tâm hành giả cũng không nghĩ tưởng đến việc trả thù; và nhẫn chịu tám hướng gió của trần gian thổi đến: 1. Thanh lợi, 2. Suy bại, 3. Huỷ báng, 4. Danh dự, 5. Khen, 6. Chê, 7. Khổ, 8. Vui.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tất cả những hoàn cảnh, làm cho hành giả tạo các tội lỗi, không ngoài tám điều, gọi là "Bát phong" (tám ngọn gió); nhưng tóm lại thì có hai cảnh: thuận và nghịch.

Tài lợi, danh vọng, khen ngợi và vui là bốn ngọn gió thuận cảnh, nó thổi vào biển tâm của hành giả, làm cho nổi lên vô lượng sóng tham lam._ Suy bại, huỷ báng (công kích lỗi người) chê bai (nói xấu) và khổ là bốn ngọn gió nghịch cảnh, nó thổi vào biển tâm của hành giả, làm cho nổi lên vô lượng sóng tham lam._ Suy bại, huỷ báng (công kích lỗi người) chê bai (nói xấu) và khổ là bốn ngọn gió nghịch cảnh, nó thổi vào biển tâm của hành giả, làm cho nổi lên không biết bao nhiêu sóng sân hận.

Hành giả khi gặp các thứ gió, dù thuận hay nghịch, cũng đều phải giữ gìn biển tâm mình cho yên lặng, đừng để các sóng phiền não như tham lam hay sân si v.v...nổi lên. Như thế gọi là tu pháp Nhẫn nhục Ba la mật.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Thế nào là tu Tinh tấn?_ Lập chí kiên nhẫn, tu các việc lành, tâm không trễ nãi và không khiếm nhược. Hành giả phải thường nhớ rằng, từ quá

khứ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã thọ không biết bao nhiêu thân tâm hư giả và chịu không biết bao nỗi khổ lớn lao, đều không có lợi ích gì cả. Bởi thế nên đời nay, ta siêng năng tu các công đức, làm những việc tự lợi lợi tha, để mau xa lìa các khổ.

Lại nữa, nếu người tín tâm tu hành mà bị các nghiệp chướng đời trước làm chướng ngại, hoặc bị các tà ma ác quỷ nhiễu hại, hay bị việc đời ràng buộc, hoặc bị bịnh khổ làm não bức v.v...thì hành giả phải tinh tấn đồng mãnh, ngày đêm sáu thời lễ Phật tụng kinh, thành tâm sám hối, thường hành không bỏ phế; khuyên thỉnh Phật trụ thế và tùy hỷ các việc công đức, để hồi hướng về đạo quả Bồ Đề. Phải lìa như thế, hành giả mới khỏi các điều chướng ngại và căn lành tăng trưởng.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tinh tấn là một yếu tố để thành công trên đường đời cũng như trên đường Đạo. Người tu hành nếu thiếu tinh tấn thì không bao giờ thành đạo chứng quả được. Tinh là tinh chuyên một việc; Tấn là tiến tới không dừng.

Hành giả lập chí đồng mãnh, chuyên tu các pháp lành, tâm không khiếm nhược, phải thường nhớ rằng: Từ vô lượng kiếp đến nay ta thọ biết bao nhiêu thân, chịu biết bao nhiêu khổ, nhưng không làm được điều lợi ích gì cả ! Vậy đời này ta phải tu các công đức, để xa lìa các tội khổ. Nếu người bị nghiệp chướng đời trước nặng nề, hoặc tà ma ác quỷ nhiễu loạn, hay việc đời ràng buộc, bịnh hoạn làm khổ não, v.v...khó hành đạo được, hành giả phải ngày đêm 6 thời, tụng kinh sám hối, không nên bê trễ, thì các chướng ngại sẽ hết và căn lành tăng trưởng.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Thế nào là tu Chi, Quán?_ "Chi" nghĩa là đình chỉ tất cả các vọng tưởng (định), để tùy thuận theo quán không (xa ma tha); "Quán" nghĩa là quán sát các tướng như duyên sanh diệt (huệ) để tùy thuận theo quán giả (tỳ bác xa na).

Sao gọi là tùy thuận?_ Do hành giả từ từ tu tập, một lần cả Chỉ và Quán, đều không rời nhau, nên gọi là tùy thuận.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Tu Chỉ, Quán tức là tu Thiên định và trí huệ. "Chỉ" là đình chỉ các vọng tưởng, tức là Định; "Quán" là quán sát để thấu rõ chơn lý của các pháp, tức là Huệ. Tu Chỉ, Quán sẽ được Định, Huệ; vì Chỉ, Quán là Nhơn, mà Định, Huệ là Quả.

Trong Lục độ, chia riêng ra Thiên định và Trí huệ, là muốn cho hành giả thấy rõ hành tướng, công dụng và kết quả của hai pháp môn khác nhau. Trong Luận này về chương "Tín tâm tu hành", Bồ Tát Mã Minh cũng dạy tu Lục độ, nhưng hai độ sau lại chung làm một và không gọi tu Định, Huệ mà lại gọi là tu Chỉ, Quán?_ Vì Bồ Tát muốn cho hành giả phải hiểu rằng: Về phần tu nhơn thì hai pháp này rất liên quan với nhau; nghĩa là hành giả phải đồng thời tu cả Chỉ và Quán. Trong Chỉ có Quán, trong Quán có Chỉ.

Thế nào là trong Chỉ có quán?_ Nghĩa là muốn ngăn ngừa đình chỉ không cho các vọng tưởng nổi lên, thì hành giả phải quán sát các pháp là không; bởi các pháp là không, nên hành giả chẳng chấp có, và không khởi tâm tham sân v.v...

Thế nào là trong Quán có Chỉ?_ Nghĩa là hành giả quán sát các pháp đều do nhơn duyên hoà hiệp, sanh không phải thật sanh, mà diệt cũng không phải thật diệt. Vì các pháp do nhơn duyên hoà hiệp giả có, nên hành giả chẳng chấp không, và chẳng sanh các phiền não.

---o0o---

NÓI VỀ TU CHỈ (ĐỊNH)

CHÁNH VĂN

Nếu tu "Chỉ" (định) hành giả phải ở chỗ thanh vắng, ngồi ngay thẳng, tâm chơn chánh, chẳng nương hơi thở, chẳng nương hình sắc và hư không, chẳng nương đất, nước, gió, lửa; chẳng nương thấy, nghe, hay biết, cho đến

các tướng niệm đều diệt trừ, rồi hành giả dẹp luôn cái "tâm niệm" trừ tướng niệm nữa.

Do tất cả các pháp từ hồi nào đến giờ, mỗi niệm không sanh, mỗi niệm không diệt, nên hành giả phải không các tướng niệm và cũng không tướng cảnh giới ngoài tâm, rốt sau rồi lấy tâm trừ tâm. Nếu tâm vọng tưởng rong ruổi, thì hành giả phải liền đem trở lại chánh niệm. Phải biết "Chánh niệm" đây, tức là "Duy tâm", không có ngoại cảnh. Và cái tâm này cũng không hình tướng gì có thể tướng niệm được.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Hành giả tu Định (Chỉ), phải ở chỗ thanh vắng, tránh xa nơi ồn ào náo nhiệt; thân ngồi ngay thẳng, không ngược không cúi; tâm phải chơn chánh, tinh táo sáng suốt và tịch tịnh, không phù không trầm; phải thoát ly thân, nghĩa là không nương hơi thở (không sổ tức); không nương hình sắc; phải thoát ly thế giới, không nương hư không, tứ đại; và phải thoát ly tâm, không nương thấy nghe hay biết.

Hành giả phải trừ hết các tướng niệm rồi cái tâm niệm trừ các tướng đó cũng dứt luôn; phải biết các pháp từ hồi nào đến giờ, chỉ là nhứt tâm (Duy tâm), không sanh không diệt, không có cảnh giới ngoài tâm. Bởi thế nên tâm vừa vọng động rong ruổi theo trần cảnh, thì hành giả phải thu lại đem về chánh niệm tức là nhứt tâm, gọi là "dùng nhứt tâm diệt các vọng tưởng"; rốt sau cái "tâm" này (nhứt tâm) cũng không còn, gọi là "dùng tâm trừ tâm".

Các vị Cổ đức dạy rằng: "Người tham thiền, trong phải thoát ly thân tâm, ngoài xa lìa cảnh giới; nghĩa là phải rời tâm, ý, thức mà tham cứu, phải ra khỏi con đường thánh phàm mà tu học, phải viễn ly các cảnh giới vọng tưởng mà cầu đạo". Tóm lại, là phải phóng xả tất cả.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Lại nữa, trong tất cả thì giờ, khi đi đứng nằm ngồi, tới lui qua lại, làm tất cả việc, hành giả phải thường nhớ phương tiện (phương tiện tùy duyên chỉ), nghĩa là tùy thuận quán sát. Hành giả tu tập như vậy lâu ngày thuần

thực, thì tâm được an trụ; do tâm an trụ lần lần mạnh mẽ, nên dẹp sâu phiền não, tín tâm tăng trưởng, đặng tùy thuận vào chơn như tam muội, mau thành vị Bất thối. Chỉ trừ những người nghiệp chướng sâu dày, nghi ngờ bài báng không tin, hoặc ngã mạn biếng nhác, thì không thể nhập Chơn như tam muội được.

Và hành giả nhờ nương pháp Chơn như tam muội này mà biết được pháp giới duy nhất; nghĩa là nhận rõ Pháp thân của chư Phật và thân chúng sanh bình đẳng không hai, nên cũng gọi là Nhứt hạnh tam muội.

Phải biết Chơn như là căn bản của các pháp tam muội; nếu hành giả tu pháp tam muội này, thì lần lần sẽ được vô lượng pháp tam muội.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về "Phương tiện tùy duyên Chỉ"; nghĩa là tu Thiền định không những thường ngồi, mà còn phải phương tiện tùy duyên tu tập, không cho gián đoạn. Khi đi đứng nằm ngồi làm các việc, hành giả cũng phải luôn luôn quán sát tu tập; như thế lâu ngày tâm được an trụ, hơn đó định lực lần lần mạnh mẽ nên tín tâm tăng tấn, dẹp sâu phiền não, được tùy thuận vào Chơn như tam muội, thành bậc Bất thối. Chỉ trừ những người huỷ báng không tin, thì không được vào Chơn như tam muội.

Hành giả được Chơn như tam muội rồi, thì biết pháp giới là một, chúng sanh và chư Phật bình đẳng không hai, mê ngộ đồng một tánh, nên cũng gọi là Nhứt hạnh tam muội (Tam muội đồng nhứt thể).

Chơn như tam muội là căn bản của các pháp tam muội, nên người ngộ được Chơn như tam muội rồi thì sẽ được các pháp tam muội khác.

Chữ "Tam muội", Tàu dịch là Chánh định hay Chánh thọ; Nghĩa là tu Định đã đến lúc thuần thục hay đúng mức.

(Đã nói tu thiền định rồi, tiếp sau đây sẽ nói các việc ma)

---o0o---

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

CHƯƠNG THỨ TƯ :PHẦN TÍN TÂM TU HÀNH

(tiếp theo và hết)

C. NÓI VỀ CÁC THỨ MA CHƯỚNG TRONG KHI TU THIỀN

CHÁNH VĂN

Nếu chúng sanh nào căn lành mỏng ít, bị các tà ma ngoại đạo, hoặc quỷ thần làm não loạn, trong khi hành giả tham thiền, chúng hiện các hình tướng ghê sợ, hoặc hiện kẻ trai người gái xinh đẹp v.v...thì phải quán Duy tâm, lúc bấy giờ các ma này tiêu diệt, không còn làm gì nữa được.

Hoặc chúng hiện hình chư Thiên, Bồ Tát, Phật, cũng đủ các tướng tốt; hoặc nói thần chú, nói pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ; hoặc nói pháp bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán, không thân, không nhờn, không quả, rớt ráo trống không vắng lặng, gọi đó là Niết bàn. Hoặc chúng làm cho hành giả biết được đời trước của mình (túc mạng thông) hoặc biết những việc quá khứ vị lai, biết đặng tâm người (tha tâm thông) biện tài vô ngại. Chúng làm cho hành giả tham luyện danh lợi ở thế gian v.v...Hoặc ma làm cho hành giả tánh không chùng đỗi, hay giận, hay cười, ưa ngủ, nhiều bệnh, hoặc nhiều thương xót, tâm hay giải đãi; hoặc có khi rất tinh tấn, có lúc lại bê tha hoặc sinh tâm nghi ngờ không tin, và nhiều lo nghĩ; hoặc bỏ pháp tu căn bản, trở lại tu các tạp hạnh; hoặc đắm nhiễm các việc triền phược ở thế gian; hoặc làm cho hành giả đặng chút ít phần tương tự như các pháp tam muội, song đó là cảnh bị chướng của ngoại đạo, không phải thật tam muội; hoặc làm cho hành giả ở trong Định, từ một ngày hoặc đến bảy ngày, tự nhiên đặng món ăn thơm ngon, thân tâm vui thích, không biết đói khát; khiến cho hành giả rất ưa thích. Hoặc làm cho hành giả ăn không chùng đỗi, khi nhiều khi ít, sắc mặt biến đổi luôn. Khi gặp những cảnh như vậy, hành giả phải thường dùng trí huệ quán sát, siêng năng giữ gìn Chánh niệm, không nên chấp thủ, chớ để cho tâm mình đoạ vào lưới tà. Phải như thế hành giả mới xa lìa được các ma chướng.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Người tu thiền định, khi phá trừ ngũ âm, sẽ bị trên năm chục món ma, biến hiện đủ cách để thử thách và nhiễu hại người tu Thiền.

Khi gặp các cảnh ma ấy, hành giả phải dụng tâm như thế nào, và dùng những phương pháp gì để diệt trừ, thì trong kinh Lăng nghiêm Phật đã dạy rất rõ ràng và kỹ lưỡng, (quí vị nên đọc đoạn Ngũ âm ma trong quyển Đại cương Lăng nghiêm).

Trong Luận này, Ngài Mã Minh Bồ Tát chỉ nói sơ lược về ma; Hoặc chúng hiện thân Phật, thân Bồ Tát ; hoặc nói kinh thuyết pháp thông suốt; hoặc làm ch người tu thiền biết được việc quá khứ, vi lai; hoặc đặng túc mạng thông, tha tâm thông, biện tài vô ngại; hoặc làm cho người tu thiền tham lam danh lợi v.v...

Khi gặp các cảnh ma như vậy, hành giả phải dùng quyền luyện, nhiệm trước và dùng sanh tâm vui mừng hay lo buồn, mà phải luôn luôn quán Duy tâm; nghĩa là quán do dụng công tu thiền, nên tâm hiện ra các cảnh như vậy, chứ không có gì lạ và cũng không phải chứng chi cả. Kinh Lăng nghiêm, Phật nói: " ...Nếu hành giả không chấp mình được Thiền hay chứng Thánh thì tốt, còn chấp mình Thiền hay chứng Thánh thì đoạ vào tà đạo" (Bát tác Thánh tâm danh thiện cảnh giới, nhược tác thánh giải tức thọ quần tà). Phải dụng tâm như thế thì các cảnh ma kia tự nhiên tiêu diệt. Nếu hành giả vui mừng, cho mình được Thiền hay chứng Đạo v.v...thì bị ma ám ảnh nhiễu hại; vì các việc ma là hiện thân của sự tham luyện vui buồn chấp thủ.

---o0o---

CHÁNH VĂN

Phải biết, các pháp thiền định (tam muội) của ngoại đạo tu tập, đều không rời phiền não hữu lậu vì tâm còn ngã mạn, chấp ngã tham lam danh lợi ở thế gian và cầu người cung kính.

Còn tu pháp Chơn như tam muội (thiền định) này thì không có tướng gì để được, lại có công năng làm cho các phiền não lần lần mỏng ít; cho đến khi xuất định hành giả cũng không giải đãi. Nếu người tu hành mà không tu pháp Chơn như tam muội này, thì không thể nhập được dòng giống của Như Lai.

Tu các pháp thiền định tam muội của thế gian, cũng như thiền định của ngoại đạo, đều thuộc trong Tam giới, vì còn các phiền não chấp ngã và say đắm nhiễm trước nơi cảnh thiền. Bởi thế nên người tu thiền định, nếu không có Thiện tri thức dẫn dắt, thì quyết định sẽ lạc vào ngoại đạo.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Trong kinh Lăng nghiêm, khi Phật sắp chỉ dạy phương pháp tu hành thì Phật đã khuyên bảo dặn dò ông A Nam và đại chúng rằng "Phải phân biệt rành rõ hai món căn bản: 1. Vọng tâm phiền não là căn bản của sanh tử luân hồi và 2. Chơn tâm thanh tịnh là căn bản của Bồ Đề Niết bàn. Nếu các ông nhận lầm là căn bản của sanh tử luân hồi làm như tu hành, thì không bao giờ thành Phật được; và cũng như người nhận giặc làm con, chỉ bị nó phá hại mà thôi". Bởi thế nên, đoạn này Bồ Tát Mã Minh phân tách rành rõ tà định và chánh định, để cho hành giả khỏi lầm lạc.

Thiền định của ngoại đạo và thế gian là do phiền não hữu lậu làm động cơ thúc đẩy, như vì lợi dưỡng, cầu người cung kính v.v...mà tu. Khi tu thiền, thấy được một vài thắng cảnh thì họ ngã mạn cống cao và tham ái nơi cảnh thiền v.v...Bởi thế nên tu chùng nào, thì họ lại tăng trưởng bản ngã, thêm nhiều phiền não, đào sâu hố 61 tà, luân hồi mãi trong tam giới.

Còn thiền định của chư Phật là do chơn như thanh tịnh (chơn như) làm động cơ, nên không vì lợi dưỡng hay cầu người cung kính, khi thấy thắng cảnh, chỉ quán là Duy tâm, không móng tâm tham luyến, không ngạo mạn cống cao, không nuôi lớn bản ngã. Bởi thế nên hành giả tu chùng nào thì phiền não càng tiêu, được vào cảnh giới của chư Phật.

Tóm lại, người tu thiền định, nếu không có Thiện hữu tri thức (Minh sư chỉ giáo) để dẫn dắt, thì dễ lạc vào tà kiến ngoại đạo.

---o0o---

D. MƯỜI ĐIỀU LỢI ÍCH THIỀN ĐỊNH

CHÁNH VĂN

Người chuyên tâm tinh tấn tu pháp tam muội này (Chơn như tam muội) thì hiện đời sẽ được mười điều lợi ích:

1. Được mười phương chư Phật và Bồ Tát thường hộ niệm.
2. Không bị các ma quỷ khủng bố.
3. Không bị chín mươi lăm thứ thiên ma ngoại đạo làm mê hoặc.
4. Xa lìa những việc huỷ báng Chánh pháp và các tội chướng nặng nề dần dần mỏng ít.
5. Diệt hết các nghi ngờ và những sự thấy nghe tội lỗi.
6. Đối với các cảnh giới của chư Phật, lòng tin tăng trưởng.
7. Xa lìa các điều ăn năn lo lắng và đối với việc sanh tử, tâm không khiếp sợ.
8. Tâm được nhu hoà, bỏ tánh kiêu mạn, chẳng bị người làm nã hại.
9. Dù chưa chứng Định, song trong tất cả thời gian, tất cả cảnh giới, hành giả có thể làm cho các phiền não tổn giảm và không tham vui ở thế gian.
10. Nếu được Tam muội thì không bị các âm thanh của trần gian và các ngoại duyên làm chao động.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Người tu hành là một vị Tướng soái cùng với các ma quân trường kỳ kháng chiến, không phải kháng chiến một năm một tháng, mà phải nhiều đời nhiều kiếp, không phải một ngày một buổi, mà phải đánh từng giờ từng phút với giặc nội tâm (phiền não). Cố nhiên hành giả phải trải qua ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là tự vệ, phải trải qua một a tăng kỳ kiếp (một vô số kiếp), hành giả thua nhiều thắng ít; giai đoạn thứ hai là cầm cự, trải qua một a tăng kỳ kiếp thứ hai, hành giả năm ăn năm thua; giai đoạn thứ ba là phản công, cũng trải qua một a tăng kỳ kiếp nữa, hành giả thắng nhiều mà thua ít. Tuy nhiên, nếu hành giả thành tâm chuyên nhứt, tinh tấn tu học pháp "chơn như tam muội" này, thì sẽ được mười điều lợi ích như trên; mà điều lợi ích

thứ nhứt là đợc chư Phật và Bồ Tát thường hộ niệm; như vậy, lo chi chẳng đợc thành đạo chú?ng quả.

(Trên đã nói tu Chỉ, tiếp theo đây sẽ nói tu Quán)

---o0o---

E. BẢY PHÁP QUÁN

CHÁNH VĂN

Nếu người tu Chỉ (Định) mà tâm bị trầm một (chìm lặng) sanh ra giải đãi, hoặc chẳng ưa làm việc lành, xa lìa tâm Đại bi, thì phải tu Quán.

1. Quán vô thường: Quán tất cả các pháp hữu vi trong thế gian, không có lâu dài, giây phút biến hoại.
2. Quán khổ: Quán tất cả tâm hạnh là khổ, vì mỗi niệm sanh diệt không dừng.
3. Quán vô ngã: Quán các pháp như quá khứ như chiêm bao, các pháp hiện tại như chớp nhoáng, các pháp vị lai như mây tụ tán.
4. Quán bất tịnh: Quán tất cả thân hình nam, nữ trong trần gian đều bất tịnh, đủ các thứ ô uế, không có một chút gì sạch sẽ đáng ưa.
5. Quán Đại bi: Hành giả phải thường nhớ tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ, đều bởi vô minh huân tập, làm cho tâm sanh diệt, và đã thọ không biết bao nhiêu thân hình khổ não; hiện tại đây vẫn bị vô lượng sự khổ sở đang áp bức, cho đến vị lai cũng còn chịu các điều khổ não, không biết chừng nào cùng tận. Chúng sanh bị các khổ sở như thế, không thể lìa bỏ đợc, thế mà không hay không biết, thật đáng thương xót.
6. Quán Đại nguyện: Hành giả thường suy nghĩ chúng sanh khổ sở như thế, nên phát tâm đồng mãnh, tu tất cả công đức lành, lập lời thệ nguyện rộng lớn: "Nguyện cho tâm tôi không cò phân biệt thân sơ (đồng thể) để dùng vô lượng phương tiện cứu độ tất cả chúng sanh khổ não khắp cả mười phương, cùng tận vị lai, đều đợc an vui Niết bàn".

7. Quán Tinh tấn: Do hành giả đã phát nguyện rộng lớn như vậy, nên trong tất cả thời gian và tất cả mọi nơi, phải siêng năng tu học, tùy theo khả năng của mình mà làm các việc lành, tâm không giải đãi.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Hành giả nếu tu "Chỉ" mà không tu "Quán" thì có thể sanh ra những tai hại là xa lìa tâm Đại bi, không ưa làm các việc lành. Bởi thế nên muốn tránh những tai hại ấy, hành giả phải tu "Quán".

Trước nhất, hành giả phải quán "Tứ niệm xứ" để thấy rõ thân tâm và thế giới đều là vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh". Tiếp đó hành giả dùng quán Đại bi cứu độ. Rồi tiếp dùng quán Đại nguyện, nghĩa là khi đã thấy chúng sanh khổ quá, nên hành giả tự phát lời thệ nguyện rộng lớn và dưng mãnh độ sanh với tâm bình đẳng, không phân biệt thời gian và không gian. Hành giả đã lập Đại nguyện rồi thì phải dùng quán Tinh tấn, nghĩa là phải tận lực của mình làm các điều lợi ích cho chúng sanh trong mười phương, không khi nào rảnh việc.

---o0o---

G. CHỈ VÀ QUÁN ĐỒNG THỜI TU

CHÁNH VĂN

Chỉ trừ những lúc ngồi chuyên tu pháp "Chỉ" còn ngoài ra tất cả thì giờ khác, hành giả đều phải quan sát những việc gì nên làm, việc gì không nên làm.

Khi đi, đứng, nằm, ngồi hành giả phải đồng thời tu cả Chỉ và Quán. Nghĩa là hành giả tuy trong khi quán tự tánh của các pháp không sanh (Chỉ), nhưng cũng quán do nhơn duyên hoà hiệp, nên nghiệp lành dữ và quả báo khổ vui không mất (Quán)_ Tuy trong lúc quán do nhơn duyên hoà hiệp nghiệp báo không mất (Quán), nhưng hành giả cũng quán tự tánh của các pháp không sanh (Chỉ).

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Bồ Tát MaMinh dạy hành giả trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi đều phải tu cả Chỉ và Quán. Trong khi quán các pháp vô sanh, để trừ tâm tham lam ái trước v.v...thì hành giả cũng quán như duyên hoà hiệp, như quả lành dữ không mất, để rộng tu các việc lành và giáo hoá chúng sanh. Tuy "quán không" mà chẳng bỏ môn hạnh lành; "quán có" mà tâm tánh vẫn thanh tịnh, không nhiễm trước, ái luyến một cảnh nào. Đó là lợi ích của Chỉ và Quán đồng thời tu vậy.

---o0o---

H. LỢI ÍCH TU CHỈ QUÁN

CHÁNH VĂN

Phàm phu tu "Chỉ" thì trừ được tâm nhiễm trước thế gian; Nhị thừa tu "Chỉ" thì bỏ được tâm khiếp nhược. Phàm phu tu "Quán", xa lìa được cái bịnh chẳng ưa tu pháp lành; Nhị thừa tu "Quán", đối trị được tâm hẹp hòi ích kỷ, chẳng khởi Đại bi. Bởi thế nên phải tu cả Chỉ và Quán, giúp nhau mới thành, không thể rời nhau được. Nếu hành giả không tu cả Chỉ và Quán thì sẽ không thể vào đạo Bồ Đề.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Nhờ tu "Chỉ" nên hành giả ngăn được sự tham trước và khiếp nhược. Nhờ tu "Quán" nên hành giả phát khởi tâm Đại bi và làm lợi ích cho chúng hữu tình. Bởi thế nên pháp Chỉ, Quán, (Định, Huệ) là con đường lớn của hành giả để về cõi Phật.

---o0o---

I. PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

CHÁNH VĂN

Lại nữa, nếu có chúng sanh mới tu pháp này, tâm còn khiếp sợ, muốn được Chánh tín, nhưng lo sợ "ở cõi ta bà không thường gặp Phật, nghe pháp và cúng dường, e sợ lòng tin của mình không thành tựu", muốn thôi chí, thì

những chúng sanh ấy biết rằng: Phật còn có phương tiện thù thắng, bảo đảm tín tâm của hành giả được thành tựu. Phương tiện ấy là "Nhơn duyên chuyên tâm niệm Phật, cầu sanh về cõi Phật ở phương khác, để thường được thấy Phật, nghe pháp", thì chắc chắn xa lìa được ác đạo.

Trong Khế kinh, Phật dạy: "nếu người chuyên tâm niệm Phật A di đà ợ thể giới Cực lạc phương tây, và đem công đức tu hành hồi hướng phát nguyện cầu sanh về đó, thì quyết định sẽ sanh về thế giới Cực lạc, được thường thấy Phật và nghe pháp, không bao giờ thối chuyển".

Nếu hành giả quán chơn như Pháp thân của Phật A di đà và thường siêng năng tu tập, thì rất ráo sẽ được sanh vào hàng ngũ chánh định

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Hành giả muốn hái quả Phật, tất nhiên phải leo lên cây Bồ Đề cao 6 thước, là Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ. Quan trọng nhất là hai thước sau; trong Luận này gọi là Chỉ và Quán. Đó là điều duy nhất của các vị Bồ Tát đã và sẽ chứng quả Phật.

Nhưng, có người lo ngại: "Chúng phàm phu đến quả Phật, phải tu nhiều kiếp và trải qua thời gian lâu xa là ba vô số kiếp; hơn nữa, ở cõi Ta bà này có rất nhiều chướng ngại, và không thường gặp Phật, sự tu khó thành công". Muốn cho những người ấy hết lo ngại, bảo đảm sự tu hành chắc chắn được kết quả, nên Bồ Tát Mã Minh chỉ thêm một phương tiện thù thắng của Phật, là dạy người "Nhứt tâm niệm Phật, hồi hướng cầu sanh về cõi nước của Phật A di đà, để thường gặp Phật và làm bạn với các vị Bồ Tát, ngày đêm sáu thời thường nghe tiếng pháp; cho đến gió thổi, cây rung, suối reo, chim hót, cũng đều diễn ra những pháp: Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ Đề, Bát chánh đạo v.v..."; như trong kinh Di đà đã nói.

Hành giả gặp hoàn cảnh thuận tiện, tốt đẹp như thế, thì lo gì chẳng thành đạo chứng quả. Bởi thế nên pháp "Nhứt tâm niệm Phật" là phương tiện thù thắng nhất của đức Đại bi Thế tôn

(Đã hết chương thứ tư là Tín tâm, Tu hành)

---o0o---

CHƯƠNG THỨ NĂM : LỢI ÍCH VÀ KHUYẾN TU

CHÁNH VĂN

Pháp Đại thừa bí mật của chư Phật, tôi đã nói một cách tổng quát rồi. Nếu có người nào đối với pháp Đại thừa của Như Lai (thậm thâm cảnh giới) đã không nghi ngờ hay bài bác, lại còn sanh tâm chánh tín muốn vào Đại thừa, nên họ thọ trì (văn) suy nghĩ (tư) và tu tập (tu) theo Luận này, thì người ấy sẽ được đạo vô thượng Bồ Đề. Nếu người nào nghe đến Pháp Đại thừa này mà tâm không nghi sợ thì người ấy sẽ được chư Phật thọ ký và quyết định sẽ nối dòng Phật.

Giả sử có người giáo hoá chúng sanh cả Đại thiên thế giới (một nghìn triệu thế giới nhỏ) đều tu thập thiện, công đức của người này tuy nhiều, nhưng không bằng có người chỉ ở thời gian ngắn như trong bữa ăn, tu pháp Đại thừa này, thì công đức lại nhiều hơn người trước không thể so sánh được.

Lại nữa, nếu có người, hoặc trong một ngày đêm, thọ trì, quán sát và tu hành theo Luận này, thì người ấy sẽ được công đức vô lượng vô biên, không thể nói hết. Dầu cho mười phương chư Phật ở trong vô lượng vô biên, a tăng kỳ kiếp (vô số kiếp) tán thán công đức của người đó cũng không hết. Tại sao vậy? _ Bởi vì pháp Đại thừa (Phật tánh) có công đức không cùng tận; Luận này nói về pháp Đại thừa nên người thọ trì và tu tập, theo luận này, cũng được công đức vô lượng vô biên như vậy.

Nếu chúng sanh nào đối với Luận này mà huỷ bác, không tin, thì chúng sanh đó sẽ bị tội báo lớn, trải qua vô lượng kiếp thọ khổ não. Vì thế nên chúng sanh phải tin tưởng không nên huỷ bác Luận này, bởi có hại cho mình và người, đoạn tuyệt giống Tam bảo.

Tất cả chư Phật đều do pháp Đại thừa này mà được Niết bàn; các vị Bồ Tát cũng nhờ tu pháp Đại thừa này mà đặng vào trí Phật. Các vị Bồ Tát quá khứ, hiện tại và vị lai đều tu theo pháp Đại thừa này mà được thành tựu đức tin thanh tịnh. Bởi thế nên chúng sanh phải siêng năng tu học.

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Chương thứ năm này nói về sự lợi ích và khuyên người tu hành. Bộ Luận này nói về pháp Đại thừa, tức là tâm chúng sanh hay Phật tánh, hoặc gọi chơn như hay Pháp thân v.v...Chư Phật, Bồ Tát quá khứ, hiện tại và vị lai đều tu theo pháp Đại thừa mà được thành đạo chứng quả. Bởi thế nên người tu theo pháp Đại thừa chỉ trong thời gian ngắn, như trong bữa ăn hay một ngày đêm, công đức người này nhiều hơn người dạy chúng sanh trong Đại thiên thế giới tu Thập thiện; vì tu Thập thiện chỉ hưởng phước hữu lậu ở cõi trời; và mười phương chư Phật tán dương công đức của người tu theo Đại thừa cũng không hết lời, vì công đức này thuộc về chơn tâm thanh tịnh vô lậu, biến khắp tất cả.

Trái lại nếu chúng sanh nào huỷ báng không tin Luận này, tức là huỷ báng không tin pháp Đại thừa hay không tin tánh Phật, tâm chơn như v.v...của mình thì chúng sanh đó tự đoạn pháp thân huệ mạng của mình, làm mất giống Phật pháp của mình nên nhiều kiếp phải chịu sanh tử luân hồi trầm luân trong biển khổ.

Vì thế nên chúng sanh không nên nghi ngờ huỷ báng, mà phải tin tưởng và tu theo Luận này.

---o0o---

BÀI KỆ HỒI HƯỚNG

CHÁNH VĂN

Nghĩa lý rộng sâu của chư Phật

Tôi nay tổng quát nói đã rồi

Nguyện đem công đức về Pháp tánh

Tất cả chúng sanh đều được lợi

---o0o---

LƯỢC GIẢI

Theo lệ thường, các vị Bồ Tát khi tạo luận, trước nhứt nói bài kệ quy kính Tam bảo, để cầu Tam bảo gia hộ cho việc làm của mình được khế lý và hợp cơ; rồi sau nói bài kệ hồi hướng, để hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều nhờ công đức này mà được lợi lạc. Đây là bài kệ hồi hướng.

Dịch chánh văn xong ngày 27 tháng Giêng Tân Sửu

Lược giải và tu chỉnh, xong ngày 28 tháng Chạp năm Tân Sửu (1961)

In xong giữa mùa Sen nở, năm Nhâm Dần (1962)

---o0o---

HẾT